

TÀI LIỆU KỸ THUẬT**SỔ TAY****HƯỚNG DẪN LỒNG GHÉP GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN
TAI VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI
CẤP TỈNH, CÁC NGÀNH TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP****Biên soạn:**

Lê Thị Mộng Phượng (chuyên gia tư vấn của ADPC) và đại diện Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN tỉnh Đồng Tháp và đại diện các sở: (i) Sở Kế hoạch và Đầu tư; (ii) Sở NN& PTNT; (iii) Sở Giáo dục và Đào Tạo; (iv) Sở Y Tế; (v) Sở Giao Thông Vận Tải; (vi) Sở Tài nguyên và Môi trường; (vii) Sở Xây dựng

Đồng Tháp tháng 9 năm 2010

MỤC LỤC

Bảng chữ cái viết tắt	4
1. LỜI GIỚI THIỆU	5
2. CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO VIỆC LỒNG GHÉP GIẢM NHE RỦI RO THIÊN TAI VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN LINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH, NGÀNH	11
2.1 Các chính sách của chính phủ.....	11
2.2 Các chính sách và văn bản căn cứ cho việc lồng ghép (cấp tỉnh).....	12
3. Các quan điểm chỉ đạo	14
3.1 Các quan điểm chỉ đạo chung	14
3.2. Quan điểm trong Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu	16
3.3. Quan điểm thực hiện	17
4. Các nguyên tắc lồng ghép	19
4.1 Các nguyên tắc trong xây dựng Chương trình nghị sự của ngành và địa phương ..	19
4. 2. Các nguyên tắc khi tiến hành lồng ghép	19
5. Ngân sách lồng ghép.....	23
5.1 Cấp trung ương	23
5.2 Cấp tỉnh.....	24
5.3 Về công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp.....	24
5.4 Về cơ chế đầu tư	24
6. QUY TRÌNH, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LỒNG GHÉP	25
Bước 1: Rà soát, đánh giá tình hình thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu tại địa phương	25
Bước 2: Rà soát, nắm chắc mục tiêu, các giải pháp, các Chương trình, Dự án cụ thể của tỉnh nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra và nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu để có căn cứ lựa chọn các nội dung cần lồng ghép	30
Bước 3: Tiến hành lồng ghép.....	31
7. GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ LỒNG GHÉP	36
7.1. Mục đích giám sát đánh giá hiệu quả lồng ghép.....	36
7.2. Tiêu chí đánh giá kết quả lồng ghép	36
7.3. Thời gian thực hiện đánh giá kết quả lồng ghép.....	37
7.4. Trách nhiệm đánh giá hiệu quả lồng ghép	37
8. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP ĐÃ CÓ SỰ LỒNG GHÉP- QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT	38
8.1 Quy Trình xây dựng kế hoạch của Phát triển Kinh tế Xã hội 5 năm của tỉnh Đồng Tháp	38
8.2 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành	42
8.2.1 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn – phương án đề xuất.....	42
8.2.2 Quy Trình xây dựng kế hoạch của ngành GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO.....	47
8.2.3 Quy Trình xây dựng kế hoạch của ngành Y Tế có sự lồng ghép – phương án đề xuất.....	52
8.2.4 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành TNMT- Tài nguyên Nước – phương án đề xuất.....	56
8.2.5 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành GTVT – phương án đề xuất	60
8.2.6 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành Xây dựng – phương án đề xuất	63
Tài liệu tham khảo	69

Phụ lục 1 – Thuật ngữ sử dụng	71
CÁC PHỤ LỤC	82

Bảng chữ cái viết tắt

ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
ADPC	Trung tâm Phòng chống Thiên tai Châu Á
ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
BCĐ	Ban chỉ đạo
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BCH PCLB&TKCN	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn
ĐBSCL	Đồng Bằng sông Cửu Long
NNPTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
PCGNTT	Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai
PCLBGNTT	Phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai
PCLB	Phòng chống lụt bão
PCLB&TKCN	Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn
PTKTXH	Phát triển kinh tế xã hội
PTNT	Phát triển nông thôn
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
TKCN	Tìm kiếm cứu nạn
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
TP	Thành phố
UBND	Ủy ban nhân dân
QLRRTT,	Quản lý rủi ro thiên tai

1. LỜI GIỚI THIỆU

Đồng Tháp là tỉnh đầu nguồn sông Cửu Long có lợi thế về nguồn cung cấp nước, nhưng thường xuyên phải chịu nhiều tác động bất lợi của thiên tai. Trong những năm qua, thiên tai gây ra nhiều thiệt hại về người và cơ sở hạ tầng, tác động tiêu cực đến môi trường và ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động kinh tế và xã hội. Trong những năm qua, thường xuyên phải chịu nhiều tác động bất lợi bởi các thiên tai như lũ lụt, sạt lở đất ven sông, dịch bệnh, lốc tố, sấm sét, ngập úng do mưa to và triều cường, cháy rừng, hạn hán, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, bão và ATNĐ. thiên tai gây ra nhiều thiệt hại về người, sản xuất, phá hủy các công trình kết cấu hạ tầng và nhà ở của nhân dân, tác động xấu đến môi trường và phát sinh dịch bệnh, ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động kinh tế - xã hội.

Lũ lụt ở ĐBSCL nói chung và ở Đồng Tháp nói riêng chịu ảnh hưởng của lũ ở thượng nguồn sông Mê Kông, sự điều tiết của biển hồ, các vùng ngập và sự tiêu thoát của hệ thống sông, kênh rạch trên lãnh thổ Campuchia về Việt Nam

Nước lũ chảy về Việt Nam theo 2 sông chính, sông Tiền và Sông Hậu chiếm khoảng 80-85%, qua các kênh rạch và bãi tràn vào Đồng Tháp, An Giang và tứ giác Long Xuyên chiếm khoảng 15-20%¹. Chuyển 15-20% lượng nước lũ này ra ngoài phạm vi các vùng ngập là một điều vô cùng khó khăn. Triết lý “Sống chung với lũ” vẫn là mục tiêu lâu dài cho vùng ngập ĐBSCL nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng. Do “sống chung với lũ” nên hệ thống sông ngòi, kênh rạch trong vùng ngập lụt vừa có chức năng cấp nước, tiêu úng vừa có chức năng thoát lũ. Tuy nhiên, sau mùa lũ, kiến trúc cảnh quan sông rạch, đô thị, nhà ở... không còn nguyên vẹn, cơ sở hạ tầng xuống cấp bờ sông, kênh rạch bị sạt lở, môi trường bị ô nhiễm... vì vậy việc Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh phải phù hợp với quy hoạch lũ

Hàng năm xảy ra lũ lụt, mùa lũ bắt đầu từ cuối tháng VI đến tháng XI hàng năm. Lũ thường có 2 đỉnh, đỉnh lũ sớm thường xuất hiện từ trung tuần tháng VII đến trung tuần tháng VIII và đỉnh lũ chính vụ xuất hiện từ trung tuần tháng IX đến trung tuần tháng X. Theo tài liệu đo đạc trung bình khoảng 3 năm thì có 1 năm mực nước đỉnh lũ tại trạm Thủy văn Tân Châu lớn hơn 4,50 m, trong đó thời kỳ 3 năm liên tục có đỉnh lũ lớn hơn 4,50 m như: 1937-1939, 1946-1948 và 2000-2002¹. Những năm lũ về sớm, ngập sâu kéo dài làm chết đuối nhiều người (năm 2000 có 148 người chết đuối), gây thiệt hại đến sản xuất và cơ sở hạ tầng, hàng ngàn hộ dân vùng ngập sâu phải kê kích nhà cửa hoặc di dời đến nơi an toàn, các hoạt động

¹ Báo cáo của Sở Xây dựng ngày 23-8-2010 phục vụ cho hoạt động tham vấn của tư vấn

kinh tế - xã hội bị đình trệ. Lũ lụt từ năm 2000-2009 làm chết 393 người (287 trẻ em), 469.366 hộ bị ngập nặng, 45.388 hộ phải di dời, 972.944 học sinh phải nghỉ học, diện tích lúa mất trắng 8.190 ha và giảm năng suất trên 30% là 36.042 ha².

Sạt lở bờ sông xảy ra tại 10/12 huyện, thị xã, thành phố. Đến đầu năm 2009 toàn tỉnh có 96 đoạn bờ sông bị sạt lở thuộc địa phận 43 xã, phường, thị trấn với 5.510 hộ dân nằm trong vành đai đang bị sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở trong thời gian tới, trong đó 2.377 hộ ở cách mép sông từ 0-20m phải di dời. Sạt lở gây mất đất sản xuất, thiệt hại về nhà ở, tài sản của nhân dân và các công trình kết cấu hạ tầng, ảnh hưởng tới đời sống của hàng ngàn hộ dân sống trong khu vực. Từ năm 2000-2009, sạt lở làm chết 01 người, bị thương 2 người, đã mất 404 ha đất, đã di dời 5.655 hộ, tổng thiệt hại về vật chất ước tính 127,2 tỷ đồng³.

Các hiện tượng thời tiết cực đoan (nắng gắt, nhiệt độ cao và thấp bất thường, mưa trái mùa) sóng nhiệt, các chất gây ô nhiễm không khí do BĐKH gây ra làm xuất hiện bệnh cúm A (H5N1), sốt xuất huyết, bệnh tả, tiêu chảy, thương hàn, hội chứng viêm đường hô hấp cấp (SARS), riêng các bệnh ngoài da và phụ khoa xuất hiện nhiều trong mùa lũ. Theo thống kê của ngành y tế từ năm 2000-2009 xảy ra 4 ca cúm A (H5N1) cả 4 ca đều tử vong. Đối với cây trồng bị rầy nâu, sâu cuốn lá, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, bệnh đạo ôn; trước năm 2006 sâu bệnh chủ yếu ở mức thấp, từ vụ Hè thu năm 2006 đến nay rầy nâu bùng phát với mật độ cao và gây hại trên diện rộng, đặc biệt vụ Thu đông năm 2006 có hơn 30% diện tích bị nhiễm bệnh.

Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc và sấm sét xảy ra từ tháng IV đến tháng XI hàng năm ở hầu hết các nơi trong tỉnh. Từ năm 2000-2009, sấm sét làm chết 50 người, đông lốc làm sập 3.454 căn nhà, tốc mái 7.201 căn nhà, 177 phòng học, 9 trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh, ước thiệt hại về vật chất 32,857 tỷ đồng.

Ngập úng do triều cường (nước phân), mưa to trái mùa xảy ra thời gian cuối mùa lũ, gây ngập úng cho lúa Đông Xuân mới xuống giống. Mưa to xảy ra từ tháng VIII đến tháng X hàng năm, làm ngập úng diện tích lúa Thu Đông và Vườn cây ăn trái, phải tiêu úng rất tốn kém, năng suất và chất lượng sản phẩm giảm đáng kể.

² Trích theo Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, (tháng 7-2010), trang 15-16

³ Trích theo Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, (tháng 7-2010), trang 15-16

Cháy rừng xảy ra về mùa khô, mực nước xuống thấp, không khí khô hanh thường cháy ra cháy do người dân xâm nhập vào rừng gây ra. Từ năm 2006-2009 xảy ra 54 vụ cháy 183,7 ha rừng và 267,1 ha đồng cỏ.

Tình trạng khô hạn nghiêm trọng trong mùa khô các năm 1998, 1999, 2003, và 2010. Nguyên nhân chủ yếu là do lượng mưa từ tháng I-IV không đáng kể, nhiệt độ tăng cao và không khí khô hanh, mực nước trên kênh rạch xuống thấp hơn trung bình nhiều năm từ 0,20 - 0,45m và kinh phí tạo vét kênh rạch bị bồi lắng cạn kiệt hạn chế.

Là tỉnh nằm sâu trong lục địa ít bị ảnh hưởng trực tiếp của bão và ATNĐ. Con bão số 9 (Rurian) đổ bộ vào Đồng bằng sông Cửu Long ngày 04/12/2006, với sức gió cấp 8, cấp 9, làm sập và tốc mái hư hỏng nặng 437 căn nhà, 26 phòng học, 4 trụ sở cơ quan và gây đổ ngã 6,7 ha vườn cây ăn trái tại khu vực các huyện, thị xã phía nam của tỉnh.

Biến đổi khí hậu làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan (nhiệt độ tăng cao, mưa to trái mùa) trên địa bàn tỉnh. Nhiệt độ khu vực tỉnh Đồng Tháp có xu hướng tăng dần trong thời kỳ 1995-2007, đặc biệt từ năm 2000 đến nay, nhiệt độ trung bình ở Đồng Tháp liên tục cao hơn trung bình nhiều năm, điều này phản ánh tình trạng ấm dần lên tại Đồng Tháp. Do ảnh hưởng của nước biển dâng dẫn đến mức độ ngập lụt khu vực các huyện, thị xã phía nam tỉnh trong 10 năm trở lại đây tăng lên. Đinh lũ trung bình từ 2000-2009 tại khu vực các huyện, thị xã phía nam tỉnh tăng từ 17-24 cm so với thời kỳ từ 1980-2009.

Để chủ động quản lý được những tác động của thiên tai đến phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo sự phát triển bền, được sự tài trợ của Ngân hàng Thế giới (WB), Bộ Nông nghiệp & PTNT đã triển khai thực hiện dự án Quản lý rủi ro thiên tai (WB4) tại tỉnh Đồng Tháp, và trong khuôn khổ dự án này đã xây dựng Kế hoạch QLRRTT tổng hợp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020. Bên cạnh đó UBND tỉnh cũng đã ra quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, đồng thời phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020. Đồng thời các sở/ban ngành cũng đã xây dựng Chương trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của các ngành đến năm 2020.

Các kế hoạch hành động về phòng chống giảm nhẹ thiên tai nói trên có nguy cơ bị chồng chéo, và thiếu cơ chế phối hợp chặt chẽ để có thể thực hiện được một cách có hiệu quả, vì vậy lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của các ngành là vô cùng cấp thiết.

Cơ sở pháp lý để xây dựng Tài liệu hướng dẫn này là các văn bản định hướng của Nhà nước bao gồm *Định hướng Chiến lược Phát triển Bền vững* (Chương trình Nghị sự 21), *Chiến lược Quốc gia Phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020*, Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ)...(xem chi tiết trong phần Cơ sở lồng ghép)

Mục tiêu của việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2011-2015 của tỉnh và của của các ngành là, *Thứ nhất*, nâng cao hiệu quả công tác điều hành, tăng cường sự gắn kết và phối hợp thực hiện các kế hoạch hành động của ngành và địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm theo đúng quan điểm, nguyên tắc và mục tiêu của Chiến lược Quốc gia. *Thứ hai*, tăng khả năng hợp tác giữa các bên liên quan và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch ở ngành, các cấp; *Thứ ba*, tăng cơ hội huy động được nguồn lực và tài chính từ các tổ chức trong và ngoài nước; đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân và giảm thiểu các thiệt hại đối với cơ sở hạ tầng, tài sản của nhân dân và Nhà nước. Đồng thời sự lồng ghép cũng tạo được sự quan tâm và tạo điều kiện của tất cả các ngành trong việc đối phó giảm nhẹ thiên tai một cách toàn diện và hiệu quả. *Thứ tư*, việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm của các ngành sẽ cụ thể hóa kế hoạch hành động của Chiến lược Quốc gia qua Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai của tỉnh, Kế hoạch thực hiện đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai đến năm 2020, cũng như Kế hoạch phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2015 và Kế hoạch hàng năm. Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp đến năm 2020. Việc lồng ghép sẽ giúp xác định rõ hơn các nhiệm vụ được ưu tiên; mục tiêu, nội dung, các tiêu chí, các giải pháp cụ thể và phân công trách nhiệm cho đơn vị thực hiện và đơn vị phối hợp, xác định được chính xác địa điểm thực hiện, thời gian thực hiện và nguồn lực cho từng nhiệm vụ được nêu trong kế hoạch hành động của các ngành, đồng thời có các giải pháp tài chính để thực hiện các giải pháp đó

Những lợi ích của việc lồng ghép

Hầu hết những người tham gia thảo luận của cả các ban ngành của tỉnh Đồng Tháp đều cho rằng việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển 5 năm của các ngành sẽ mang lại những lợi ích to lớn:

- Tạo mức độ bền vững công trình và an toàn xã hội, hạn chế được những hình thái rủi ro mới do các công trình xây dựng tạo nên

- Đánh giá được rủi ro thiên tai cho từng vùng và xây dựng được các giải pháp phù hợp, có tính khả thi cao
- Tiên đoán được rủi ro thiên tai và hạn chế được hậu quả do thiên tai mang lại do sự kém hiểu biết hoặc thiếu thông tin
- Huy động được nguồn lực để xây dựng Quỹ phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiên tai từ nhiều nguồn khác nhau
- Phát triển bền vững, công trình bền vững đem lại hiệu quả tốt hơn cho phát triển kinh tế và an toàn xã hội
- Giảm lãng phí, thất thoát, tránh được sự chùng chèo trong đầu tư
- Tăng năng suất, sản lượng cây trồng vật nuôi, tăng diện tích canh tác
- Nâng cao tính trách nhiệm, tính chủ động của cấp tỉnh, huyện,
- Đảm bảo tính công bằng xã hội: các tỉnh có điều kiện tự nhiên không thuận lợi sẽ có chính sách ưu tiên hơn trong đầu tư cơ sở hạ tầng
- Giảm được tình trạng dễ bị tổn thương về mặt xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo bền vững
- Tăng thêm năng lực đối phó với thiên tai của cộng đồng, giảm nhóm dễ bị tổn thương và tình trạng dễ bị tổn thương
- Tạo điều kiện để các tỉnh tự xây dựng được các chính sách thể chế liên quan đến phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế xã hội
- Gắn kết việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai với quy trình Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội sau khi đã được tăng cường ở các cấp địa phương; giao chính quyền địa phương chịu trách nhiệm thực hiện các kết quả, nhưng cho phép họ xây dựng các giải pháp phù hợp với hoàn cảnh thực tế của địa phương

Được sự hỗ trợ của Trung tâm Phòng chống Thiên tai Châu Á (ADPC) Chuyên gia tư vấn kỹ thuật đã tiến hành tham vấn ý kiến của các sở ban ngành của tỉnh và cùng các sở ban ngành xây dựng Sổ tay Hướng dẫn lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển 5 năm của các ban ngành.

Sổ tay Hướng dẫn lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển Kinh tế- xã hội của tỉnh Đồng Tháp và Kế hoạch phát triển của 6 ngành sau đây:

- Ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- Ngành Giáo dục
- Ngành Y tế
- Ngành Tài nguyên và Môi trường, lĩnh vực quản lý tài nguyên nước
- Ngành xây dựng
- Ngành Giao thông Vận tải

- Và nhận thức của cộng đồng về phòng chống giảm nhẹ thiên tai (Vấn đề này sẽ được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển của các ngành, trên cơ sở Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020

Sổ tay này bao gồm:

1. Giới thiệu.
2. Cơ sở pháp lý của chủ trương lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
3. Các quan điểm chỉ đạo và nguyên tắc lồng ghép
4. Quy trình và nội dung và phương pháp lồng ghép
5. Trách nhiệm thực hiện lồng ghép
6. Giám sát, đánh giá
7. Quy trình lập Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015 của tỉnh Đồng Tháp
8. Quy trình lập Kế hoạch của các ngành
 - 8.1 Quy trình lập Kế hoạch phát triển Kinh tế- xã hội của tỉnh Đồng Tháp
 - 8.2 Quy trình lập kế hoạch của ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
 - 8.3 Quy trình lập Kế hoạch của ngành Giáo dục
 - 8.4 Quy trình lập Kế hoạch của ngành Y tế
 - 8.5 Quy trình lập Kế hoạch của ngành Tài nguyên và Môi trường, lĩnh vực Quản lý Tài nguyên nước
 - 8.6 Quy trình lập Kế hoạch của ngành Giao thông Vận tải
 - 8.7 Quy trình lập Kế hoạch của ngành Xây dựng
9. Phụ lục
 - 9.1 Tài liệu Tham khảo
 - 9.2 Một số vấn đề về lồng ghép thích ứng với BĐKH
 - 9.3 Một số thuật ngữ
 - 9.4 Biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai
 - 9.5 Kế hoạch hành động phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai trích từ Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO VIỆC LỒNG GHÉP GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH, NGÀNH

2.1 Các chính sách của chính phủ

- Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam (Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam).
- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ)
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009.
- Nghị quyết số 26- NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X
- Chương trình hành động số 24/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN_KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020
- Công văn số 4270/BNN-ĐĐ ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng kế hoạch quốc gia thực hiện đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
- Nghị quyết số 22-NQ/CP, ngày 23-9-2008, của Chính phủ về "Ban hành chính sách bảo hiểm nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường";
- Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020: "Nghiên cứu xây dựng quỹ tự lực tài chính, quỹ bảo hiểm về thiên tai";
- ADB và chính phủ Việt Nam đã tiến hành thực hiện bảo hiểm chỉ số đã được áp dụng thí điểm tại ĐBSCL, cụ thể là Đồng Tháp, 3 năm qua. Chỉ số bảo hiểm ở đây dựa trên mực nước lũ sớm, “chẳng hạn như nếu vượt quá 270cm ở **đập**

Tân Châu, bà con ở huyện Hồng Ngự và Tam Nông lúa bị ngập do không kịp thu hoạch thì cứ việc đền công ty bảo hiểm đòi tiền”.

2.2 Các chính sách và văn bản căn cứ cho việc lồng ghép (cấp tỉnh)

UBND tỉnh đã ban hành:

- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp (đang soạn thảo).
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 (Quyết định số 39/2010/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của UBND tỉnh).
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp (số 65 ngày 09-10-2009)⁴
- Kế hoạch phòng chống Lụt bão và giảm nhẹ thiên tai từ năm 2006 năm 2010 của tỉnh Đồng Tháp
- Kế hoạch phòng chống Lụt bão và giảm nhẹ thiên tai từ năm 2010 năm 2015 của tỉnh Đồng Tháp (đang xây dựng)
- Chiến Lược phòng chống giảm nhẹ thiên tai thích ứng với BĐKH của ngành NNPTNT Đồng Tháp đến năm 2020
- Quyết định số 83/2004/QĐ-UB về Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp
- Quyết định tái thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp của UBND tỉnh Đồng Tháp hàng năm.
- Quyết định số 390/QĐ-UBND-HC ngày 21/4/2008 về Quy chế phối hợp trong việc phòng chống bão lụt và lũ giai đoạn khẩn cấp trên địa bàn
- Quyết định số 1239/QĐ- UBND.HC ngày 30/10/2008 về Kế hoạch hành động thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống GNTT tỉnh Đồng Tháp từ năm 2008 đến năm 2020
- Quyết định số 753/QĐ – UBND.HC ngày 08/06/2007 về việc quy định chính sách cứu trợ đột xuất do thiên tai.
- Kế hoạch thực hiện Chương trình cụm, tuyển dân cư và nhà ở vùng ngập lũ, sạt lở giai đoạn 2 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Ban hành theo Quyết định số 1268/QĐ-UBND.HC ngày 12/11/2008 của UBND tỉnh Đồng Tháp.
- Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Đồng Tháp từ nay đến năm 2020

⁴ Kèm theo công Công văn số 165/UBND-NN.PTNT ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc đề nghị phân bổ kinh phí thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai tỉnh Đồng Tháp gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo Phòng, chống lụt, bão Trung ương xem xét hỗ trợ nguồn vốn để địa phương triển khai thực hiện

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và TKCN các ngành
- Chương trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai thích ứng với Biến đổi khí hậu của ngành NNPTNT đến năm 2020
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Đồng Tháp đến 2010
- Quyết định số: 263/QĐ- UBND.HC, ngày 12 tháng 3 2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch nông nghiệp phát triển tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020.
- Quyết định số 138/QĐ-UBND.HC, ngày 22 tháng 01 năm 2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 07/NQ.TU, ngày 09/12/2008 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020.

Các chương trình mục tiêu quốc gia tại Đồng Tháp

- ⇒ Chương trình kiểm soát lũ của Đồng Bằng sông Cửu Long
- ⇒ Chương trình cụm tuyến dân cư
- ⇒ Chương trình Kiên cố hóa trường học
- ⇒ Chương trình cụm tuyến dân cư
- ⇒ Chương trình nhà ở cho người nghèo ở vùng thiên tai
- ⇒ Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn
- ⇒ Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo (135) và việc làm
- ⇒ Chương trình mục tiêu quốc gia về Giáo dục và Đào Tạo
- ⇒ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 đến năm 2020 (Xây dựng đường giao thôn xã kèm theo Quyết định Quyết định 800/QĐ-TTg - Quyết định của Thủ tướng chính phủ ngày 04/06/2010)



Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, sẽ hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở UBND xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã. Đến năm 2015 có 35% số xã đạt chuẩn (các trục đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa) và đến 2020 có 70% số xã đạt chuẩn.

Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã là một trong những ưu tiên của Chương trình

3. Các quan điểm chỉ đạo

3.1 Các quan điểm chỉ đạo chung

3.1.1 Quan điểm trong Định hướng phát triển bền vững⁵

"Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường"; "Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học".

3.1.2 Quan điểm trong Chiến lược Quốc gia về phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai⁶

- Công tác phòng, chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai bao gồm: phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả *nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đảm bảo phát triển bền vững*, góp phần ổn định xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng”;
- Các hoạt động phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro thiên tai được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm; (có xếp hạng ưu tiên các hoạt động theo thời gian và theo nguồn lực) lồng ghép để ứng phó với những tác động của thiên tai cấp bách trước mắt và những tác động tiềm tàng lâu dài; đầu tư cho phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai là yếu tố quan trọng đảm bảo phát triển bền vững; ứng phó hôm nay sẽ giảm được thiệt hại trong tương lai.
- Các hoạt động phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị → từ cấp Trung ương, tỉnh, huyện xã, thôn và của toàn xã hội → của các cấp, các ngành, các tổ chức, mọi người dân, vì vậy việc lồng ghép giảm nhẹ thiên tai phải được tiến hành từ các hộ gia đình. Để thực hiện được việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch Phát triển Kinh tế- xã hội cần được tiến hành với sự đồng thuận và quyết tâm cao, từ phạm vi địa phương, vùng, quốc gia đến khu vực. Để đảm bảo hạn chế tác hại của sông Mê Kông tỉnh Đồng Tháp cần tiến hành hợp tác với các tỉnh khác trong lưu vực, và xa hơn là các nước khác trong vùng, đặc biệt các nước trên thượng nguồn như Lào, Thái Lan, Campuchia...
- Công tác phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai thực hiện theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, sử dụng hiệu quả nguồn lực của nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, đồng thời huy động mọi nguồn lực của cộng đồng thông qua sự đóng góp của cộng đồng cấp thôn/xã qua nhiều hình thức khác nhau, như đóng góp ngày công lao động công ích,

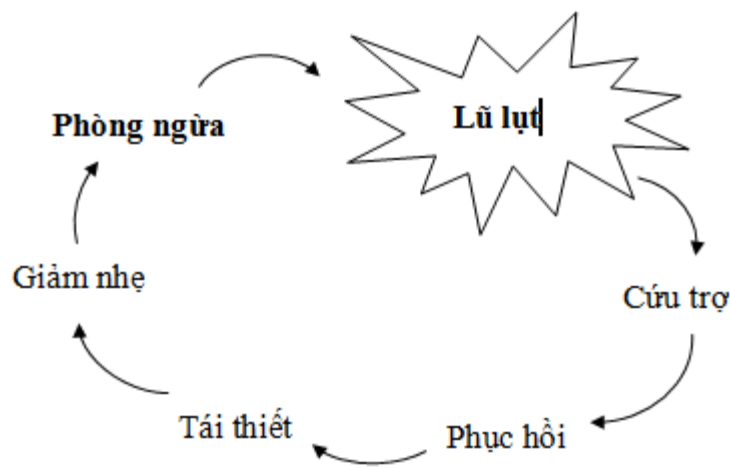
⁵ Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam

⁶ Chương trình Quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020

đóng góp vật liệu, tiền mặt, và huy động sự đóng góp các sáng kiến từ cộng đồng trong việc phòng chống giảm nhẹ thiên tai (lũ lụt)

- Đầu tư cho công tác phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai là yếu tố quan trọng để đảm bảo phát triển bền vững. Đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải kết hợp giữa các giải pháp công trình và phi công trình, thực hiện tổng hợp, đảm bảo hài hoà với thiên nhiên và cảnh quan môi trường.
- Theo quy trình quản lý thiên tai – lũ lụt, thì có các hoạt động can thiệp có thể được tiến hành trước, trong, sau khi lũ lụt xảy ra nhằm giảm đến mức tối thiểu những mất mát về người và tài sản, đồng thời thúc đẩy nhanh chóng quá trình khắc phục. Để đơn giản hoá vấn đề quản lý lũ lụt và lập kế hoạch phòng ngừa, giảm nhẹ lũ lụt, có thể áp dụng mô hình Chu trình quản lý lũ lụt như sau:

Hình : CHU TRÌNH QUẢN LÝ LŨ LỤT



Từ chu trình trên cho thấy khi thực hiện lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai cần chú ý lồng ghép vào tất cả các giai đoạn của chu kỳ quản lý

3.1.3 Lồng ghép toàn diện

- Nội dung phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai *phải được lồng ghép* trong các loại quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh như: Quy hoạch (tổng thể) Phát triển kinh tế xã hội của tỉnh (dài hạn, trung hạn và hàng năm), Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch sử dụng và khai thác tổng hợp các lưu vực sông; Quy hoạch các ngành như Quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đê điều, quy hoạch các khu tái định cư, quy hoạch các khu nuôi trồng thủy sản, quy hoạch mạng lưới trường học và bệnh viện, trạm y tế, quy hoạch các khu công nghiệp, các khu du lịch, quy hoạch khai thác khoáng sản...và đặc biệt phải được lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào các Chiến lược phát triển Chung của tỉnh và của các

ngành, ví dụ Chiến lược phát triển Thủy lợi đến năm 2020 và tầm nhìn 2030; Chiến lược phát triển ngành trồng lúa...Lồng ghép giảm nhẹ thiên tai còn được lồng ghép vào Đề án xây dựng nông thôn mới qua việc xây dựng các Tiêu chí xây dựng nông thôn mới của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Đồng Tháp, lồng ghép vào Kế hoạch phát triển ở các cấp, các ngành, các địa phương, cả trong các văn bản quy phạm pháp luật cũng như tổ chức thực hiện;

- Ngoài ra, mỗi chương trình, mỗi dự án lớn đều phải được khuyến cáo về đánh giá rủi ro thiên tai, có đề xuất các giải pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong quá trình thực hiện và trong giai đoạn vận hành, bảo trì. Các dự án có quy mô nhỏ đều phải có cam kết lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Việc lồng ghép toàn diện nhằm đảm bảo rằng các kế hoạch, chương trình phát triển và kể cả các tiểu dự án không tạo ra các hình thái thiên tai mới.

3.1.4 Phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai lấy phòng ngừa là chính

- Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai *lấy phòng ngừa là chính*, lấy thích ứng làm trọng tâm, cho nên tỉnh cần phối hợp với các trường đại học của tỉnh và Đại học Cần Thơ, các tổ chức Quốc tế để tiến hành đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương cho từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, từng nhóm đối tượng dân cư (nhóm khá, nhóm trung, nhóm nghèo, nhóm dân tộc thiểu số, nhóm nam, nhóm nữ, nhóm theo các độ tuổi khác nhau) để xác định được khả năng ứng phó của từng nhóm đối tượng, từ đó ban hành các chính sách và có giải pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực đối phó cho từng nhóm đối tượng, đặc biệt quan tâm nhiều hơn nữa đến các nhóm dễ bị tổn thương như người nghèo, trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi... đồng thời xác định được chính xác nguyên nhân của những vấn đề còn tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục.
- Cần xây dựng các giải pháp phòng ngừa, đồng thời cần xây dựng cả các giải pháp thích ứng với để đáp ứng được phương châm “Sống chung với lũ” và hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

3.2. Quan điểm trong Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu

- Ứng phó với biến đổi khí hậu được tiến hành trên nguyên tắc phát triển bền vững, bảo đảm tính hệ thống, tổng hợp, ngành, liên ngành, vùng, liên vùng, bình đẳng về giới, xóa đói, giảm nghèo.
- Các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm; ứng phó với những tác động cấp bách trước mắt và những tác động tiềm tàng lâu dài; đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu là yếu tố quan trọng đảm

bảo phát triển bền vững; ứng phó hôm nay sẽ giảm được thiệt hại trong tương lai.

- Ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị, của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, mọi người dân và cần được tiến hành với sự đồng thuận và quyết tâm cao, từ phạm vi địa phương, vùng, quốc gia đến toàn cầu.
- *Các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu phải được thể hiện trong các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, các địa phương*, được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật và được quán triệt trong tổ chức thực hiện.
- Triển khai ứng phó với biến đổi khí hậu theo nguyên tắc “Trách nhiệm chung nhưng có phân biệt” được xác định trong Công ước Khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Việt Nam sẽ thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nhẹ biến đổi khí hậu khi có sự hỗ trợ đầy đủ về vốn và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển và các nguồn tài trợ quốc tế khác.

3.3. Quan điểm thực hiện

- Lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai phải được tiến hành trên nguyên tắc phát triển bền vững, hệ thống, tổng hợp, ngành/liên ngành, vùng/liên vùng, bình đẳng về giới, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường
- Các hoạt động lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai phải được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm; ứng phó giảm nhẹ rủi ro với những tác động của thiên tai cấp bách trước mắt và những tác động tiềm tàng lâu dài; đầu tư cho các hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai đa mục tiêu vừa có hiệu quả về kinh tế, vừa đáp ứng nhu cầu xã hội, nhằm ứng phó giảm nhẹ rủi ro thiên tai của hôm nay và sẽ giảm được những thiệt hại lớn hơn nhiều trong tương lai;
- Lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai ứng phó với thiên tai, (bão lụt) là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị, của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, mọi người dân và cần được tiến hành với sự đồng thuận và quyết tâm cao, từ phạm vi địa phương, vùng, quốc gia đến toàn cầu;
- Các yếu tố rủi ro thiên tai phải được lồng ghép vào các Chiến lược, Quy hoạch, Kế hoạch phát triển ở các cấp, các ngành, các địa phương, cả trong các văn bản quy phạm pháp luật cũng như tổ chức thực hiện;
- Quan điểm sống chung với lũ: Lồng ghép xây dựng Cụm tuyến dân cư sống chung với lũ của tỉnh Đồng Tháp từ năm 2001 đến nay đã xây dựng được 203 cụm tuyến dân cư giai đoạn I, bố trí được 47.439 hộ dân vùng ngập sâu và



vùng đất lờ làm nơi tái định cư an toàn. Hiện đang tiếp tục xây dựng 43 cụm tuyến dân cư giai đoạn II, dự kiến tái định cư 12.675 hộ dân cư vùng ngập sâu. Đồng thời xây dựng nâng cấp 1.781 đê bao có chiều dài 10.559,2km bảo vệ cho 238.565 ha lúa hè thu, thu đông, bảo vệ vườn cây ăn trái trong mùa lũ¹

Với phương châm “Sống chung với lũ” trong lòng ghép giảm nhẹ thiên tai ưu tiên có các giải pháp “phòng ngừa” và “thích ứng”.

- Quan điểm “Bốn tại chỗ” trong phòng chống giảm nhẹ thiên tai



“*Phương châm bốn tại chỗ*” đã được Chính phủ đưa vào 2 Văn bản quy phạm pháp luật. Khoản d, Mục 7, Điều 10 trong chương III của Nghị định Số: 08/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính Phủ, Quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão đã được sửa đổi, nêu rõ Ủy Ban Nhân dân nơi thường xuyên xảy

ra thiên tai bão lụt phải “Tổ chức tập huấn, diễn tập cho các lực lượng trực tiếp làm công tác phòng, chống lụt, bão, cứu hộ, cứu nạn; chủ động xây dựng phương án đối phó, huy động mọi nguồn lực trên địa bàn theo phương châm “bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ” để đối phó và khắc phục hậu quả của lụt, bão”.

Trong Nguyên tắc chỉ đạo thứ 3 của Chiến lược Phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 được Chính phủ phê duyệt năm 2007 cũng nêu rõ: “Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phải thực hiện theo phương châm “*bốn tại chỗ*” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ) và chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”.

Mục tiêu của phương châm “Bốn tại chỗ” đối với lĩnh vực phòng, chống lụt bão vẫn là nhằm mục đích đạt hiệu quả cao nhất trong việc tổ chức phòng ngừa, ứng

phó và khắc phục hậu quả thiên tai tiến tới giảm thiệt hại về người, cơ sở vật chất và tài sản nhân dân, nhà nước do thiên tai gây ra trên cơ sở dựa vào nguồn lực tại chỗ.

4. Các nguyên tắc lồng ghép

4.1 Các nguyên tắc trong xây dựng Chương trình nghị sự của ngành và địa phương⁷

- Chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương cần được xây dựng trên cơ sở phối hợp liên ngành và liên vùng; kết hợp chặt chẽ kế hoạch phát triển bền vững giữa ngành và vùng lãnh thổ; giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Việc gắn kết các yếu tố về kinh tế, xã hội và môi trường phải được thể hiện rõ trong kế hoạch phát triển bền vững của từng ngành, từng địa phương; phù hợp với chiến lược chung”.
- Trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện chương trình Nghị sự 21 của ngành và địa phương cần có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan (các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, trường học, các tổ chức phi Chính phủ, các cơ quan Nhà nước và Chính phủ) và huy động rộng rãi sự tham gia của nhân dân. Tầm nhìn trung hạn, dài hạn; các mục tiêu, các chỉ tiêu phát triển bền vững và các giải pháp thực hiện đều được thảo luận, bàn bạc để có sự đồng thuận trong các cộng đồng dân cư ở các địa phương”.
- Coi sự nghiệp phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn dân, do dân và vì dân. Thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Huy động rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia vào các khâu: xây dựng kế hoạch hành động và phối hợp thực hiện kế hoạch đó; giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững; lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương”.

4.2. Các nguyên tắc khi tiến hành lồng ghép

4.2.1 Chủ động lồng ghép (gắn kết/tích hợp) nội dung quản lý rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm mục tiêu, các chỉ số phát triển và các giải pháp) vào tất cả các bước của quá trình xây dựng kế hoạch của tất cả các ngành, các lĩnh vực, các địa phương.

⁷ Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam

4.2.2. Lồng ghép hài hòa cả hai nhóm giải pháp: giải pháp phi công trình và giải pháp công trình.

4.2.3. Các giải pháp ưu tiên được lựa chọn phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với loại hình và đặc điểm của mỗi loại thiên tai cũng như mức độ ảnh hưởng có thể có của biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của từng ngành, từng địa phương.

4.2.4 *Nguyên tắc thiết kế các chính sách của phòng chống giảm nhẹ thiên tai:* thiết kế chính sách theo hướng khuyến khích tính chủ động của các tỉnh nằm trong các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, ~~án~~ chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào cấp trung ương. Cân ~~đ~~ối giữa chính sách hỗ trợ của trung ương, tỉnh và các nguồn khác, tăng cường sự tham gia của cộng đồng một cách toàn diện (đóng góp ý tưởng sáng tạo, đóng góp vật chất, sức lao động, ngày công lao động.... Xây dựng hệ thống chính sách phòng chống giảm nhẹ thiên tai từ dưới lên có sự tham gia của các bên liên quan và ~~đ~~ặc biệt là từ đề xuất của các tỉnh, huyện, xã, và các ngành. Các chính sách phòng chống và giảm nhẹ thiên tai và Kế hoạch hành động phải có quan hệ chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới và chiến lược an sinh xã hội đến năm 2020 và các Quy hoạch phát triển của ngành.

Các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và kế hoạch phát triển của ngành (2010-2015) phải là bộ phận hữu cơ của Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020. Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp đến năm 2020.

Con người và các quyền con người, sự an toàn của con người là trọng tâm của sự phát triển.

4.2.5 Đảm bảo tính đồng bộ, toàn diện, nhưng có sự ưu tiên

Đảm bảo lồng ghép một cách đồng bộ và toàn diện các giải pháp giảm nhẹ thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh 5 năm và hàng năm; vào Kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của các ngành, và các chương trình, đề án dự án.

Các Kế hoạch hành động (bao gồm các giải pháp công trình và phi công trình) của Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp Đồng Tháp đến năm 2020 và Kế hoạch Thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020; Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai đến năm 2020 phải được lồng ghép một cách toàn diện vào Kế hoạch phát triển kinh tế

xã hội 5 năm 2011-2015 của tỉnh và các Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của các ngành.

Các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai được lồng ghép và Kế hoạch phát triển của các ngành phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của ngành, khả năng ứng phó của ngành và cộng đồng. Các giải pháp phải được xếp hạng ưu tiên trước khi lồng ghép vào kế hoạch phát triển. Chú trọng lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào các giai đoạn (i) giảm nhẹ; (ii) phòng ngừa, (iii) Cứu trợ; (iv) Phục hồi; (v) Tái thiết trong chu trình của Quản lý rủi ro thiên tai.

Các giải pháp phi công trình, đặc biệt các giải pháp về chính sách tổ chức thể chế, cơ chế điều phối giữa các cơ quan ban ngành, cũng như các giải pháp công trình được thể hiện trong Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, Kế hoạch thực hiện chiến lược Quốc gia đến năm 2020; Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng sẽ làm căn cứ cho các ngành, các cấp lồng ghép vào kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội của cấp mình, ngành mình⁸.

Lồng ghép giảm nhẹ thiên tai: Bất cứ động thái nào, của bất cứ ngành nào đều đưa vấn đề giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào. Các dự án, chương trình đều phải có thẩm định rủi ro thiên tai, kể cả về phương diện kinh tế lẫn xã hội Ban hành chính sách “Đánh giá rủi ro thiên tai” và *bắt buộc* thực hiện đánh giá tác động môi trường gắn liền với đánh giá tác động của RRTT khi triển khai các *Quy hoạch, Chương trình và dự án lớn* trên địa bàn toàn tỉnh Đồng Tháp, đồng thời các chủ đầu tư cần đưa ra được các giải pháp giảm nhẹ tác động tiêu cực đến môi trường cũng như các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai⁹

Ưu tiên thu hút đầu tư các công trình đa mục tiêu, vừa có tác dụng phát triển kinh tế - xã hội vừa có tác dụng giảm nhẹ RRTT, nhất là ưu tiên các công trình đê kè, đê bao, thủy lợi nội đồng kết hợp với giao thông nông thôn...

4.2.6 Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kế hoạch các ngành, các cấp về kỹ năng lập kế hoạch và kỹ năng lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai¹⁰

⁸ Các văn bản này đã có đánh giá tình hình thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và đề xuất các giải pháp phòng chống giảm nhẹ thiên tai, bao gồm cả giải pháp phi công trình và công trình, giải pháp về tài chính, giám sát đánh giá... sẽ là cơ sở tin cậy để các ngành tham khảo khi tiến hành lồng ghép.

⁹ Từ trước đến nay các dự án lớn, chương trình đều đã thực hiện đánh giá thực trạng môi trường, tác động môi trường ở các giai đoạn trước thi công, trong giai đoạn thi công, và giai đoạn vận hành của công trình, đã có lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong việc đánh giá môi trường, tuy nhiên các giải pháp giảm nhẹ các hình thái thiên tai mới có thể xảy ra trong khi thực hiện, cũng như giai đoạn vận hành thì chưa thực sự được quan tâm một cách triệt để.

¹⁰ Bao gồm kỹ năng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, đánh giá năng lực ứng phó của ngành, của cộng đồng, và kỹ năng phân tích rủi ro thiên tai, kỹ năng lập kế hoạch từ dưới lên...

Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ các ban ngành, các cấp về giảm nhẹ RRTT và thích ứng với BĐKH, các mục tiêu, biện pháp lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch phát triển của ngành.

Chú trọng việc hệ thống hóa số liệu về rủi ro thiên tai, các dấu hiệu biến đổi khí hậu, tính dễ bị tổn thương của các nhóm đối tượng, có cơ chế chia sẻ thông tin tới các ngành¹¹ để làm căn cứ xây dựng kế hoạch lồng ghép

Nêu rõ các định hướng phát triển kinh tế xã hội gắn với các giải pháp ưu tiên về giảm nhẹ thiên tai cho từng vùng miền cụ thể trong tỉnh, đặc biệt các huyện xã nằm đầu nguồn dòng chảy, có vị trí thấp, thường xuyên xảy ra sạt lở bờ sông như huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng, huyện Châu Thành...

Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ RRTT và thích ứng với BĐKH ngay từ cấp hộ gia đình. Tại các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai cần nghiên cứu việc hướng dẫn mỗi gia đình làm 1 bản kế hoạch/cam kết chống đỡ giảm nhẹ rủi ro thiên tai bằng văn bản, kết hợp với vai trò chỉ đạo mùa vụ, hỗ trợ về dịch vụ của HTX và chính quyền cấp xã/ấp và các hội đoàn thể...

4.2.7 Thể chế hóa việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch phát triển của các ngành từ trung ương đến địa phương

Chính phủ Việt Nam và UBND tỉnh chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về kế hoạch lồng ghép chỉ đưa ra những định hướng chung; Việc thực hiện lồng ghép chưa được tiến hành đồng bộ ở tất cả các Ngành, chỉ có những Ngành có liên quan trực tiếp hoặc chịu ảnh hưởng lớn về quy hoạch và kế hoạch phát triển của Ngành như Nông nghiệp Phát triển Nông thôn, Tài nguyên Môi trường; Giao thông, Xây dựng... mới có sự lồng ghép. Tuy nhiên sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai hiện nay ở tỉnh Đồng Tháp vẫn chưa thật sự đồng bộ, và tỉnh, huyện, xã chưa có điều kiện về kinh phí để có thể thật sự chủ động thực hiện. Thực hiện xây dựng Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 do dự án WB4 hỗ trợ bước đầu cho thấy các việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai thông qua các giải pháp công trình và phi công trình được Các chương trình mục tiêu quốc gia, và các dự án, đề án cấp tỉnh thực hiện trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đã đạt được những thành quả đáng trân trọng, giảm nhẹ được rủi ro thiên tai, cụ thể là lũ lụt và sạt lở đất...tuy nhiên do nguồn lực còn hạn chế, cho nên vẫn còn rất

¹¹ Hiện nay những văn bản như Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp, Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia, kế hoạch thực hiện đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 vẫn đang được quản lý ở các cơ quan khác nhau và hầu hết cán bộ lập kế hoạch của các ngành chưa được tiếp cận với những tài liệu này, vì thế cần thiết phải có cơ chế chia sẻ tài liệu nói trên

nhieu vấn đề cần được tiếp thực hiện để đạt được kết quả tốt hơn.

Cho đến nay tỉnh vẫn chưa xây dựng được cơ chế giám sát, đánh giá về chất lượng cũng như hiệu quả của sự lồng ghép và chưa có một đơn vị có chức năng nào được giao nhiệm vụ thẩm định hay điều tra, thu thập thông tin về việc lồng ghép, quản lý thiên tai trong quy hoạch, kế hoạch của các Ngành.

Hiện nay, ở các cấp của tỉnh Đồng Tháp đang có 05 bản kế hoạch riêng biệt:

- ⇒ Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- ⇒ Chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai hàng năm và đến năm 2020;
- ⇒ Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
- ⇒ Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở các cấp hàng năm, 05 năm và Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020.
- ⇒ Kế hoạch phòng chống lụt bão 5 năm và hàng năm của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp

Các hoạt động đề xuất ở các văn bản trên có nguy cơ bị chồng chéo, trùng lặp và hạn chế tính khả thi, cơ chế phối hợp giữa các ngành còn nhiều khó khăn, hạn chế... Vì vậy cần thiết phải có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội của tỉnh và các kế hoạch phát triển của các ngành. Các giải pháp (Chương trình và phi công trình) được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và của các ngành phải là bộ phận hữu cơ của 5 văn bản nói trên

5. Ngân sách lồng ghép

5.1 Cấp trung ương

Cần phân bổ ngân sách với một tỷ lệ hợp lý dành riêng cho các hoạt động phòng ngừa, ứng cứu, phục hồi nhằm GNRRTT (ví dụ 5%). Việc này cần có văn bản hướng dẫn cụ thể cho các địa phương khi triển khai thực hiện Luật Ngân sách, không liên quan đến khoản ngân sách dự phòng hàng năm.

Dự trù ngân sách cho các giải pháp công trình và các giải pháp phi công trình như nhau. Phân bổ kinh phí theo năm tài chính cho các tỉnh ngay từ đầu năm cùng với Ngân sách chi thường xuyên

Một số Chương trình Mục tiêu quốc gia cần đẩy mạnh sự phân cấp, để tùy theo từng hoạt động tỉnh, huyện, xã chủ động thực hiện đáp ứng được tính khẩn cấp, nhằm giảm nhẹ thiên tai hiệu quả hơn

5.2 Cấp tỉnh

Tăng cường kiểm tra, giám sát để tăng hiệu quả của các công trình dự án giảm nhẹ thiên tai, đồng thời đảm bảo nguồn vốn sử dụng đúng mục đích ban đầu

Có cơ chế tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào quá trình thực hiện dự án, như hoạt động giám sát cộng đồng, cộng đồng tham gia vào giai đoạn vận hành, bảo dưỡng công trình.

Khuyến khích cộng đồng đóng góp trí tuệ, thông qua các sáng kiến, ngày công lao động, vật chất như tự nguyện giải phóng mặt bằng đối với các công trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, hiến đất xây dựng công trình, hoặc vật liệu, tiền mặt...có các hình thức vận động và khen thưởng phù hợp để khuyến khích và nhân rộng các Mô hình tốt.

5.3 Về công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp

Trong quá trình lập kế hoạch, công tác chỉ đạo, điều hành, thống nhất về một đầu mối rất quan trọng. Do vậy, lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư đóng vai trò rất quan trọng trong việc chỉ đạo trực tiếp các sở ban ngành của tỉnh trong quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và giám sát việc lập kế hoạch của các ngành nhằm đảm bảo kế hoạch phát triển của các ngành đều có sự lồng ghép giảm nhẹ thiên tai đầy đủ và có sự phối hợp giữa các ngành liên quan

5.4 Về cơ chế đầu tư

Phân cấp mạnh cho các tỉnh, huyện, xã chủ động trong việc đầu tư và thực hiện các hoạt động phòng chống giảm nhẹ thiên tai đã được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội (theo quy định về vốn của Chương trình xây dựng nông thôn mới)¹² với cơ chế phân cấp này cộng đồng sẽ được tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện dự án

¹² Đối với các công trình có giá trị trên 3 tỷ hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao thì việc lập báo cáo kinh tế – kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện. Việc lựa chọn tư vấn phải theo quy định hiện hành. UBND huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế – kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư trên 3 tỷ đồng có nguồn gốc từ ngân sách và các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao; UBND xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế – kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư đến 3 tỷ đồng có nguồn vốn từ ngân sách.

6. QUY TRÌNH, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LỒNG GHÉP

Bước 1: Rà soát, đánh giá tình hình thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu tại địa phương¹³

Hoạt động 1: Rà soát tình hình thiên tai thường xảy ra ở địa phương

Căn cứ Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống lụt, bão – Giảm nhẹ thiên tai hàng năm và 5 năm của các Sở, ngành, các quận/huyện và của tỉnh, khẳng định rõ những loại thiên tai nào thường xảy ra trên địa bàn tỉnh? Tần suất xuất hiện của mỗi loại thiên tai? Trong những loại thiên tai đó, loại nào là nguy hiểm nhất, gây tác hại nặng nề nhất về kinh tế, xã hội và môi trường?

Ví dụ: Theo Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 các loại thiên tai ở Đồng Tháp được xếp theo thứ tự sau: Lũ lụt (1) - Sạt lở bờ sông (2) - Dịch bệnh (3) - Lốc tố (4) - Sấm sét (5) - Ngập úng (6) - Cháy rừng (7) - Hạn hán (8) - Biến đổi khí hậu (9) - Bão và áp thấp nhiệt đới (10).

Lũ lụt: Tại tỉnh Đồng Tháp, trung bình 3 năm thì có 1 năm lũ lớn, trong đó có thời gian lũ lớn xảy ra trong 3 năm liên tục (1937-1939, 1946-1948 và 2000-2002). Mùa lũ bắt đầu từ tháng VI đến tháng XI hàng năm. Đỉnh lũ lớn nhất năm thường xuất hiện từ trung tuần tháng IX đến trung tuần tháng X. Từ 1960-2008 có 14 năm đỉnh lũ lớn hơn 4,50m: 1961, 1962, 1966, 1970, 1971, 1978, 1981, 1984, 1991, 1994, 1996, 2000, 2001, 2002 và 13 năm có đỉnh lũ nhỏ hơn 4,0m .

Hoạt động 2: Đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra

Căn cứ Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống lụt, bão - Giảm nhẹ thiên tai hàng năm và 5 năm của các Sở, ngành, các quận/huyện và của tỉnh, Niên giám thống kê xuất bản hàng năm của tỉnh, tiến hành phân tích, đánh giá mức độ gây tác hại của thiên tai và biến đổi khí hậu đối với từng lĩnh vực (kinh tế, xã hội, môi trường) từng ngành, từng địa phương (quận, huyện). Chỉ có đi sâu phân tích, đánh giá theo từng lĩnh vực, từng ngành, từng địa phương mới có thể thấy rõ bức tranh toàn cảnh cũng như cận cảnh các góc cạnh khác nhau do hậu quả thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra.

Về lĩnh vực kinh tế: Khi đánh giá tổng thiệt hại tính được bằng tiền phải so sánh chiếm bao nhiêu % so với GDP. Những thiệt hại không/chưa tính được thành tiền như: Việc ngừng trệ giao thông do thiên tai; tiến độ thi công các công trình bị kéo

¹³ Tham khảo Kế hoạch quản lý tổng hợp rủi ro thiên tai của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020. (tháng 7-2010 Ban hành cùng với Quyết định số 35 KH-UBND.HC của UBND tỉnh)

dài dẫn đến việc chậm đưa công trình vào sử dụng; việc gieo trồng lại một số cây trồng sau thiên tai sẽ có năng suất thấp và ảnh hưởng tới lịch thời vụ của vụ sau; giá cả thị trường tăng lên trong và sau thiên tai vv... ững cần được đề cập và phân tích một cách khách quan để thấy rõ hậu quả thực của thiên tai và biến đổi khí hậu. Mặt khác, để đảm bảo tính khách quan, trong phân tích đánh giá ở bước này cũng nên chỉnh sửa lại những số liệu thiệt hại trước đây mới ước tính nhanh khi thiên tai đang diễn ra, chưa thể có số liệu chính xác hoặc những số liệu bị trùng lặp trong quá trình thống kê giữa ngành và địa phương.

Về lĩnh vực xã hội: Trên cơ sở rà soát lại các đợt thiên tai lớn đã xảy ra trên địa bàn, tiến hành phân tích, đánh giá những hậu quả về mặt xã hội do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra như: hậu quả về người chết, mất tích, bị thương; tình trạng dịch bệnh, đói nghèo, an ninh lương thực, giáo dục, trật tự an toàn xã hội. Cần chú ý đánh giá rõ nét hậu quả do thiên tai và biến đổi khí hậu đối với các đối tượng dễ bị tổn thương (người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật, các hộ nghèo).

Về lĩnh vực môi trường: Cần tập trung phân tích, đánh giá sâu hậu quả do lũ, bão, úng ngập, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, nước biển dâng... đối với môi trường tự nhiên (nước mặt nước ngầm, đất) cũng như môi trường xã hội (cần chú ý sự tác động đến môi trường sống).

Trên cơ sở phân tích, đánh giá mức độ gây tác hại của thiên tai và biến đổi khí hậu đối với từng lĩnh vực (kinh tế, xã hội, môi trường) từng ngành, từng địa phương (quận, huyện) cần rút ra kết luận: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của tỉnh, của huyện/quận cũng như Kế hoạch phát triển của ngành đã đảm bảo yêu cầu *phát triển bền vững* chưa? Nếu chưa thì mức độ phát triển kém bền vững đã bộc lộ như thế nào? tập trung vào lĩnh vực nào? ngành nào? huyện/quận/xã nào? Và từ đó đưa ra các giải pháp để giảm nhẹ rủi ro thiên tai (Lũ lụt, sạt lở áp thấp nhiệt đới, bão, hạn hán, xâm nhập mặn...) và xếp hạng ưu tiên các giải pháp để lồng ghép vào Kế hoạch phát triển trung hạn của ngành (5 năm)

Hoạt động 3: Nhận dạng các dấu hiệu và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đã diễn ra ở địa phương.

Việc nghiên cứu, dự báo, cảnh báo, kết luận về tác động cụ thể do biến đổi khí hậu toàn cầu gây ra sẽ do các viện nghiên cứu, các trường đại học, các tổ chức hữu quan của thế giới cũng như của Quốc gia (cấp khu vực, cấp tỉnh) có chuyên môn cùng với các chuyên gia đầu ngành tiến hành theo cách tiếp cận riêng với những thiết bị quan trắc đặc biệt và nghiên cứu thực địa (kết quả thu thập được trong nhiều năm để xem xét mức độ thay đổi của khí hậu, thời tiết tại Đồng Tháp và ĐBSCL nói riêng, cả nước nói chung, đồng thời qua tham vấn các bên liên quan

để đánh giá những vấn đề có liên quan đến BĐKH như tình hình thời vụ, dịch bệnh đối với người, đối với vật nuôi, cây trồng...). Các kết quả nghiên cứu này sẽ tiếp tục được công bố tại các cuộc hội thảo trong và ngoài nước và được chia sẻ rộng rãi để phục vụ cho việc lồng ghép thích ứng với BĐKH vào Kế hoạch phát triển Kinh tế xã hội cấp tỉnh và Kế hoạch của các ngành

Để có được cơ sở khoa học cho việc lồng ghép thì các thông tin dự báo mang tính định lượng cần phải được cung cấp cho chính quyền và các nhà lập kế hoạch cấp tỉnh. Cụ thể là, cần xây dựng các kịch bản của biến đổi khí hậu (kịch bản về thay đổi nhiệt độ, lượng mưa...), các kịch bản về nước biển dâng, các mô hình thủy văn, trong tương lai cho từng tỉnh/thành phố. Các cơ sở khoa học này sẽ được sử dụng để xây dựng các bản đồ dự báo về ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn... Đây sẽ là nền tảng giúp các nhà lập kế hoạch và chính quyền địa phương trong việc ra lựa chọn và ra quyết định về các phương án phát triển kinh tế xã hội phù hợp và bền vững.

Tuy nhiên, do nguy cơ biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng nên các tỉnh cũng như cộng đồng địa phương có thể phát hiện, nhận dạng một số dấu hiệu dị thường của thiên tai so với những “quy luật” có tính phổ biến trước đây, ví dụ như:

- Quỹ đạo bão di chuyển dần về các vĩ độ phía Nam và mùa bão lùi dần vào cuối năm và tần suất bão ngày càng cao;
- Tính thời vụ bị đảo lộn, không còn theo quy luật như trước đây, ví dụ Lũ về muộn hoặc về sớm hơn quy luật;
- Vào mùa mưa, lượng mưa hạn chế (Nắng gay gắt với nhiệt độ cao khác thường (có khi tới 40⁰ C), nhiều sông, hồ bị cạn kiệt dẫn đến tình trạng hạn hán gay gắt; Tình trạng khô hạn nghiêm trọng trong mùa khô các năm 1998, 1999, 2003, và 2010.
- Các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng gắt, nhiệt độ cao và thấp bất thường, mưa trái mùa, sóng nhiệt, các chất gây ô nhiễm không khí do BĐKH gây ra làm xuất hiện bệnh cúm A (H5N1), sốt xuất huyết, bệnh tả, tiêu chảy, thương hàn, hội chứng viêm đường hô hấp cấp (SARS), riêng các bệnh ngoài da và phụ khoa xuất hiện nhiều trong mùa lũ¹⁴.

¹⁴ Theo thống kê của ngành y tế tỉnh Đồng Tháp từ năm 2000-2009 xảy ra 4 ca cúm A (H5N1) cả 4 ca đều tử vong. Đối với cây trồng bị rầy nâu, sâu cuốn lá, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, bệnh đạo ôn; trước năm 2006 sâu bệnh chủ yếu ở mức thấp, từ vụ Hè thu năm 2006 đến nay rầy nâu bùng phát với mật độ cao và gây hại trên diện rộng, đặc biệt vụ Thu đông năm 2006 có hơn 30% diện tích bị nhiễm bệnh.

- Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc và sấm sét xảy ra từ tháng IV đến tháng XI hàng năm ở hầu hết các nơi trong tỉnh
- Cháy rừng xảy ra về mùa khô, mực nước xuống thấp, không khí khô hanh thường chảy ra cháy do người dân xâm nhập vào rừng gây ra...
- Một số loại sâu bệnh đối với cây trồng có biểu hiện kháng thuốc và khó phòng chống hơn, mức độ phát triển và lây lan nhanh hơn

Nếu một trong những dấu hiệu dị thường nêu trên tiếp tục xuất hiện thì thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh liệu có trầm trọng thêm? Và có thể đưa ra cảnh báo: ngành nào, lĩnh vực nào, khu vực nào trong tỉnh sẽ phải chịu ảnh hưởng nhiều nhất?

Việc sớm nhận biết dấu hiệu của biến đổi khí hậu dù mới ở mức định tính cũng có ý nghĩa rất quan trọng. Nếu không nhận biết sớm, không chủ động thích ứng thì khó có thể giảm nhẹ được thiệt hại do thiên tai gây ra trong tương lai. Do đó, Kế hoạch phát triển của các ngành cũng như Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh sẽ khó bền vững.

Hoạt động 4: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Trên cơ sở các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cũng như đánh giá trực trạng thiên tai thường xảy ra ở địa phương cần tiến hành đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương hiện tại và trong tương lai cho từng ngành, từng địa phương (quận, huyện) nhằm xác định các ngành, các khu vực, các nhóm đối tượng xã hội dễ bị tổn thương nhất. Các đánh giá về tính dễ bị tổn thương trong tương lai được thực hiện trên cơ sở xem xét, phân tích các kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cũng như dự báo về các thiên tai có sự đối chiếu với quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong tương lai của tỉnh. Kết quả đầu ra của hoạt động đánh giá này cần phản ánh rõ 3 mặt của tình trạng dễ bị tổn thương: (i) *tổn thương về vật chất*, (ii) *tổn thương về mặt xã hội - tổ chức* và (iii) *tổn thương về thái độ động cơ*. Khi đánh giá cần chú ý thích đáng đến sự khác nhau về tình trạng dễ bị tổn thương theo giới tính giữa nam và nữ ; theo mức sống: giữa người giàu và người nghèo; theo độ tuổi: người cao tuổi và người trẻ... Cần đặc biệt quan tâm đến nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm: người nghèo, trẻ em, người già cô đơn, nữ chủ hộ, người khuyết tật. Ngoài ra còn phải quan tâm đến vị trí cư trú của nhóm cư dân sống gần những nơi nguy hiểm ở các vùng thấp, trũng thường bị ngập lụt, các vùng hay bị lũ quét, sạt lở đất dọc theo các sông, suối lớn, kênh rạch, dọc theo ven biển, ..., hoặc theo đặc điểm nghề nghiệp nguy hiểm như nghề khai thác đánh bắt hải sản trên biển, trên sông, nuôi trồng thủy, hải sản trên sông, nghề vận tải đường sông, các địa điểm du lịch, các hộ không có nghề nghiệp ổn định thường xuyên di chuyển đi kiếm việc làm...

Việc đánh giá rõ tình trạng dễ bị tổn thương như trên sẽ giúp chính quyền tỉnh và các nhà lập kế hoạch địa phương trong việc cân nhắc và xác định các ưu tiên về lồng ghép đối với các ngành và các khu vực trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của mình.

Hoạt động 5: Xác định nguyên nhân

Trong quá trình phân tích để thấy rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến thiệt hại của từng lĩnh vực (kinh tế, xã hội và môi trường), của từng ngành, từng địa phương (quận, huyện) cần chú ý rà soát, đánh giá những nội dung quan trọng sau:

- Việc dự báo, cảnh báo khí tượng - thủy văn cũng như các hiện tượng thiên tai bất thường khác thời gian qua có chính xác không? Những thông tin đó có được chuyển tải đến cơ sở và người dân kịp thời không?
- Kế hoạch, phương án phòng ngừa thiên tai do tỉnh, huyện/quận, các sở, ngành đề ra đã sát với tình hình thực tế chưa? Có chủ động triển khai trước khi thiên tai (lũ lụt, bão...) xảy ra không?
- Phương án di dời dân (nhất là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương) ra khỏi vùng nguy hiểm có được thực hiện triệt để và kịp thời không?
- Các công trình cơ sở hạ tầng có được thiết kế, xây dựng phù hợp với quy chuẩn¹⁵ do cơ quan có thẩm quyền ban hành không?
- Những công trình xây dựng tại những vùng thường xuyên bị thiên tai có phù hợp với quy hoạch phòng lũ và tiêu chuẩn an toàn về lụt, bão, nước biển dâng chưa?
- Cơ cấu mùa, vụ, giống cây trồng, vật nuôi có phù hợp với yêu cầu né tránh lụt, bão hoặc thích ứng với tình trạng ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn không?
- Tàu, thuyền vận tải có đủ thiết bị thông tin liên lạc và phao cứu sinh trước khi khởi hành hay không? Có được đăng ký, đăng kiểm đúng với quy định hay chưa? Các tàu thuyền vận tải trên sông có đảm bảo chế độ an toàn và trọng tải vận chuyển có đúng theo quy định hay không, đặc biệt là vào mùa mưa lũ¹⁶. Các cơ quan chức năng có thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ không?

¹⁵ Sau trận lụt năm 2000, UBND tỉnh Đồng Tháp đã ban hành văn bản Quy phạm quy định tất cả các công trình cơ sở hạ tầng phải được xây dựng với độ cao của nền phải bằng độ cao của đỉnh lũ năm 2000 + 0,5dm. Các công trình nhà ở hoặc cơ sở công cộng phải đảm bảo chống đỡ được bão cấp số 6

¹⁶ Theo quy định, vào mùa mưa lũ các phương tiện vận tải đường sông phải giảm 10% trọng tải của tàu thuyền để đảm bảo tính an toàn cho tàu thuyền và không góp phần làm sạt lở bờ sông

- Đã có đủ nơi tránh, trú bão an toàn cho tàu thuyền chưa? Tại các điểm trọng yếu đã tổ chức các điểm cấp cứu hay chưa¹⁷
- Trước mùa mưa lũ kênh rạch có được thường xuyên nạo vét hay chưa?
- Công tác cứu hộ, cứu nạn (đối với con người, tàu thuyền, công trình... đang bị lũ, bão uy hiếp) có được triển khai kịp thời và hiệu quả không?
- Phương châm “bắt tại chỗ” được các cấp (tỉnh, huyện, xã, các ngành... thực hiện như thế nào?

Bước 2: Rà soát, nắm chắc mục tiêu, các giải pháp, các Chương trình, Dự án cụ thể của tỉnh nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra và nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu để có căn cứ lựa chọn các nội dung cần lồng ghép.

Hoạt động 1: Rà soát, nghiên cứu, tìm hiểu “Chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020” và Kế hoạch Phòng chống Lụt bão và Giảm nhẹ Thiên tai hàng năm của tỉnh và Kế hoạch hành động của tỉnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020; Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020

Đến nay tỉnh Đồng Tháp đã xây dựng xong Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020. Đặc biệt với sự hỗ trợ kỹ thuật của WB 4, tỉnh Đồng Tháp đã xây dựng được Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp đến năm 2020. Đây là những tài liệu rất bổ ích và khá đầy đủ để các ngành tham khảo lựa chọn các giải pháp, hoạt động phục vụ cho việc lồng ghép vào kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm của ngành.

- Hàng năm BCHPCLB&TKCN tỉnh Đồng Tháp và các ngành đều tiến hành tổng kết công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai của năm trước, đồng thời đề ra Kế hoạch cùng các giải pháp thực hiện cụ thể cho năm tiếp theo¹⁸.
- Các chuyên gia/chuyên viên trực tiếp tham gia hoạch định Kế hoạch (dài hạn, trung hạn và hàng năm) của Sở, ngành hoặc Kế hoạch phát triển kinh

¹⁷ Để giảm nhẹ rủi ro thiên tai, vào mùa mưa lũ sở Y tế phối hợp với các bên liên quan như Hội chữ thập đỏ cơ sở, xung kích thôn/xã, cán bộ y tế cơ sở, các tình nguyện viên lập các điểm cấp cứu tại các địa điểm xung yếu như bến phà, bến đò... để cấp cứu các trường hợp xảy ra do thiên tai lũ lụt, bão, sạt lở đất...

¹⁸ Hoạt động này hiện nay chưa được gắn kết với các tài liệu có liên quan với nội dung nói trên (như Kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai tổng hợp đến năm 2020...) và sự phối hợp và tham gia của các ngành liên quan chưa thật sự hiệu quả

tế - xã hội của tỉnh, huyện cần nghiên cứu, tìm hiểu kỹ, nắm chắc nội dung của các văn bản trên, lựa chọn cho được những nội dung cụ thể, nhất là những vấn đề cần ưu tiên về quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện/quận hoặc Kế hoạch phát triển của Sở, ngành. Đồng thời thông quan bảng biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương để thu thập thông tin tại các xã, các điểm thường xuyên xảy ra lũ lụt, thiên tai để bổ sung thêm các hoạt động cần thiết

Hoạt động 2: Phát hiện, đề xuất.

Trong quá trình nghiên cứu các văn bản trên, ngoài yêu cầu nắm chắc nội dung, các chuyên gia/chuyên viên cần chú ý:

- Phát hiện những nội dung phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tương thích có thể và cần lồng ghép vào quá trình lập Kế hoạch phát triển của ngành và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;
- Phát hiện và đề xuất với các cơ quan hữu quan những vấn đề có quan hệ liên ngành, liên vùng cần phối hợp, gắn kết chặt chẽ với nhau;
- Phát hiện, đề xuất các giải pháp cần bổ sung kịp thời để thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là ở những vùng có nguy cơ cao mà trong Chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai đồng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 chưa cập tới (thông qua việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương từ cấp cơ sở thu thập được từ bảng biểu đi kèm)

Bước 3: Tiến hành lồng ghép

3.1. Yêu cầu của việc lồng ghép:

3.1.1. Quán triệt và vận dụng tốt các nguyên tắc nêu trên

3.1.2. Chú ý thích đáng những nội dung cần ưu tiên, nhưng không bỏ sót các nội dung khác có thể lồng ghép, đồng thời phải loại bỏ những nội dung chồng chéo, đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ giữa 2 nhóm giải pháp, sự gắn kết hài hòa giữa ngành, lĩnh vực và vùng, lãnh thổ.

3.1.3. Dù được lồng ghép trực tiếp hay gián tiếp, nhưng quá trình tiến hành tổng hợp của Sở Kế hoạch và Đầu tư phải chắc chắn rằng: mục tiêu tổng quát, các mục

tiêu cụ thể, hệ thống các chỉ tiêu phát triển, các giải pháp đã lựa chọn cũng như nhu cầu về nguồn lực để đảm bảo thực hiện mục tiêu đều đã được xem xét kỹ và được lồng ghép hài hòa các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra, đảm bảo phát triển bền vững. Những nội dung tuy không lồng ghép trực tiếp được trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đều có trong Kế hoạch phát triển của các Sở, ngành, các huyện/quận và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

3.2. Phương pháp lồng ghép.

3.2.1. Lồng ghép phòng tránh rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch:

Các loại quy hoạch như: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch dân cư; quy hoạch các khu tái định cư; quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch quản lý, khai thác tổng hợp lưu vực sông; quy hoạch giao thông; quy hoạch thủy lợi; quy hoạch phòng lũ, quy hoạch đê điều; quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; quy hoạch các khu nuôi trồng thủy, hải sản; quy hoạch các đồng muối; quy hoạch mạng lưới các trường học, trạm xá, bệnh viện; quy hoạch các khu công nghiệp; quy hoạch khai thác khoáng sản; quy hoạch các khu du lịch vv... đều cần được tiến hành lồng ghép các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào trong các quy hoạch đó.

- Đối với những quy hoạch đã có: Cần tiến hành rà soát, bổ sung các nội dung phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu mà trước đây chưa đề cập tới hoặc đã có đề cập nhưng chưa phù hợp với quy hoạch và tiêu chuẩn phòng tránh lũ, bão, sạt lở đất, xâm nhập mặn, nước biển dâng hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống công trình chuyên dùng phòng, chống thiên tai. Qua rà soát, nếu phát hiện những nội dung nào trong quy hoạch không thể bảo đảm an toàn, không thể phát triển bền vững trước nguy cơ thiên tai và biến đổi khí hậu thì cần kiên quyết điều chỉnh.

- Đối với những quy hoạch của từng ngành, từng lĩnh vực của tỉnh đang và sẽ tiến hành xây dựng thì cần lồng ghép ngay các nội dung của Chương trình, kế hoạch của tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia về giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 vào trong quy hoạch đó.

3.2.2. Lồng ghép nội dung phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn) và Kế hoạch phát triển ngành:

- Lồng ghép nội dung của bước 1 (*Rà soát, đánh giá tình hình thiên tai và biến đổi khí hậu tại địa phương*) vào ngay bước điều tra cơ bản, đánh giá thuận lợi, khó khăn, thách thức; xác định nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của kỳ kế hoạch của tỉnh, huyện hoặc nhu cầu phát triển ngành của các Sở, ngành. Để có căn cứ khoa học, thực tiễn đánh giá tình hình thiên tai; lồng ghép nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các loại quy hoạch tổng hợp cũng như quy hoạch chuyên ngành, cần ưu tiên đi trước một bước việc lập bản đồ phân vùng: *ngập lụt; bão; nước biển dâng; động đất; sóng thần; xâm nhập mặn; úng ngập; hạn hán; lũ quét; sạt lở đất.*

- Lồng ghép mục tiêu tổng quát, các mục tiêu cụ thể và các kế hoạch hành động của Chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia về giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020; Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và của Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 vào Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và kế hoạch hành động của Kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn) của tỉnh, huyện cũng như Kế hoạch phát triển của ngành.

- Khi xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhất thiết phải kiểm tra xem đã được tính toán đầy đủ đến các tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu chưa? Đã có đủ các giải pháp chủ động phòng ngừa, đối phó, khôi phục và tái thiết chưa? Nếu chỉ tiêu nào chưa được tính toán, tính toán chưa phù hợp hoặc đã tính đúng tính đủ nhưng chưa có các giải pháp tương ứng thì nhất thiết phải điều chỉnh, bổ sung để bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn và tính vững chắc của kế hoạch.

- Lồng ghép hệ thống các nhóm giải pháp thực hiện kế hoạch.

Khi xây dựng các nhóm giải pháp của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện cũng như Kế hoạch phát triển của ngành cần phải lựa chọn, sàng lọc từ các giải pháp đã được nghiên cứu, đề xuất trong Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh, trong Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, từ Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để có được đầy đủ các giải pháp hợp lý nhất, lồng ghép hài hòa với nhau thành một thể thống nhất, đồng thời cũng cần chú ý loại bỏ

những giải pháp chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch ngành với kế hoạch của địa phương (quận, huyện.)

3.2.3. Lồng ghép nội dung phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các Chương trình, Dự án.

- Đối với những Chương trình, Dự án, đề án, (kể cả Kế hoạch xây dựng nông thôn mới) đã có: Cần tiến hành rà soát, bổ sung các nội dung phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Qua rà soát, nếu phát hiện những nội dung nào trong Chương trình, Dự án đề án, kế hoạch không thể bảo đảm an toàn, không thể phát triển bền vững trước nguy cơ của thiên tai và biến đổi khí hậu thì cần kiên quyết điều chỉnh.

- Hồ sơ xin trình duyệt của các Chương trình, Dự án dự định triển khai trên địa bàn tỉnh gửi tới cấp có thẩm quyền để chờ phê duyệt nhất thiết phải có Báo cáo thẩm định, đánh giá tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu cũng như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Chương trình, Dự án cũng như tính hợp lý, tính khả thi và hiệu quả của các giải pháp nhằm hạn chế thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu có thể gây ra¹⁹.

- Đối với những Chương trình, Dự án của các ngành hoặc của các huyện của các chủ đầu tư khác trên địa bàn tỉnh đang hoặc sẽ tiến hành xây dựng thì cần lồng ghép ngay các nội dung của Chương trình, kế hoạch của tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia về giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 vào trong Chương trình, Dự án đó. Quy định Đánh giá môi trường cần lồng ghép đánh giá rủi ro thiên tai và trong các giải pháp bảo vệ môi trường cần bổ sung thêm các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Đối với các dự án nhỏ thì trong “Cam kết bảo vệ môi trường” cần lồng ghép cam kết giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

3.3. Trách nhiệm thực hiện lồng ghép

3.3.1. Quy hoạch, kế hoạch, Chương trình của ngành nào, địa phương nào thì ngành đó, địa phương đó chịu trách nhiệm lồng ghép.

3.3.2. Dự án của chủ đầu tư nào thì chủ đầu tư đó chịu trách nhiệm lồng ghép.

¹⁹ Hiện nay mới có quy định về đánh giá môi trường đối với các dự án lớn và Cam kết bảo vệ môi trường của các dự án nhỏ. Trong đánh giá môi trường tuy đã có lồng ghép đánh giá rủi ro thiên tai, nhưng việc lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai chưa được đề cập đến một cách toàn diện. Trong các giải pháp hạn chế tác động của môi trường, chưa có các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai, cho nên một số công trình sau khi hoàn thành, hoặc trong giai đoạn xây dựng có thể sinh ra các hình thái thiên tai mới... Cho nên cần thiết phải có quy định bắt buộc “Đánh giá rủi ro thiên tai” đối với các dự án chương trình lớn và “Cam kết giảm nhẹ thiên tai” vào tất cả các dự án, chương trình có quy mô nhỏ hơn

3.3.3. Trong quá trình lập Kế hoạch phát triển, các Sở, ngành, các địa phương cần có báo cáo riêng về nội dung, yêu cầu, giải pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai để bảo đảm phát triển bền vững. Thường trực BCH PCLB&TKCN tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp UBND tỉnh kiểm tra các nội dung về quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu mà các Sở, ngành, các huyện/quận, chủ đầu tư các Chương trình, Dự án lớn đã lồng ghép. Qua kiểm tra, nếu phát hiện thấy có những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung thì tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hữu quan thực hiện.

3.3.4. Sở Kế hoạch & Đầu tư, Thường trực BCH PCLB&TKCN tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường đồng chủ trì trong việc phối hợp các Sở, ngành, các huyện/quận thực hiện lồng ghép những nội dung về quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu có tính liên ngành, liên vùng.

3.3.5. Sở Kế hoạch & Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp các nội dung đã lồng ghép trong Kế hoạch phát triển của các Sở, ngành, địa phương lồng ghép chung vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, Sở cũng chủ trì phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy PCLB&TKCN tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở tài nguyên & Môi trường rà soát lần cuối cùng để chắc chắn rằng dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã đáp ứng được yêu cầu bền vững và hài hòa về cả 3 mặt: kinh tế, xã hội và môi trường trước khi Sở Kế hoạch & Đầu tư trình UBND tỉnh xem xét.

Đưa BĐKH vào quy hoạch không gian

...Cho dù các thương lượng quốc tế về khí hậu đang diễn ra có thành công và dẫn tới việc rót thêm tiền cho các nước đang phát triển thì phần lớn nguồn lực sẽ phải đến từ trong nước. Việc tích lũy thu nhập và lập kế hoạch ngân sách ở các khu vực, địa phương phản ánh thực tế là cần nhiều chi phí cho các hành động thích ứng và đối phó với BĐKH.

Thách thức lớn là việc lập quy hoạch không gian ở Việt Nam, đặc biệt là mở rộng các thị trấn, thành phố cần khẩn trương cân nhắc tới các tác động của BĐKH. Trong tương lai chúng ta sẽ cần tới các đồng bằng bãi bồi đang tồn tại và vì thế không nên làm xói mòn chức năng của chúng trong quá trình đô thị hóa. Nhiều đồng bằng bồi đắp cũng cung cấp nguồn đất đai phì nhiêu cho trồng lúa, nên dù chịu tác động nước biển dâng cao và nước mặn xâm chiếm, lũ lụt và hạn hán đe dọa, Việt Nam vẫn phải duy trì sản xuất lúa gạo cho tiêu dùng nội địa và cung cấp lương thực cho thế giới. Vì thế từ quan điểm an ninh lương thực, các cánh đồng đó cần được bảo vệ để khỏi biến thành các khu công nghiệp hay khu dân cư.

Ông KOOS NEEFJES - cố vấn chính sách về BĐKH của UNDP tại Hà Nội

7. GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ LỒNG GHÉP

7.1. Mục đích giám sát đánh giá hiệu quả lồng ghép

Đánh giá hiệu quả lồng ghép nhằm:

- Khẳng định việc lồng ghép các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu đã góp phần bảo đảm phát triển bền vững của các ngành, lĩnh vực cũng như Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đến mức nào;
- Phát hiện những mặt còn thiếu sót, hạn chế cả về nội dung, phương pháp cần khắc phục, sửa đổi, bổ sung để việc lồng ghép ngày càng có hiệu quả thiết thực.

7.2. Tiêu chí đánh giá kết quả lồng ghép

- Số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong kế hoạch đã có sự lồng ghép nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Nguồn lực thực tế đã được huy động để đầu tư cho nhu cầu phòng ngừa, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; So với nhu cầu đã đáp ứng được bao nhiêu phần trăm?
- Hiệu quả đầu tư đã phát huy tác dụng như thế nào trong việc giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra;
- Thiệt hại về vật chất do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra so với GDP của tỉnh, của ngành sau khi đã thực hiện việc lồng ghép? Mức độ tăng, giảm so với trước khi lồng ghép?
- Các tác động của rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đối với các vấn đề xã hội như; mức độ sang chấn về tinh thần của người thân những người bị chết, bị thương, mất tích do thiên tai; vấn đề nhà ở của những gia đình bị thiên tai tàn phá; tình hình đói nghèo; sinh kế của người dân; tình hình dịch bệnh; dịch vụ y tế; mức độ ảnh hưởng việc học hành của học sinh; mức độ phải đóng góp của người dân để khôi phục trường học, bệnh xá bị hư hỏng đã có chuyển biến gì sau khi đã thực hiện lồng ghép;
- Mức độ hủy hoại môi trường do thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra tăng hay giảm so với trước khi thực hiện lồng ghép? Kế hoạch trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn các sông suối; Kế hoạch trồng và bảo vệ cây chắn sóng ven sông, ven biển đạt được bao nhiêu phần trăm? Hiệu quả của việc trồng

rừng, trồng cây chắn sóng trong việc giảm nhẹ thiên tai và biến đổi khí hậu?

- Có bao nhiêu văn bản quy phạm pháp luật và các cơ chế, chính sách liên quan đến phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu đã được sửa đổi, bổ sung? Hiệu quả của việc sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và các cơ chế chính sách? Nhận thức của công đồng về phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu có chuyển biến gì mới?
- Có bao nhiêu quy hoạch, chương trình, dự án đã được lồng ghép và chưa được lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu..

7.3. Thời gian thực hiện đánh giá kết quả lồng ghép

- Mỗi năm đánh giá 1 lần kết hợp cùng với việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch của năm trước để chuẩn bị xây dựng kế hoạch năm sau.
- Kết thúc Kế hoạch 5 năm đánh giá một lần kết hợp cùng với việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch của 5 năm trước để chuẩn bị xây dựng kế hoạch 5 năm sau.

7.4. Trách nhiệm đánh giá hiệu quả lồng ghép

- Quy hoạch, kế hoạch, Chương trình của ngành nào, địa phương nào thì ngành đó, địa phương đó chịu trách nhiệm đánh giá hiệu quả lồng ghép.
- Dự án của chủ đầu tư nào thì chủ đầu tư đó chịu trách nhiệm đánh giá hiệu quả lồng ghép.
- Sở KH&ĐT chủ trì phối hợp với Thường trực Ban Chỉ huy PCLB &TKCN tỉnh, Sở NN&PTNT, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Xây dựng thực hiện việc đánh giá hiệu quả lồng ghép các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quá trình lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP ĐÃ CÓ SỰ LỒNG GHÉP- QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT

Các bước lồng ghép

Về nguyên lý, việc lồng ghép cần được tiến hành ngay từ đầu của quá trình lập kế hoạch, cụ thể là ngay từ khâu hình thành ý tưởng, thể hiện thành mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp huy động và phân bổ các nguồn lực thực hiện cho đến khâu cuối cùng là đánh giá thực hiện kế hoạch, đúc rút bài học kinh nghiệm cho lập kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

8.1 Quy Trình xây dựng kế hoạch của Phát triển Kinh tế Xã hội 5 năm của tỉnh Đồng Tháp

Khung 2 . Quy trình lập Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 của tỉnh Đồng Tháp

Quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015 đã có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai - Phương án đề xuất bao gồm các bước như sau

Cấp quốc gia:

Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch nói chung:

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 233/BKH-LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em²⁰

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ thiên tai cấp quốc gia:

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- Nghị quyết số 26_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X²¹

²⁰ Lập kế hoạch theo Dàn ý kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm cấp tỉnh được gửi kèm theo công văn số 233/BKH-LĐVX ngày 12 tháng 01-2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Phụ lục 1 và cùng với các biểu mẫu chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi kèm

- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020
- Nghị quyết số 22-NQ/CP, ngày 23-9-2008, của Chính phủ về "Ban hành chính sách bảo hiểm nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường";

Cấp tỉnh:

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:

- ⇒ Chỉ thị của UBND TỈNH ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin. Có 27 biểu mẫu, chủ yếu về cơ sở hạ tầng, chỉ có 4 biểu mẫu về xã hội

Căn cứ định hướng phát triển:

- Chiến lược tổng thể Phát triển Kinh tế - Xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020²²
- Quy hoạch phát triển Kinh tế- Xã hội của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006-2010
- Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia thực hiện tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp
- Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh Đồng Tháp
- Kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020

²¹ Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

²² Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu là đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, hiện đại và xếp vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình

Bước 1:

- ⇒ Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho tỉnh Ban hành Chỉ thị gửi cho các sở ban ngành về việc hướng dẫn lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, kèm theo các bảng biểu của Bộ Kế hoạch đầu tư và bảng biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch lồng ghép và Kế hoạch phát triển 5 năm của các ngành

Nội dung Kế hoạch gồm 2 phần:

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2006-2010 và xây dựng định hướng Phát triển kinh tế xã hội 5 năm tiếp theo: 2011-2015

Thời gian thực hiện:

Từ tháng 6 đến năm 2010 đến hạn cuối cùng nộp báo cáo là 20 tháng 7 năm 2010 (Kế hoạch hàng năm cũng được xây dựng trong tháng 6- tháng 7 hàng năm)

Phương pháp lập kế hoạch và phương pháp lồng ghép:

Văn bản của sở Kế hoạch Đầu tư gửi các sở, ngành liên quan có hướng dẫn các tài liệu định hướng lập kế hoạch của các ngành và tài liệu định hướng lập Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành (như đã được nêu trên)

Bước 2:

- Tập huấn cho cán bộ thực hiện xây dựng kế hoạch 5 năm có sự lồng ghép, thống nhất phương pháp thực hiện lồng ghép và sử dụng bảng biểu để thu thập thông tin

Đối tượng tham gia tập huấn: Cán bộ lập kế hoạch của các sở, các ngành trực thuộc sở và cán bộ lập kế hoạch của các huyện (có thể mời đại diện lãnh đạo sở, lãnh đạo huyện)

Thời gian hội thảo: 1 ngày

Bước 3: các sở và đơn vị trực thuộc của sở, cán bộ kế hoạch của huyện thực hiện thu thập thông tin để phục vụ cho việc lập kế hoạch phát triển của ngành mình (kế hoạch 5 năm 2011-2015)

Thông tin phục vụ cho lập kế hoạch bao gồm:

(i) Thông tin thứ cấp và (ii) thông tin sơ cấp

Thông tin thứ cấp bao gồm:

- Kết quả thực hiện Kế hoạch của giai đoạn trước 2006-2010
- Báo cáo hàng năm
- Số liệu thống kê của ngành
- Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2020

Tài liệu về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai:

- Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai
- Kế hoạch thực hiện đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Kế hoạch phòng chống và giảm nhẹ thiên tai của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh

Thông tin sơ cấp²³:

Thông tin sơ cấp được thu thập từ các bảng biểu gửi về cho các huyện, huyện gửi cho → các xã. Các đơn vị trực thuộc sẽ thu thập thông tin từ các lĩnh vực mà đơn vị mình quản lý (bao gồm các biểu mẫu do Bộ KH&ĐT quy định và biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai – xem phần phụ lục)

Các đơn vị trực thuộc, các huyện lựa chọn, cân nhắc để lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Mục tiêu Chung, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu, các hoạt động để đưa vào trong Bản Kế hoạch phát triển của ngành mình. Việc lồng ghép phải đảm bảo tính toàn diện đi từ Mục Tiêu → các chỉ tiêu → các giải pháp (giải pháp công trình và phi công trình) và nguồn tài chính để thực hiện được các Mục tiêu từ việc thực hiện các giải pháp công trình và phi công trình, đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp; thời gian thực hiện và cơ chế giám sát đánh giá

Bước 3.

- ⇒ Phòng Kế toán Tài Chính thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tập hợp các Kế hoạch của các ngành, dựa vào “ưu tiên” để cân đối và đưa vào kế hoạch Chung của tỉnh
- ⇒ Xây dựng kế hoạch dự thảo phát triển Kinh tế- xã hội

Bước 4.

- ⇒ Tổ chức hội thảo góp ý cho dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015

Thành phần tham gia hội thảo góp ý cho Kế hoạch dự thảo:

1. Đại diện Lãnh đạo UBND tỉnh Đồng Tháp
2. Đại diện Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh
3. Cán bộ lập kế hoạch của các sở, các huyện, các đơn vị liên quan (bao gồm cả sở Tài chính, Cục thống kê và các sở trong tỉnh...)
4. Đại diện các chủ đầu tư các Chương trình mục tiêu, dự án của trung ương tại tỉnh Đồng Tháp.
5. Đại diện các tổ chức quốc tế, các Tổ chức phi chính phủ quốc tế có đầu tư thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Phương pháp tổ chức hội thảo: sử dụng phương pháp có sự tham gia, chia nhóm và các nhóm thảo luận theo các chủ đề khác nhau. Sau đó các trưởng nhóm tổng hợp và trình bày trước hội thảo, các nhóm còn lại góp ý. *Hội thảo đặc biệt chú ý đến việc lựa chọn các giải pháp công trình và phi công trình làm sao cho thật sự phù hợp và đảm bảo được tính “cấp thiết” cho từng ngành, liên ngành...đồng thời lựa chọn “cách thức” để lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Mục tiêu Chung, Mục tiêu cụ thể của Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh, từ đó xác định các chỉ tiêu phù hợp để thực hiện*

²³ Xem các bảng biểu được thiết kế cho các ngành ở phần Phụ lục

được Mục tiêu và Xây dựng Kế hoạch hành động trên cơ sở nguồn lực được huy động từ các nguồn khác nhau. **Sở kế hoạch Tài chính**, đại diện các chủ đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia, các dự án của Trung ương, các tổ chức phi chính phủ quốc tế sẽ đóng góp ý kiến về kinh phí thuộc lĩnh vực mà họ đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Cuối buổi hội thảo sẽ trình bày lại Kế hoạch dự thảo đã được góp ý.

Nhóm tổ chức hội thảo và các trưởng nhóm sẽ chính sửa Kế hoạch, trong đó có các vấn đề đã được lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai

Bước 5:

- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ hoàn thiện Báo cáo phát triển Kinh tế xã hội của tỉnh và trình HĐND và Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt vào tháng 12/2010 (kế hoạch hàng năm cũng được phê duyệt và thời điểm này, bởi thời điểm này HĐND mới họp phiên cuối năm.

Bước 6:

- ⇒ Gửi Báo cáo lên Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Hội Đồng Nhân dân tỉnh, Mặt trận tổ quốc tỉnh, các sở, ban ngành trong tỉnh, Văn phòng Ban chỉ huy PCLB&TKCN.

8.2 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành

8.2.1 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn – phương án đề xuất

Khung số 2. Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành

Quy trình xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành được xây dựng theo các bước như sau:

Cấp quốc gia:

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch:

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Phát triển Kế hoạch Phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 5 năm 2011-2015

Căn cứ pháp lý để lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với Biến đổi khí hậu:

- ⇒ Chiến lược Quốc gia về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007)

- ⇒ Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu (Triển khai thực hiện Nghị quyết số 60/2007/NQ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ)
- ⇒ Khung chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn²⁴
- ⇒ Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- ⇒ Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- ⇒ Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- ⇒ Nghị quyết số 26_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X²⁵
- ⇒ Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- ⇒ Chiến lược Bảo vệ Môi trường quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020
- ⇒ Nghị quyết số 22-NQ/CP, ngày 23-9-2008, của Chính phủ về "Ban hành chính sách bảo hiểm nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường";

Cấp tỉnh:

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:

- ⇒ Chỉ thị của UBND tỉnh ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015 có yêu cầu thực hiện lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai

²⁴ Mục tiêu cụ thể của Chương trình hành động thích ứng với BĐKH là : (i). Xây dựng được hệ thống chính sách, lồng ghép với chương trình của ngành và các nhiệm vụ cụ thể; (ii). Xây dựng kế hoạch hành động và đề xuất chính sách hỗ trợ các vùng chịu ảnh hưởng bất lợi của biến đổi khí hậu để sản xuất bền vững đối với các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp; (iii) Tăng cường năng lực trong các hoạt động nghiên cứu, dự báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn; (iv). Tăng cường hợp tác quốc tế, kết nối với các chương trình quốc tế và khu vực, tiếp nhận sự trợ giúp quốc tế về kinh nghiệm và công nghệ trong việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành; (v). Phát triển nguồn nhân lực trong các hoạt động của ngành về giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu; (vi). Nâng cao được nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành và cộng đồng trong việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu ngành Nông nghiệp và PTNT; (vii). Đảm bảo cho cộng đồng dân cư nông thôn được hưởng lợi bình đẳng từ các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

²⁵ Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

- ⇒ Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin lập kế hoạch và biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương thuộc các lĩnh vực khác nhau của ngành nông nghiệp như thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp...

Căn cứ định hướng phát triển:

- ⇒ Chiến lược tổng thể Phát triển Kinh tế - Xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020²⁶
- ⇒ Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- ⇒ Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006-2010
- ⇒ Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia thực hiện tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Bước 1:

Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp soạn thảo Văn bản và xây dựng các biểu mẫu chung²⁷, có bổ sung thêm biểu mẫu thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương đối với các đơn vị trực thuộc ở các lĩnh vực như lâm nghiệp, thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi... và 12 phòng Nông nghiệp Kinh tế của 12 huyện trong toàn tỉnh gửi cho các 12 đơn vị trực thuộc và 12 phòng Kinh tế Nông nghiệp của 12 huyện (xem phụ lục) để thu thập thông tin liên quan đến lĩnh vực của mình nhằm Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của ngành trong 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên (đã có sự lồng ghép)

Bước 2:

- ⇒ Phòng Nông nghiệp - kinh tế các huyện soạn thảo công văn và các bảng biểu gửi đến các xã thu thập số liệu thống kê, đồng thời tổ chức tham vấn cộng đồng ở một số xã trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai để thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương của lĩnh vực mình chịu trách nhiệm và đánh giá năng lực đối phó (năng lực thể chế, năng lực vật chất, năng lực con người, bao gồm cả nhận thức, thái độ, hành vi của cán bộ và cộng đồng)

Bước 3:

²⁶ Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu là đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, hiện đại và xếp vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình

²⁷ Hiện nay đã có biểu mẫu chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi kèm theo công văn số 233/BKH-LĐVX ngày 12 tháng 01-2010. Các biểu mẫu được gửi kèm theo Phụ lục 1: Dân ý kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm cấp tỉnh. Tuy nhiên trong quá trình thu thập thông tin để lập kế hoạch của ngành tùy theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc có thể xây dựng thêm một số biểu mẫu riêng. Trên cơ sở bảng biểu riêng các đơn vị đã nộp hàng năm cho Phòng kế hoạch tài chính của Sở NN&PTNT sẽ soạn thảo ra các Bảng biểu chung cho các đơn vị, và bổ sung thêm các bảng biểu thu thập thông tin về đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các đơn vị trực thuộc, các huyện...đồng thời xây dựng bảng biểu đánh giá khả năng ứng phó của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Các bảng biểu này phải được xây dựng theo Khung logic → từ vấn đề → nguyên nhân → giải pháp → chỉ số giám sát → đơn vị thực hiện và → thời gian thực hiện → kinh phí thực hiện

- ⇒ Hội thảo tập huấn thống nhất cách làm cho các đơn vị trực thuộc, các cán bộ lập kế hoạch của các huyện, tập trung vào việc nâng cao kỹ năng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và Lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai

Bước 4:

- ⇒ Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin và gửi Báo cáo của lĩnh vực mình đến Phòng Kế hoạch Tài chính sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- ⇒ Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin và gửi Báo cáo của lĩnh vực mình đến Phòng Kế hoạch Tài chính sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Ghi chú: Để chủ động về mặt thời gian Việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và Lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai (theo Biểu mẫu) có thể được thu thập trước đó, vào tháng 3 -tháng 4 hàng năm²⁸

Thông tin phục vụ cho lập kế hoạch ngành:

Thông tin thứ cấp

- Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2006-2010 của ngành NN & PTNT
- Số liệu thống kê của tỉnh, huyện
- Báo cáo hàng năm của ngành NN & PTNT

Thông tin lập Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai:

Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Chương trình hành động thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Các chương trình Mục tiêu quốc gia liên quan đến phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (như Chương trình xây dựng Cụm tuyến dân cư, chương trình kiên cố hóa trường học; ...)

Số liệu sơ cấp: Thông tin thu được từ các biểu mẫu đã gửi các đơn vị trực thuộc và Biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập Kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai (được gửi cho các huyện → thu thập từ các xã)

Bước 5:

²⁸ Gửi bằng biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và Lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào tháng 3-4 hàng năm. Kết quả này cũng để phục vụ cho Văn phòng Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh lập Kế hoạch phòng chống lụt bão hàng năm

- Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp, cân đối và xây dựng dự thảo Kế hoạch ngành Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bước 6:

- Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý cho bản dự thảo Kế hoạch.

Thành phần đại biểu mời tham dự hội thảo bao gồm:

- Đại diện của 24 đơn vị trực thuộc
- Đại diện của một số sở ban ngành liên quan như: (1) sở KH&ĐT(ii) Sở Tài chính;(iii) Sở Tài Nguyên và Môi trường (iv) Sở Xây dựng, (v) Sở GTVT; (vi) Sở Thông tin và truyền thông; (vii) Sở LĐTBXH; (viii)Sở KHCN (ix) Ban chỉ huy Phòng chống Bão lụt và TKCN.
- Đại diện các chương trình dự án thực hiện tại tỉnh
- Đại diện các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi Chính phủ quốc tế tại địa bàn tỉnh

Phương pháp hội thảo: Sử dụng phương pháp tham gia, chia thành nhóm thảo luận theo các chủ đề khác nhau, sau đó trưởng nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình và các thành viên khác góp ý.

Các vấn đề thảo luận: (i) Nội dung lồng ghép (bao gồm lồng ghép vào Mục tiêu chung, lục tiêu cụ thể; xây dựng các chỉ tiêu lồng ghép cho các chủ đề trong Kế hoạch của ngành nông nghiệp, từ đó đề xuất→ (ii) Các giải pháp công trình (iii) Các giải pháp phi công trình; (iv) thời gian thực hiện (v) giám sát đánh giá(vi) giải pháp kinh phí...

Vấn đề lồng ghép: bao gồm các vấn đề các đơn vị đã xác định trong quá trình đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực (i) Trồng trọt (ii) Chăn nuôi(iii) Nuôi trồng Thủy sản (iv) Lâm nghiệp...

Các giải pháp phi công trình như: chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với vùng lũ; (ii) rà soát quy hoạch của ngành; (iii) Nâng cao nhận thức cộng đồng, nâng cao kỹ năng sản xuất để tăng thu nhập (iv) Khuyến khích Các hộ gia đình tự phát huy sáng kiến, sáng tạo trong phòng chống thiên tai...(v) Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài; (vi)Rà soát các hoạt động khuyến nông/khuyến ngư/khuyến lâm và lồng ghép giảm nhẹ thiên tai và các hoạt động này; (vii) Rà soát cơ chế chính sách phù hợp với giảm nhẹ thiên tai đối với trồng rừng, bảo vệ rừng phòng hộ (rừng tràm) các cơ chế chính sách đối với sau thu hoạch, vay vốn cho các hộ nghèo (làm nền nhà cao, xây dựng kiên cố chuồng gia súc)...chính sách đối với kiên cố kênh mương...

Bước 6:

- Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp, tập hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành Kế hoạch ngành và trình Giám đốc sở NN&PTNT phê duyệt (đã được phê duyệt)

Bước 7

- Giám đốc sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt kế hoạch số 23/SNN-KH&TC ngày 13 tháng 7 năm 2009

Bước 8:

- Gửi Báo cáo lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn vào tháng 8/2009, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Cục thống kê, Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN tỉnh .

8.2.2 Quy Trình xây dựng kế hoạch của ngành GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

Khung 3 . Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Đồng Tháp có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai

Cấp quốc gia:

Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch nói chung:

- ⇒ Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020”²⁹
- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Quyết định số 555/2007/QĐ-BKH ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010)
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về Kế hoạch Phát triển ngành Giáo dục 5 năm 2011-2015

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ thiên tai cấp quốc gia:

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính

²⁹ Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu là đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, hiện đại và xếp vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình,

phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.

- Nghị quyết số 26_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X³⁰
- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020

Cấp tỉnh:

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:

- Chỉ thị của UBND tỉnh ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015
- Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin
- Căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phẩm mềm Vanpro (bao gồm toàn bộ 10 bảng biểu)

Căn cứ định hướng phát triển:

- ⇒ Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020
- ⇒ Quy hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- ⇒ Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006-2010
- ⇒ Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia về giáo dục thực hiện tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020

³⁰ Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của Đồng Tháp đến năm 2020

Thời gian thực hiện:

Từ tháng 6 đến năm 2010 đến hạn cuối cùng nộp báo cáo là 20 tháng 7 năm 2010 (Kế hoạch hàng năm cũng được xây dựng trong tháng 6- tháng 7 hàng năm)

Ghi chú: Hiện tại sở Giáo dục và Đào tạo đang phải lập 2 Kế hoạch khác nhau theo yêu cầu của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh và của Bộ Giáo dục và đào tạo. Để có thể lồng ghép được giám nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch Phát triển của ngành Giáo dục và Đào tạo thì cần thống nhất hai cách lập kế hoạch thành một cách duy nhất, cụ thể:

Bước 1:

⇒ Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Chỉ thị Hướng dẫn về lập kế hoạch theo công văn số 233/BKH-LĐVX của BKH&ĐT ngày 12 tháng 01 năm 2010) và nội dung chỉ thị yêu cầu lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch PTKT XH của tỉnh và Kế hoạch của các ngành và gửi kèm theo “Biểu mẫu thu thập thông tin đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai”. (Xem biểu mẫu Kèm theo ở phần phụ lục).

⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc sở Giáo dục tỉnh Đồng Tháp soạn thảo Văn bản và có Bảng biểu thống nhất từ Bộ Giáo dục và Đào tạo (làm theo phần mềm: Vanpro (toàn bộ 10 bảng biểu) và bảng biểu từ công văn số 233/BKH-LĐVX của BKH&ĐT ngày 12 tháng 01 năm 2010 của BKH&ĐT gửi cho các đơn vị trực thuộc để thu thập thông tin lập kế hoạch của đơn vị mình và gửi báo cáo về sở Giáo dục và Đào tạo để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên theo phương pháp đã được nhóm tư vấn UNICEF trong khuôn khổ dự án “Tình bạn hữu” tập huấn và thực hiện

Trong Biểu mẫu gửi cho các đơn vị trực thuộc có biểu mẫu “Xây dựng Khung kế hoạch” và “Khung logic” và “Bảng biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương đối với ngành giáo dục là Lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai” và gửi các đơn vị để thu thập thông tin đánh giá kế hoạch của giai đoạn trước (2006-2010) và xây dựng Phương hướng cho giai đoạn tiếp theo: 2011-2015

Bước 2:

- Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và nộp cho cho phòng Kế hoạch tài chính sau 2 tuần trong trung tuần tháng 7 năm 2010.
- Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện thu thập thông tin gửi cho Sở Giáo dục Đào tạo, vừa gửi cho UBND huyện để lập Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Thông tin phục vụ cho việc lập kế hoạch của ngành giáo dục bao gồm thông tin thứ cấp và thông tin sơ cấp:

Thông tin thứ cấp:

- Quy hoạch tổng hợp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm 2006-2010
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp

Thông tin sơ cấp: thu thập từ các trường, các đơn vị trực thuộc từ biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương đối với ngành giáo dục

Ghi chú: Để chủ động về thời gian, các sở có thể gửi Biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương đối với ngành mình và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai cho các đơn vị trực thuộc và thu thập thông tin lập kế hoạch từ tháng 3 đến tháng 4 hàng năm³¹

Bước 3:

- Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, cân đối và xây dựng Kế hoạch ngành bao gồm 2 phần: phần đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2006-2010 và Kế hoạch của 5 năm tiếp theo 2011-2015

Bước 4:

- Tổ chức tham vấn lấy ý kiến của các bên liên quan góp ý cho Bản kế hoạch dự thảo, thu thập các ý kiến bổ sung và hoàn thiện báo cáo

Ghi chú: Hoạt động tổ chức hội thảo này có thể lồng ghép vào Hội nghị tổng kết 6 tháng đầu năm của ngành để tiết kiệm kinh phí – chỉ mời thêm một số thành phần

Thành phần tham dự hội thảo tham vấn:

Các đơn vị trực thuộc: có 6 phòng ban chuyên môn nghiệp vụ của sở

Đại diện của các sở liên quan như (i) UBND tỉnh; (ii) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (iii) Sở Tài chính; (iv) Đại diện của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở thông tin và truyền thông; Sở Văn hóa, thể dục thể thao và du lịch; Đại diện các chủ đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh

Các tổ chức quốc tế và các NGO quốc tế có dự án đầu tư tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Bước 5:

- Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn thiện và trình lãnh đạo sở phê duyệt

Bước 5

- Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kế hoạch và gửi cho UBND tỉnh Đồng Tháp; Sở KH&ĐT, Bộ Giáo dục và Đào Tạo, Sở tài chính, Cục thống kê của tỉnh và các sở liên quan vào tháng 8 năm 2010 và kế hoạch hàng năm cũng gửi vào tháng 8 hàng năm

Ghi chú:

³¹ Kế hoạch này cũng phục vụ cho lập kế hoạch phòng chống thiên tai của ngành và gửi cho Văn phòng của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và TKCN của tỉnh để lập kế hoạch PCLB của tỉnh

- Sở Giáo dục và Đào tạo đang lập Kế hoạch ngành theo hướng dẫn của 2 cơ quan: (i) của Bộ Giáo dục và đào tạo với phần mềm không tập hợp Kế hoạch hành động của toàn ngành, mà chỉ có các đơn vị trực thuộc lập Kế hoạch cho đơn vị mình.
- Kinh phí hoạt động cấp trung ương chuyển về không dựa vào kế hoạch của ngành – theo kiểu giao khoán, nhiều đơn vị không đủ kinh phí trả lương cho cán bộ viên chức, ví dụ như Trung Tâm y tế dự phòng (khoán lương theo biên chế). Trung ương khoán định mức biên chế theo định mức về quy mô dân số

Các chỉ số lồng ghép: Một số giới ý

Lồng ghép vào Mục tiêu:Công bằng xã hội trong giáo dục, đặc biệt ở các vùng kinh tế khó khăn và các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai lũ lụt

...Đảm bảo trẻ em trong độ tuổi ở các vùng khó khăn, thiên tai đều được đi học (Mẫu giáo, tiểu học)

Các mục tiêu: Hoàn thành đề án chuyển điểm trông trẻ thành điểm trường mầm non

Mục tiêu cụ thể: Tăng cường cơ sở vật chất, ngân sách:

Xây dựng chỉ số huy động mẫu giáo (riêng các vùng thiên tai xảy ra thường xuyên xảy ra Lũ lụt

Ví dụ một số chỉ số cần được lồng ghép:

- Đến năm 2015 đảm bảo 100% các điểm trông trẻ trong vùng lũ thành điểm trường mầm non
- Đảm bảo 100% các trường tiểu học và trung học cơ sở trong vùng lũ lụt đưa môn học bơi vào môn học chính khóa - giáo dục thể chất
- Đảm bảo 100% các trường tiểu học và trung học cơ sở trong vùng lũ lụt có bể bơi dã chiến để giáo dục phổ cập bơi cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở

Các giải pháp phi công trình:

Phát huy vai trò tham mưu của sở giáo dục và Đào tạo cho UBND tỉnh

- Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho tỉnh xây dựng chính sách thu hút giáo viên giỏi về công tác tại các vùng thường xuyên xảy ra lũ lụt
- Điều chỉnh các chính sách đã lỗi thời không còn phù hợp, đặc biệt với ngành Mầm non
- Xây dựng chính sách đối với giáo viên (lương, phụ cấp) ở vùng thường xuyên xảy ra lũ lụt, đặc biệt là giáo viên mầm non, tiểu học.
- Tham mưu cho tỉnh xây dựng Quỹ phòng chống giảm nhẹ thiên tai trong ngành giáo dục
- Tham mưu cho tỉnh có chính sách về tài chính, chủ trương về tổ chức các hội nghị, hội thảo tổng kết và chia sẻ kinh nghiệm về lồng ghép giảm nhẹ thiên tai vào kế hoạch phát triển của ngành và thực hiện các kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai
- Tổ chức tham quan học hỏi các mô hình tốt trong nước và nước ngoài

8.2.3 Quy Trình xây dựng kế hoạch của ngành Y Tế có sự lồng ghép – phương án đề xuất

Khung 4 . Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành Y tế tỉnh Đồng Tháp

Quy trình xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm của Y Tế được xây dựng theo các bước như sau:

Cấp quốc gia:

Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch nói chung:

- ⇒ Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020”³²
- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Quyết định số 555/2007/QĐ-BKH ngày 30 tháng 5 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010)
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ Y Tế hướng dẫn về Phát triển Kế hoạch Phát triển ngành Y tế 5 năm 2011-2015

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp quốc gia:

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- Nghị quyết số 26_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X³³

³² Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu là đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, hiện đại và xếp vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình,

- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của Đồng Tháp đến năm 2020³⁴

Cấp tỉnh:

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:

- ⇒ Chỉ thị của UBND TỈNH ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin

Căn cứ định hướng phát triển:

- Quy hoạch tổng hợp phát triển Kinh tế- Xã hội của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006-2010
- Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia thực hiện tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống giảm nhẹ thiên tai tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của Đồng Tháp đến năm 2020
- Các chương trình Mục tiêu quốc gia liên quan đến phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (như Chương trình xây dựng Cụm tuyến dân cư, Chiến lược phát triển thủy lợi của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020...)

³³ Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

³⁴ Kế hoạch này đang được Sở Tài Nguyên Môi trường chuẩn bị thuê tư vấn thực hiện. Kinh phí đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt

Bước 1:

- Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Y Tế tỉnh Đồng Tháp soạn thảo Văn bản và có Bảng biểu thống nhất từ Bộ Y tế: cấp xã 8 bảng biểu, cấp huyện: 14 bảng biểu và gửi cho các đơn vị trực thuộc (15 đơn vị trực thuộc)các xã thu thập thông tin (số liệu thống kê) liên quan đến ngành mình nhằm Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của ngành trong 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên.

Bước 2:

- Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin theo hướng dẫn của Sở y tế và nộp cho phòng Kế hoạch tài chính sau 2 tuần trong trung tuần tháng 7 năm 2010.

Bước 3:

- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Y Tế tổng hợp, cân đối và xây dựng Kế hoạch ngành tổ chức tham vấn góp ý cho Bản kế hoạch dự thảo

Bước 4:

- ⇒ Tổ chức tham vấn lấy ý kiến của các bên liên quan, thu thập các ý kiến bổ sung và hoàn thiện báo cáo

Bước 5:

- Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở Y tế hoàn thiện và trình lãnh đạo sở phê duyệt

Bước 6:

- Giám đốc sở Y tế Phê duyệt kế hoạch số 23/SNN-KH&TC ngày 13 tháng 7 năm 2009 và gửi cho Sở KH&ĐT, Bộ Y Tế, Sở tài chính, Cục thống kê của tỉnh và các sở liên quan

Ghi chú:

- Sở Y tế không tập hợp Kế hoạch hành động của toàn ngành, mà chỉ có các đơn vị trực thuộc lập Kế hoạch cho đơn vị mình.
- Kinh phí hoạt động cấp trung ương chuyển về không dựa vào kế hoạch của ngành – theo kiểu giao khoán, nhiều đơn vị không đủ kinh phí trả lương cho cán bộ viên chức, ví dụ như Trung Tâm y tế dự phòng (khoán lương theo biên chế). Trung ương khoán định mức biên chế theo định mức về quy mô dân số

Các chỉ số lồng ghép:

Chỉ số về khám chữa bệnh:

- Tỷ lệ đối tượng dễ bị tổn thương (Phụ nữ, trẻ em, người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật... được chăm sóc sức khỏe nói chung và được chăm sóc sức khỏe trong mùa mưa lũ nói riêng
- Tỷ lệ giường bệnh dự phòng cho việc điều trị bệnh nhân trong mùa mưa lũ (cấp huyện: bệnh viện huyện, bệnh viện đa khoa, phòng khám khu vực, trạm y tế xã
- Tỷ lệ cơ sở thuốc dự phòng tại các cơ sở y tế

Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em:

- Tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ an toàn trong mùa mưa lũ là 100%
- Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng trong mùa mưa lũ là 100%
- Tỷ lệ phụ nữ được khám thai định kỳ và tiêm ngừa phòng chống uốn ván trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai và trong mùa mưa lũ là 100%
- Tỷ lệ trẻ em từ 0-5 tuổi trong vùng thường xuyên xảy ra mưa lũ được bảo đảm dinh dưỡng là 100%

Mô hình dinh dưỡng:

- Tỷ lệ phòng tư vấn dinh dưỡng tại các xã, huyện, bệnh viện trong vùng thường xuyên xảy ra lũ lụt là 100%

Quản lý điều hành:

Lãnh đạo sở Y Tế phát huy vai trò tham mưu, tham mưu cho UBND tỉnh:

- Tham mưu cho tỉnh ra quyết định về việc lập Quỹ phòng chống giảm nhẹ thiên tai cho ngành y tế (các cấp)
- Tham mưu cho lãnh đạo tỉnh ban hành các chính sách về chăm sóc y tế cho người dân tại các Cụm tuyến dân cư
- Chính sách tăng cường huy động nguồn lực nhằm phòng chống giảm nhẹ thiên tai cho ngành y tế, trước, trong và sau lũ
- Tỷ lệ cán bộ y tế có kiến thức về phòng chống giảm nhẹ thiên tai: 100%
- Tỷ lệ cán bộ cấp cơ sở được tập huấn về sơ cấp cứu hàng năm: 100%
- Tỷ lệ các cuộc hội nghị, hội thảo hàng năm do ngành y tế tổ chức về tổng kết và chia sẻ kinh nghiệm về phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai: 100%
- Tham mưu cho UBND tỉnh cho phép ngành y tế được tham quan học hỏi các mô hình tốt về lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của ngành y tế
- Tỷ lệ các xã trọng điểm lũ lụt được kiểm tra trước mùa mưa lũ: 100%
- Tỷ lệ các chốt cấp cứu ở những nơi xung yếu (bến phà, cầu, bến đò...): 100%
- Tỷ lệ các công trình y tế có cốt nền cao hơn đỉnh lũ năm 2000: 100%
- Tỷ lệ các trường hợp cấp cứu trong mùa mưa lũ được cấp cứu đúng phương pháp: 100%
- Tỷ lệ các xã trong vùng lũ được tuyên truyền về phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh trước mùa mưa lũ, trong mùa mưa lũ và sau mùa mưa lũ: 100%

Xây dựng quy trình giám sát:

- Nguyên tắc giám sát: theo chỉ số đã được xây dựng
- Theo cấp tỉnh, huyện, xã
- Theo mục tiêu
- Theo kế hoạch hành động của Khung Logic

Những việc đã làm được: Mức độ thực hiện

Những tồn tại → Nguyên nhân khác quan → Nguyên nhân chủ quan

Giải pháp khắc phục cho năm tới

Những chỉ số và những hoạt động chưa được thực hiện → Nguyên nhân khác quan

→ Nguyên nhân chủ quan → giải pháp thực hiện trong thời gian tới

Xây dựng kế hoạch tiếp theo: Xác định vấn đề ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo.

Các giải pháp (giải pháp công trình và phi công trình) được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Phải là một bộ phận cấu thành của Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp và Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến 2020 của tỉnh Đồng Tháp

8.2.4 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành TNMT- Tài nguyên Nước – phương án đề xuất

Khung số 5. Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành Tài Nguyên Môi Trường có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành

Quy trình xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm của ngành TNMT có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành được xây dựng theo các bước như sau:

Cấp quốc gia:

Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch nói chung:

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ nông TNMT về xây dựng Kế hoạch Phát triển ngành TNMT 5 năm 2011-2015

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp quốc gia:

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai

dựa vào cộng đồng đến năm 2020.

- Nghị quyết số 26_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X³⁵
- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
- Luật bảo vệ Môi trường
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020

Cấp tỉnh:

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:

- ⇒ Chỉ thị của UBND tỉnh ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015 có yêu cầu thực hiện lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai
- ⇒ Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin.

Căn cứ định hướng phát triển:

- Quy hoạch phát triển Kinh tế- Xã hội của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2006-2010
- Các Chương trình Mục tiêu Quốc gia thực hiện tại địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ định hướng cho việc lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai để lồng ghép vào kế hoạch phát triển của các ngành:

- Chương trình hành động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh Đồng Tháp
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống giảm nhẹ thiên tai tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Chương trình hành động thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Các chương trình Mục tiêu quốc gia liên quan đến phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Bước 1:

³⁵ Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Văn Phòng thuộc Sở TNMT tỉnh Đồng Tháp soạn thảo Văn bản và xây dựng các biểu mẫu chung³⁶, có bổ sung thêm biểu mẫu thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương đối với các đơn vị trực thuộc ở các lĩnh vực quản lý tài nguyên nước... và 8 đơn vị trực thuộc của sở để thập thông tin liên quan đến lĩnh vực của mình nhằm Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của ngành trong 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên (đã có sự lồng ghép)

Bước 2:

- Các đơn vị trực thuộc soạn thảo công văn và các bảng biểu gửi đến các huyện, các xã thu thập số liệu thống kê, đồng thời tổ chức tham vấn cộng đồng ở một số xã trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai để thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương của lĩnh vực mình chịu trách nhiệm và đánh giá năng lực đối phó (năng lực thể chế, năng lực vật chất, năng lực con người, bao gồm cả nhận thức, thái độ, hành vi của cán bộ và cộng đồng)

Bước 3:

- Hội thảo tập huấn thống nhất cách làm cho các đơn vị trực thuộc, các cán bộ lập kế hoạch của các huyện, thị xã, thị trấn tập trung vào việc nâng cao kỹ năng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó. Hoạt động hội thảo tham vấn ý kiến các bên liên quan có thể lồng ghép vào hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm, hoặc hội nghị giao ban - Quân dân chính đảng của ngành...

Thành phần tham gia hội thảo:

Bước 4:

- Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin và gửi Báo cáo của lĩnh vực mình đến Văn Phòng và phòng Kế hoạch Tài Chính sở TNMT

Nguồn thông tin:

Thông tin thứ cấp: các báo cáo hàng năm của các đơn vị trực thuộc; thông tin từ Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh (Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp đến năm 2020)

Thông tin sơ cấp: thu thập thêm thông tin từ các huyện các xã thường xuyên xảy ra thiên tai và những nơi có hiện tượng ô nhiễm môi trường

Bước 5:

⇒ Văn Phòng và phòng Kế hoạch Tài Chính của Sở TNMT tổng hợp, cân đối

³⁶ Hiện nay mới chỉ có biểu mẫu chung do Bộ KH&ĐT gửi các tỉnh kèm theo công văn số 233/BKH-LĐVX ngày 12 tháng 1 năm 2010 đrập Kế hoạch PTKTXH của tỉnh mà chưa có bảng biểu chung cho các ngành, do đó tùy theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc họ có bảng biểu riêng. Trên cơ sở bảng biểu riêng các đơn vị đã nộp hàng năm cho Sở KH&ĐT sẽ soạn thảo ra các Bảng biểu chung các ngành và lấy ý kiến của các ngành để đi đến thống nhất các biểu mẫu thu thập thông tin. Các ngành sẽ soạn thảo bảng biểu thống nhất cho các đơn vị trực thuộc (nếu thấy cần thiết), và bổ sung thêm các bảng biểu thu thập thông tin về đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai của các đơn vị trực thuộc, các huyện... Các bảng biểu này phải được xây dựng theo Khung logic → từ vấn đề địa điểm có vấn đề → nguyên nhân → giải pháp → đơn vị thực hiện → đơn vị phối hợp và → thời gian thực hiện → kinh phí thực hiện → Giám sát đánh giá...

và xây dựng dự thảo Kế hoạch ngành Ngành TNMT

Bước 6:

⇒ Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý cho bản dự thảo Kế hoạch.

Thành phần đại biểu mời tham dự hội thảo bao gồm:

- Đại diện của 9 đơn vị trực thuộc
- Đại diện của các huyện, thị trấn, thị xã
- Đại diện của một số sở ban ngành liên quan như: (i) Sở KH&ĐT(ii) Sở Tài chính (iii) Sở NN & PTNT (iv) Sở Xây dựng, (v) Sở GTVT; (vi) Sở Thông tin và truyền thông; (vii) Sở KHCN (ix) Ban chỉ huy Phòng chống Bão lụt và TKCN tỉnh.
- Đại diện các chương Trình dự án về lĩnh vực môi trường được thực hiện tại tỉnh Đồng Tháp
- Đại diện các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi Chính phủ quốc tế tại địa bàn tỉnh

Hội thảo sẽ thực hiện theo phương pháp tham gia, chia thành nhóm thảo luận theo các vấn đề khác nhau, trưởng nhóm tổng kết kết quả thảo luận của nhóm mình và trình bày lại cho các nhóm khác đóng góp ý kiến.

Ghi chú: Hội thảo tham vấn ý kiến các bên có thể tổ chức lồng ghép vào Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu để nhằm tiết kiệm chi phí

Các vấn đề thảo luận: (i) Nội dung lồng ghép (ii) Các giải pháp công trình (iii) Các giải pháp phi công trình; (iv) thời gian thực hiện (v) giám sát đánh giá(vi) giải pháp kinh phí...

Vấn đề lồng ghép: bao gồm các vấn đề các đơn vị đã xác định trong quá trình đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực (i) bảo vệ Môi trường nước khỏi ô nhiễm và (ii) hạn chế tác động tiêu cực của nước đến phát triển kinh tế xã hội.

Các giải pháp phi nông nghiệp như: Rà soát các văn bản chính sách về quản lý bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ môi trường; (ii) rà soát quy hoạch của ngành; (iii) Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ môi trường (iv) Tăng cường giám sát việc thực hiện đánh giá Môi trường và cam kết bảo vệ môi trường của các chương trình dự án lớn...(v) Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài, đặc biệt ưu tiên các lĩnh vực quản lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường (vi) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp khu công nghiệp...(vii) Rà soát cơ chế chính sách phù hợp với giảm nhẹ thiên tai đối với tài nguyên nước và vệ sinh môi trường, như chính sách cho vay vốn các hộ nghèo để xây dựng nhà vệ sinh hợp chuẩn, đầu tư các công trình nước sạch....

Bước 6:

⇒ Văn Phòng thuộc Sở TNMT tập hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành Kế hoạch ngành và trình Giám đốc sở TNMT phê duyệt

Bước 5

⇒ Giám đốc sở TNMT phê duyệt và gửi Bộ TNMT, UBND tỉnh, Sở KH&ĐT, Sở NN & PTNT, Sở tài chính, Cục thống kê, Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh, vào đầu tháng 8/2009.

8.2.5 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành GTVT – phương án đề xuất

Khung số 6. Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành GTVT có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành

Quy trình xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm của ngành GTVT có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành được xây dựng theo các bước như sau:

Cấp quốc gia:

Căn cứ pháp lý cho việc lập kế hoạch nói chung:

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ GTVT về xây dựng Kế hoạch Phát triển ngành GTVT 5 năm 2011-2015

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp quốc gia:

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- Nghị quyết số 26_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X³⁷

³⁷ Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và Phòng chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

- Nghị quyết số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành KHUNG chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020

Sổ tay hướng dẫn phòng chống thiên tai của Bộ Giao thông vận tải

Cấp tỉnh:

Căn cứ:

- ⇒ Chỉ thị của UBND tỉnh ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015 có yêu cầu thực hiện lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai
- ⇒ Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KH PTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin.

Bước 1:

- ⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở GTVT tỉnh Đồng Tháp soạn thảo Văn bản và xây dựng các biểu mẫu Chung³⁸, có bổ sung thêm biểu mẫu thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương đối với 7 đơn vị trực thuộc và Phòng Kinh tế hạ tầng của 12 huyện, thành phố, thị xã, thị trấn để thu thập thông tin liên quan đến lĩnh vực của mình nhằm Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của ngành trong 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên (đã có sự lồng ghép)

Bước 2:

- ⇒ Các đơn vị trực thuộc soạn thảo công văn và các bảng biểu gửi đến các huyện, các xã thu thập số liệu thống kê, đồng thời tổ chức tham vấn cộng đồng ở một số xã trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai để thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương của lĩnh vực mình chịu trách nhiệm và đánh giá năng lực đối phó (năng lực thể chế, năng lực vật chất, năng lực con người, bao gồm cả nhận thức, thái độ, hành vi của cán bộ và cộng đồng)

Bước 3:

- ⇒ Hội thảo tập huấn thống nhất cách làm cho các đơn vị trực thuộc, các cán bộ lập kế hoạch của các huyện, thị xã, thị trấn; Tập trung vào việc nâng cao kỹ

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

³⁸ Hiện nay chưa có bảng biểu chung, mà tùy theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc họ có bảng biểu riêng. Trên cơ sở bảng biểu riêng các đơn vị đã nộp hàng năm cho Phòng kế hoạch tài chính của Sở NN&PTNT sẽ soạn thảo ra các Bảng biểu chung cho các đơn vị, và bổ sung thêm các bảng biểu thu thập thông tin về đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các đơn vị trực thuộc, các huyện...đồng thời xây dựng bảng biểu đánh giá khả năng ứng phó của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Các sbangr biểu này phải được xây dựng theo Khung logic → từ vấn đề → nguyên nhân → giải pháp → chỉ số giám sát → đơn vị thực hiện và → thời gian thực hiện → kinh phí thực hiện

năng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai của ngành giao thông cho cán bộ lập kế hoạch

Bước 4:

⇒ Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin và gửi Báo cáo của lĩnh vực mình đến phòng Kế hoạch Tài Chính sở GTVT

Nguồn thông tin phục vụ cho lập kế hoạch của ngành giao thông:

Thông tin thứ cấp:

- Các báo cáo hàng năm của các đơn vị trực thuộc
- Kết quả đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm của giai đoạn trước
- Thông tin từ Báo cáo của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh
- Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp
- Chương trình hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống giảm nhẹ thiên tai của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Thông tin sơ cấp: thu thập thêm thông tin từ các huyện các xã qua “Biểu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai (xem phụ lục)

Bước 5:

⇒ Phòng Kế hoạch Tài Chính sở GTVT tổng hợp, cân đối và xây dựng dự thảo Kế hoạch ngành Ngành GTVT

Bước 6:

⇒ Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý cho bản dự thảo Kế hoạch.

Thành phần đại biểu mời tham dự hội thảo bao gồm:

- Đại diện của 8 đơn vị trực thuộc
- Đại diện của các huyện, thị trấn, thị xã
- Đại diện của một số sở ban ngành liên quan như: (i) sở KH&ĐT(ii) Sở Tài chính(iii) Sở NNPTNT (iv) Sở Xây dựng, (v) Sở Tài nguyên và Môi trường; (vi) Sở Thông tin và truyền thông; (vii)Sở KH&CN (ix) Ban chỉ huy Phòng chống Bão lụt và TKCN tỉnh.
- Đại diện các chương Trình dự án về lĩnh vực môi trường được thực hiện tại tỉnh Đồng Tháp
- Đại diện các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi Chính phủ quốc tế tại địa bàn tỉnh

Các vấn đề thảo luận: (i) Nội dung lồng ghép (ii) Các giải pháp công trình (iii) Các giải pháp phi công trình; (iv) thời gian thực hiện (v) giám sát đánh giá(vi) giải pháp kinh phí...

Vấn đề lồng ghép: bao gồm các vấn đề các đơn vị đã xác định trong quá trình đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực (i) Giao thông đường bộ, giao thông đường thủy (ii) Các bến, bãi neo đậu tàu thuyền, các bến thủy,

Các giải pháp phi công trình như: (i) Rà soát các văn bản chính sách về duy tu bảo dưỡng (hàng năm, 5 năm ... (ii) rà soát quy hoạch của ngành; (iii) Nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống tai nạn giao thông đường thủy, đường bộ (iv) Tăng cường sự giám sát của cộng đồng trong thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, và tham gia vào giai đoạn vận hành và bảo trì các công trình giao thông nông thôn; (v) Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài, đặc biệt ưu tiên các lĩnh vực đặng (vi) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ an toàn đường sông vào mùa mưa lũ (như giảm trọng 30% trọng lượng vận chuyển để đảm bảo cho tàu thuyền, các dụng cụ và thiết bị an toàn như phao cứu sinh, chất lượng tàu thuyền, bến bãi..., cũng như việc cấm biển hiệu, đảm bảo đèn chiếu sáng ở cầu, đường trong mùa mưa lũ. (vii) Trước mùa mưa, lũ: Rà soát lại hệ thống giao thông tại các công trình giao thông dễ bị sạt lở; Kiểm tra lại bến thủy, bãi neo đậu tàu thuyền vận tải; (viii) Thành lập Quỹ phòng chống thiên tai hàng năm (trích từ Vốn sự nghiệp) Dự trữ vật tư, trang thiết bị cho cầu, phà, đầu kéo...

Bước 6:

⇒ Phòng Kế hoạch và Tài Chính thuộc Sở GTVT tập hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành Kế hoạch ngành và trình Giám đốc sở GTVT phê duyệt

Bước 5

⇒ Giám đốc sở GTVT phê duyệt và gửi Bộ GTVT, UBND tỉnh, Sở KH&ĐT, Sở NN& PTNT, Sở Tài chính, Cục thống kê, Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh, vào đầu tháng 8/2009.

8.2.6 Quy trình lập kế hoạch có sự lồng ghép của ngành Xây dựng – phương án đề xuất

Khung số 7. Quy trình lập Kế hoạch phát triển 5 năm 2011-2015 của ngành Xây dựng có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành

Quy trình xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm của ngành Xây dựng có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành được xây dựng theo các bước như sau:

Cấp quốc gia:

Căn cứ:

- ⇒ Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 03/06/2009 của Thủ Tướng chính phủ, về việc xây dựng Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 6315/BKH - TH ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ KH&ĐT, về việc xây dựng kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm 2011-2015
- ⇒ Văn bản số 233/BKH- LĐVX ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Bộ KH&ĐT về việc hỗ trợ xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 về phát triển kinh tế của tỉnh và các kế hoạch ngành có ưu tiên đến trẻ em
- ⇒ Văn bản của Bộ Xây dựng về xây dựng Kế hoạch Phát triển ngành Xây dựng 5

năm 2011-2015

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch có sự lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp quốc gia:

- Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2020 (Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định số 158/2008/QĐ ngày 02 tháng 12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.
- Nghị quyết số 26_NQ/TW ngày 05-08-2008 về nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa X³⁹
- Chiến lược BVMT quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020

Cấp tỉnh:

Căn cứ pháp lý lập kế hoạch ngành xây dựng:

- ⇒ Chỉ thị của UBND tỉnh ngày 18 tháng 6 năm 2009 về việc xây dựng KHPTKTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 và 5 năm 2011-2015 có yêu cầu thực hiện lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai
- ⇒ Văn bản của Sở kế hoạch và đầu tư gửi các sở/ban ngành, huyện, thị xã, thị trấn về việc xây dựng KHPTKTXH 5 năm 2011-2015 có kèm theo các biểu mẫu thu thập thông tin.

Cơ sở pháp lý để lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Kế hoạch ngành:

- ⇒ Chương trình hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống giảm nhẹ thiên tai tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- ⇒ Quy phạm về các tiêu chuẩn thiết kế các công trình xây dựng được UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành năm 2001
- ⇒ Quy định về tiêu chuẩn thiết kế của bộ xây dựng

Căn cứ định hướng lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch của ngành xây dựng:

- ⇒ Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- ⇒ Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ thiên tai tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020

³⁹ Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, đê biển và rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cụm dân cư đáp ứng yêu cầu phòng chống bão, lũ, ngăn mặn và chống nước biển dâng; tạo điều kiện sống an toàn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và các vùng thường xuyên bị bão, lũ, thiên tai; chủ động triển khai một bước các biện pháp thích ứng và đối phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ cứu trợ đối với hộ thiếu đói, vùng khó khăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo, cận nghèo.... Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch

⇒ Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020

Bước 1:

⇒ Văn Phòng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp soạn thảo Văn bản và xây dựng các biểu mẫu chung⁴⁰, có bổ sung thêm biểu mẫu thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương đối với 7 đơn vị trực thuộc và Phòng Kinh tế hạ tầng của 12 huyện, thành phố, thị xã, thị trấn để thu thập thông tin liên quan đến lĩnh vực của mình nhằm Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch của ngành trong 5 năm trước 2006-2010 và Xây dựng kế hoạch phát triển của ngành 5 năm 2011-2015 theo phương pháp xây dựng kế hoạch từ dưới lên (đã có sự lồng ghép)

Bước 2:

⇒ Các đơn vị trực thuộc soạn thảo công văn và các bảng biểu gửi đến các huyện, các xã thu thập số liệu thống kê, đồng thời tổ chức tham vấn cộng đồng ở một số xã trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai để thu thập thông tin về tình trạng dễ bị tổn thương của lĩnh vực mình chịu trách nhiệm và đánh giá năng lực đối phó (năng lực thể chế, năng lực vật chất, năng lực con người, bao gồm cả nhận thức, thái độ, hành vi của cán bộ và cộng đồng)

Bước 3:

⇒ Hội thảo tập huấn thống nhất cách làm cho các đơn vị trực thuộc, các cán bộ lập kế hoạch của các huyện, thị xã, thị trấn tập trung vào việc nâng cao kỹ năng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó với thiên tai

Bước 4:

⇒ Các đơn vị trực thuộc thu thập thông tin và gửi Báo cáo của lĩnh vực mình đến phòng Văn phòng của sở Xây dựng

Nguồn thông tin: Thông tin thứ cấp:

- ⇒ Các báo cáo hàng năm của các đơn vị trực thuộc; Số liệu thống kê của ngành
- ⇒ Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp đến năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp
- ⇒ Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ thiên tai tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020
- ⇒ Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020

⁴⁰ Hiện nay mới chỉ có biểu mẫu chung do Bộ KH&ĐT gửi các tỉnh kèm theo công văn số 233/BKH - LĐVX ngày 12 tháng 1 năm 2010 đrập Kế hoạch PTKTXH của tỉnh mà chưa có bảng biểu chung cho các ngành, do đó tùy theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc họ có bảng biểu riêng. Trên cơ sở bảng biểu riêng các đơn vị đã nộp hàng năm cho Sở KH&ĐT sẽ soạn thảo ra các Bảng biểu chung các ngành và lấy ý kiến của các ngành để đi đến thống nhất các biểu mẫu thu thập thông tin. Các ngành sẽ soạn thảo bảng biểu thống nhất cho các đơn vị trực thuộc (nếu thấy cần thiết), và bổ sung thêm các bảng biểu thu thập thông tin về đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai của các đơn vị trực thuộc, các huyện... Các bảng biểu này phải được xây dựng theo Khung logic → từ vấn đề địa điểm có vấn đề → nguyên nhân → giải pháp → đơn vị thực hiện → đơn vị phối hợp và → thời gian thực hiện → kinh phí thực hiện → Giám sát đánh giá...

⇒ Kế hoạch phòng chống lụt bão của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh hàng năm và 5 năm

Thông tin sơ cấp: thu thập thêm thông tin từ các huyện các xã thường xuyên xảy ra thiên tai và các phòng chuyên môn trực thuộc sở Xây dựng (sử dụng Biểu mẫu đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và lập kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai (xem phần phụ lục)

Bước 5:

⇒ Văn Phòng sở Xây dựng tổng hợp, cân đối và xây dựng dự thảo Kế hoạch ngành Ngành Xây dựng

Bước 6:

⇒ Tổ chức hội thảo lấy ý kiến góp ý cho bản dự thảo Kế hoạch. (Tùy theo tình hình thực tế của các sở, có thể lồng ghép hoạt động tham vấn này vào Hội nghị sơ kết 6 tháng để tiết kiệm chi phí)

Thành phần đại biểu mời tham dự hội thảo bao gồm:

- Đại diện của các đơn vị trực thuộc
- Đại diện của các huyện, thị trấn, thị xã
- Đại diện của một số sở ban ngành liên quan như: (i) sở KH&ĐT(ii) Sở Tài chính(iii) Sở NN& PTNT (iv) Sở GTVT; (v) Sở Tài nguyên và Môi trường; (vi) Sở Thông tin và truyền thông; (vii)Sở KH&CN (ix) Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh.
- Đại diện các chủ đầu tư các Chương trình, dự án được thực hiện tại tỉnh Đồng Tháp
- Đại diện các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi Chính phủ quốc tế tại địa bàn tỉnh

Các vấn đề thảo luận: (i) Nội dung lồng ghép (ii) Các giải pháp công trình (iii) Các giải pháp phi công trình; (iv) thời gian thực hiện (v) giám sát đánh giá(vi) giải pháp kinh phí...

Vấn đề lồng ghép: bao gồm các vấn đề các đơn vị đã xác định trong quá trình đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực (i) Thiết kế các công trình cơ sở hạ tầng theo đúng Quy phạm của tỉnh Đồng Tháp quy định vào năm 2001; Thiết kế các công trình nhà công vụ, nhà dân...đảm bảo với quy phạm của tỉnh (quy định về độ cao của nền cao hơn đỉnh lũ năm 2000 (đỉnh lũ năm 2000+ 0,5dm). Vấn đề liên quan đến các mô hình nhà ở của dân trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, đảm bảo lồng ghép ngay từ khâu thiết kế để có thể giảm nhẹ thiên tai (lũ lụt và bão cấp 6)

Các giải pháp phi công trình như:

- Ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm kỹ thuật, quy chuẩn xây dựng phục vụ cho công tác thiết kế, thi công xây dựng có tính đến tác động của thiên tai lên công trình trong quá trình xây dựng và sử dụng (như bão lũ, sạt lở đất, động đất...), các quy định về cao trình thiết kế vượt lũ, tần suất thiết kế để

đảm bảo an toàn cho công trình khi có thiên tai (như bão lũ, sạt lở đất, động đất...)

- Hàng năm thường ban hành và tổ chức tập huấn các tài liệu hướng dẫn các biện pháp về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai
- Thường xuyên rà soát các văn bản chính sách về giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong xây dựng đô thị và nông thôn; rà soát quy hoạch của ngành; tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai; xây dựng các mẫu nhà phù hợp với vùng lũ lụt, bão...
- Tăng cường sự giám sát của cộng đồng trong thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, và tham gia vào giai đoạn vận hành và bảo trì các công trình giao thông nông thôn;
- Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý rủi ro thiên tai; Đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo trong nước và nước ngoài, đặc biệt ưu tiên các lĩnh vực xây dựng dân sự ở khu vực nông thôn và khu vực đô thị, đặc biệt là trong các xã thường xuyên có thiên tai xảy ra
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn an toàn đã được quy định trong các văn bản của Bộ xây dựng.
- Trước mùa mưa, lũ, bão: Hàng năm có văn bản đôn đốc, nhắc nhở các Ban QLDA và UBND huyện/thị xã, thành phố có những giải pháp cụ thể để bảo vệ các công trình trong mùa mưa lũ, trồng cây chắn sóng, gia cố đê bao các cụm tuyến dân cư vượt lũ
- Lồng ghép một số tiêu chí kỹ thuật phòng chống giảm nhẹ thiên tai để xem xét thông qua công tác quy hoạch, thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm tra các hồ sơ thiết kế công trình
- Quy hoạch xây dựng ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Lồng ghép giảm nhẹ thiên tai vào các giai đoạn:

Phòng ngừa:

Lồng ghép từ khâu lập quy hoạch:

- Như chọn đất xây dựng, vị trí xây dựng, giải pháp kiến trúc, cao trình thiết kế...việc áp dụng các quy phạm kỹ thuật, tiêu chuẩn quy chuẩn xây dựng đảm bảo an toàn trong điều kiện thiên tai của khu vực
- Quan tâm đưa vào Quy hoạch nguồn vốn để triển khai thực hiện ngắn hạn, dài hạn, phù hợp với xu thế đối phó với hiện tượng BĐKH toàn cầu

Ứng phó chống đỡ khi thiên tai xảy ra:

- Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức phòng chống lụt bão rộng rãi trong cộng đồng dân cư. Phương châm chủ yếu là 4 tại chỗ
- Quy hoạch, xây dựng mạng lưới công trình công cộng có khả năng ứng phó khi xảy ra thiên tai, làm nơi trú ẩn an toàn

Khắc phục ngay hậu quả khi có sự cố do thiên tai gây ra

Giải pháp công trình

- Thực hiện chương trình cụm tuyến dân cư vượt lũ, chương trình nhà ở cho người thu nhập thấp, di dời nhà ở ven sông kênh rạch, nhà ở vùng sạt lở/có nguy cơ sạt lở trước mùa mưa lũ
- Đầu tư xây dựng các công trình công cộng như bệnh viện, trường học, trụ sở làm việc, cơ quan nhà nước... đảm bảo là nơi tránh bão lũ an toàn cho nhân dân khi xảy ra thiên tai lũ lụt, bão...

Bước 6:

- ⇒ Văn phòng Sở Xây dựng tập hợp ý kiến đóng góp và hoàn thành Kế hoạch ngành và trình Giám đốc Sở Xây dựng phê duyệt

Bước 5

- ⇒ Giám đốc Sở Xây dựng phê duyệt và gửi Bộ Xây dựng, UBND tỉnh, Sở KHĐT, Sở NN & PTNT, Sở tài chính, Cục thống kê, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh, vào đầu tháng 8/2009.

Một số quy định của Bộ Xây dựng

- Bộ xây dựng ban hành Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng phòng và giảm nhẹ thiên tai do bão ở trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long
- Đối với thiên tai như bão lũ, sạt lở đất, động đất... ngành xây dựng đã có tiêu chí kỹ thuật để thiết kế công trình xây dựng chịu đựng được bão lũ, động đất tùy theo mức độ quan trọng của công trình (theo phân cấp công trình)

Về bão gió: Bộ xây dựng đã ban hành

- Tiêu chuẩn tính toán tác động của **tải trạng** gió bão theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 2737-1955 trong đó phân cấp vùng áp lực gió và có số liệu tính toán đến từng huyện, thị của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long để làm cơ sở thiết kế, thi công
- Tài liệu hướng dẫn tính toán kết cấu chịu tác động của gió bão
- Tài liệu hướng dẫn một số giải pháp dân gian phòng chống bão cho nhà dân

Về động đất: Bộ xây dựng đã ban hành

- TCXDVN 356:2006 – Tính toán và thiết kế kết cấu chịu động đất trong đó xác định giá trị gia tốc đỉnh đất nền thiết kế cho toàn quốc và có số liệu tính toán cho từng huyện, thị của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long để làm cơ sở thiết kế

Tài liệu tham khảo

1. Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020
2. Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam
3. Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; NN&PTNT; Tài nguyên & Môi trường; Xây dựng ; Giao thông-Vận tải; Khoa học và Công nghệ; Quốc phòng; Tài chính; Nội vụ; Thông tin và Truyền thông; Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Đài truyền hình Việt Nam; Đài tiếng nói Việt nam.
4. Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của các tỉnh, thành phố: Lai Châu, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hà Nội, Hải phòng, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, TT Huế, Quảng Nam, Bình Định, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp và một số tỉnh khác.
5. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về Phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai (từ năm 2001 tới nay).
6. Chỉ thị số 751/CT-TTg ngày 3/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011- 2015.
7. Quyết định số 46/2006/QĐ-TTg ngày 28/2/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn đến năm 2015 tầm nhìn đến năm 2020.
8. Báo cáo của BCĐPCLBTW tổng kết công tác phòng, chống lụt bão 5 năm 1996 - 2000 khu vực các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long
9. Chủ động phòng tránh lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai - phát triển bền vững (*Báo cáo của BCĐPCLBTW tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác phòng chống lụt bão 5 năm 2001-2005*)
10. Báo cáo của BCĐPCLBTW tổng kết công tác phòng chống lụt bão năm 2008.
11. Báo cáo Quốc gia về tiến độ thực hiện Khung hành động Hyogo năm 2008
12. Báo cáo của BCĐPCLBTW về Tiến độ một năm thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.
13. Đánh giá năng lực thể chế giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam - Giai đoạn I năm 2003 (Đối tác Giảm nhẹ thiên tai – NDMP)
14. Báo cáo kết quả nghiên cứu rà soát lồng ghép quản lý rủi ro thiên tai vào lập Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam -12/2007 (Đối tác Giảm nhẹ thiên tai – NDMP)
15. Thông tư 01/025/TT-BKH của Bộ Kế hoạch & Đầu tư hướng dẫn thực hiện Chương trình nghị sự 21 của Việt nam.
16. Sổ tay hướng dẫn phương pháp nghiên cứu xây dựng Kế hoạch phát triển bền vững ngành, lĩnh vực và vùng, lãnh thổ (Văn phòng Phát triển bền vững - Dự án VIE/01/021)
17. Gắn thích ứng biến đổi khí hậu với quản lý rủi ro thiên tai – nghiên cứu điển hình tại Việt Nam - Nguyễn Hữu Ninh, Trưởng nhóm tác giả, Việt Nam

(Báo cáo đánh giá lần thứ tư Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu- IPCC)

18. Ứng phó với biến đổi khí hậu và biển dâng ở ĐBSCL và duyên hải Miền Trung - Một số nhiệm vụ cần triển khai (GS.TSKH Nguyễn Ngọc Trân)
19. Biến đổi khí hậu đe dọa sinh kế người dân Việt Nam (P.L - Vietnamnet)
20. Biến đổi khí hậu đe dọa hành trình ra "biển lớn" của Việt Nam (H.Y-P.L, Vietnamnet)
21. Kỷ yếu hội thảo: Tác động của biến đổi khí hậu và kế hoạch hàng động của địa phương: Trường hợp miền Trung Việt Nam
22. Oxfam Anh: Việt Nam Biến đổi khí hậu, sự thích ứng và người nghèo. Tháng 10/2008
23. Đối tác giảm nhẹ thiên tai: Báo cáo kết quả nghiên cứu về lồng ghép quản lý thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Lê Thị Mộng Phượng 12-2007.
24. World Vision, DW, Spanish Red Cross, Care, CECI, UNDP, The Netherlands Red Cross, Save the Childrent: Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Một số điển hình tốt. Việt Nam 2007
25. Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Bộ xây dựng
26. Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Bộ giao thông Vận tải
27. Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Bộ kế hoạch và Đầu tư
28. Chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020. Tỉnh Nam Định
29. IUCN: Tài liệu hội thảo: tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Giao Thủy, Nam Định, tháng 5 năm 2009.
30. Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu
31. Khung Chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2008-2020
32. Tài liệu kỹ thuật: Hướng dẫn kỹ thuật lồng ghép mối liên hệ đói nghèo- môi trường trong kế hoạch phát triển. Hà Nội tháng 8/2009. (UNPD- DFID- Bộ Tài Nguyên và Môi trường)

Phụ lục 1 – Thuật ngữ sử dụng

Vì mục đích của nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng một số khái niệm sau đây, dựa vào các thuật ngữ của UNISDR (xem: <http://www.unisdr.org/eng/library/lib-terminology-eng%20home.htm>) và của ActionAid, Hội chữ thập đỏ Việt Nam:

1 Thiên tai: Thiên tai là một hiện tượng của thiên nhiên, có tác động mạnh và gây ra nhiều thiệt hại về người, kinh tế, xã hội của các vùng ở một số vị trí địa lý nhất định (ActionAid Vietnam "AAV"2005)

2 Lũ: Lũ là mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt quá mức bình thường (AAV,2005)

2.1 Lũ ven biển: Xuất hiện khi sóng biển dâng cao đột ngột kết hợp với triều cường, phá vỡ đê biển vào đất liền làm nước sông chảy thoát ra biển chậm gây ngập lụt

Lũ quét: diễn ra nhanh trong thời gian ngắn, dòng nước chảy với tốc độ lớn

3 Áp thấp nhiệt đới và bão ⁴¹:

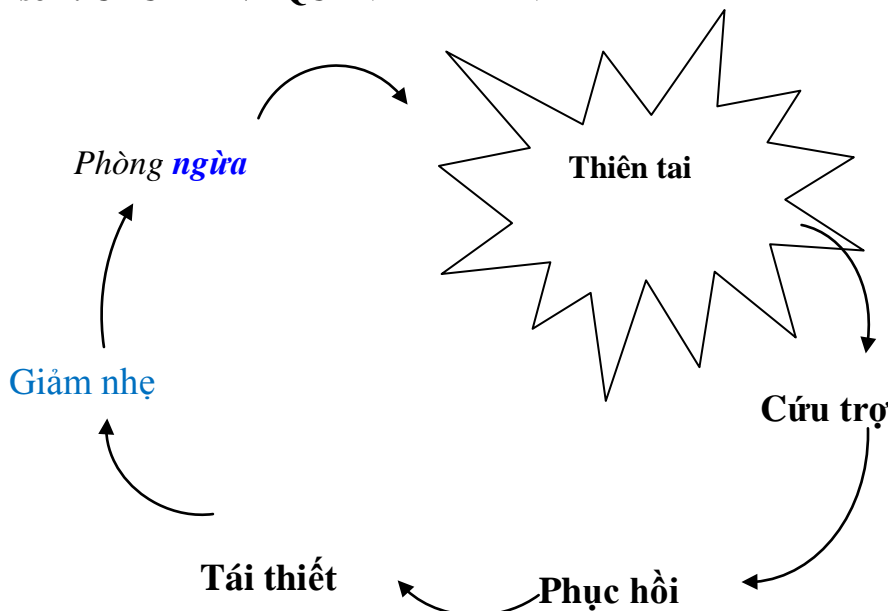
Áp thấp nhiệt đới và bão là một cơn gió xoáy có phạm vi rộng, có thể ảnh hưởng tới một vùng có đường kính từ 200 – 500 km. Chúng thường gây ra gió lớn và mưa rất to.

Tốc độ gió được đo theo một bảng gọi là Bảng Beaufort. Bảng này phân chia tốc độ gió thành cấp từ 0 đến 12 và thành số kilomet/giờ. Khi sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm của gió xoáy đạt tới cấp 6, cấp 7 (39 đến 61 km/giờ) thì được gọi là áp thấp nhiệt đới; *khi sức gió mạnh nhất đạt từ cấp 8 trở lên (từ 62 km/giờ trở lên) thì được gọi là bão.*

4. Quản lý thiên tai:

Quản lý thiên tai bao gồm một loạt các hoạt động can thiệp có thể được tiến hành trước, trong, sau một hiện tượng thiên tai xảy ra như bão hoặc lụt, nhằm giảm đến mức tối thiểu những mất mát về người và tài sản, đồng thời thúc đẩy nhanh chóng quá trình khắc phục.

Hình số 2: CHU TRÌNH QUẢN LÝ THIÊN TAI



⁴¹ Sách đã dẫn như trên, (bài 3, trg. 21)

Chu trình quản lý thiên tai đưa ra một loạt các hành động nối tiếp nhau để chủ động quản lý các vấn đề do thiên tai gây ra.

4.1 Các giai đoạn trong chu kỳ quản lý thiên tai (thiên tai ở đây chủ yếu tập trung vào bão và lụt, lũ)

4.1.1 . Cứu trợ

Bao gồm các hoạt động thực hiện *trong và sau* khi thiên tai xảy ra nhằm trợ giúp những người bị ảnh hưởng như: tìm kiếm, cứu hộ, cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, chăm sóc sức khỏe, sửa chữa phương tiện cần thiết, hỗ trợ về tâm lý....

4.1.2 . Phục hồi

Các hoạt động nhằm khôi phục những dịch vụ cơ bản giúp những người bị ảnh hưởng do thiên tai phục hồi nhanh chóng, gồm: hỗ trợ sửa chữa nhà ở, thiết lập các dịch vụ thiết yếu, phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội chủ chốt...

4.1.3 Tái thiết và phát triển

Là các biện pháp tiến hành nhằm sửa chữa hoặc thay thế cơ sở hạ tầng đã bị thiệt hại để phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội. Các hoạt động này gồm tái thiết cơ sở hạ tầng và khôi phục tất cả các dịch vụ.

4.1.4. Giảm nhẹ thiên tai bao gồm một loạt các biện pháp kể cả phòng ngừa, cứu trợ, tái định cư, và khả năng cảnh báo thiên tai, các chương trình công trình và phi công trình. Gồm tất cả các biện pháp có thể thực hiện nhằm giảm đến mức thấp nhất những tác động của thiên tai nhờ đó giảm nhẹ mức độ nghiêm trọng của thảm họa.

Các biện pháp giảm nhẹ có thể là các biện pháp vật chất/ công trình (*xây dựng đê điều, nhà ở an toàn...*); hoặc các biện pháp mang tính pháp lý (*nghiêm cấm người dân xây dựng nhà ở phía ngoài đê...*); hay các biện pháp phi công trình (*tập huấn, nâng cao nhận thức cộng đồng, vận động về các án đề phát triển...*).

4.1.5. Phòng ngừa

Gồm các biện pháp cần tiến hành khi có dự báo thiên tai sẽ xảy ra để kịp thời ứng phó một cách phù hợp và hiệu quả.

Các hoạt động phòng ngừa có thể làm giảm đến mức thấp nhất tác động của thiên tai như *xây dựng năng lực của các tổ chức trong cộng đồng nhằm thực hiện tốt các hoạt động cảnh báo, tìm kiếm và cứu hộ, sơ tán và cứu trợ, xây dựng và thực hiện các kế hoạch phòng ngừa thảm họa, dự trữ thiết bị, hàng hóa để huy động kịp thời, chuẩn bị hệ thống thông tin liên lạc trong tình huống khẩn cấp, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng...*

5.Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng

Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng: là phương pháp tập cận và thúc đẩy mọi thành viên trong cộng đồng (bao gồm cả những đối tượng dễ bị tổn thương nhất) tham gia vào quá trình quản lý thiên tai: thu thập thông tin, phân tích đánh giá, lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra và giám sát, huy động các nguồn lực và khả năng tại cộng đồng nhằm giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và rủi ro trong thiên tai.

Mô hình quản lý thiên tai trước đây: ↓

Từ trên xuống → áp đặt, bị động

Cộng đồng không được tham gia và bị phụ thuộc vào các nguồn lực cũng như quyết định từ bên ngoài

Mô hình quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng: Hiện nay

Từ dưới lên- Dựa vào cộng đồng → Chủ động.

Cộng đồng chủ động tham gia vào quá trình ra quyết định, huy động nguồn lực tại cộng đồng

6. Quản lý rủi ro thiên tai: Là tiến trình hệ thống về sử dụng các quyết định hành chính, tổ chức, kỹ năng thực hiện và năng lực thực hiện chính sách, chiến lược và khả năng đối phó của xã hội và cộng đồng để giảm nhẹ tác động của hiểm họa tự nhiên và các thiên tai có liên quan đến môi trường và công nghệ. Bao gồm tất cả các hoạt động, bao gồm các biện pháp công trình và phi công trình để phòng tránh hay hạn chế (giảm nhẹ và phòng ngừa) các tác động bất lợi của hiểm họa.

7. Tình trạng dễ bị tổn thương

Tình trạng dễ bị tổn thương là một loạt các điều kiện tác động bất lợi tới khả năng của một cá nhân, hộ gia đình hay một cộng đồng trong việc ngăn ngừa, giảm nhẹ, phòng chống, hoặc ứng phó với bão, lụt, lũ...do thiên tai gây ra.

Các nhóm nằm trong tình trạng dễ bị tổn thương

- Nhóm có điều kiện vật chất mong manh, phương tiện không đầy đủ (người nghèo)
- Nhóm có các địa điểm trú ngụ nguy hiểm
- Nhóm có công trình cơ sở hạ tầng yếu kém, không đủ sức chống chọi với thiên
- Nhóm có nhà ở không đảm bảo, xây dựng nơi nguy hiểm
- Nhóm có mức thu nhập thấp, không ổn định, không có nguồn tiết kiệm để huy động khi cần thiết
- Phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người neo đơn, người ốm yếu bệnh tật
- Nhóm không có sự đoàn kết, không có các dịch vụ cơ bản, thiếu kỹ năng và thiếu hiểu biết về thiên tai, hiểm họa, thiếu thông tin.

8. Rủi ro:

Là khả năng có thể gặp nguy hiểm hoặc chịu thiệt hại, mất mát. Là những thiệt hại được dự đoán (số người chết, bị thương, thiệt hại tài sản, sinh kế, các hoạt động kinh tế bị đình trệ hay các tổn thất về môi trường) do một hiện tượng cụ thể gây ra. Rủi ro là hàm số giữa khả năng xảy ra cụ thể và những thiệt hại từng trường hợp sẽ xảy ra..

8.1 Rủi ro trong thiên tai

Là khả năng thiên tai có thể ảnh hưởng có hại đến một cộng đồng dễ bị tổn thương vốn rất ít năng lực để đối phó với những hậu quả (những mất mát xảy ra đối với con người, tài sản và môi trường do thiên tai gây ra như bão, lũ, lụt...).

8.2 Mối quan hệ giữa thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng

Mối quan hệ giữa thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương (DBTT) và khả năng có thể trình bày như sau:

$$\text{Rủi ro trong thiên tai} = \frac{\text{Thiên tai} \times \text{Tình trạng DBTT}}{\text{Khả năng}}$$

Rủi ro trong thiên tai sẽ tăng lên nếu thiên tai tác động đến một cộng đồng dễ bị tổn thương và có khả năng hạn chế. Do đó, để giảm nhẹ rủi ro trong thảm họa, một cộng đồng có thể thực hiện các hoạt động nhằm làm giảm nhẹ tác hại của hiểm họa, giảm nhẹ tình trạng DBTT và nâng cao khả năng của cộng đồng.

9. Hiểm họa: Một sự kiện hoặc hiện tượng có khả năng gây tổn thương cho đời sống con người và gây thiệt hại về tài sản và môi trường

10. Thảm họa: Là sự phá vỡ nghiêm trọng hoạt động của một xã hội, gây ra tổn thất về người, môi trường và vật chất trên diện rộng vượt quá khả năng đối phó của xã hội bị ảnh hưởng nếu chỉ sử dụng nguồn lực của xã hội đó.

11. Năng lực đối phó: Là những phương tiện mà con người hay tổ chức sử dụng nguồn lực và khả năng có sẵn để đối mặt với những bất lợi của hậu quả có thể dẫn đến thảm họa.

12. Thích ứng: Thích ứng trong ứng phó với những biến đổi, tác động của khí hậu thực sự hay ước tính (thích ứng ‘trước kỳ hạn’ hay ‘chủ động’ là thích ứng diễn ra trước khi các tác động của biến đổi khí hậu được quan sát)

13. Khả năng: là những điểm mạnh về điều kiện và các nguồn lực tồn tại và hiện hữu như: Kỹ năng, kiến thức, phương tiện và các điều kiện sẵn có trong các hộ gia đình và cộng đồng để giúp họ ứng phó, chống chọi, chuẩn bị, phòng ngừa, giảm nhẹ hoặc phục hồi nhanh chóng trước tác động của thiên tai, thảm họa.

14. Phòng ngừa: Nâng cao khả năng dự đoán, nâng cao nhận thức, chuẩn bị và ứng phó tốt trước sự ảnh hưởng của thảm họa

15. Giảm nhẹ rủi ro trong thiên tai

Giảm nhẹ rủi ro trong thiên tai là biện pháp và hành động được triển khai trước khi thảm họa xảy ra nhằm giảm thiểu rủi ro, thiệt hại đến tính mạng, tài sản, kinh tế, xã hội và môi trường (ActionAid Vietnam 2005).

Mục đích của giảm nhẹ rủi ro trong thảm họa là giảm nhẹ tác động của hiểm họa, giảm bớt tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng ứng phó của cộng đồng.

16. Giảm nhẹ Là khung khái niệm về các nhân tố cần được cân nhắc các khả năng để giảm thiểu tối **rủi ro** đa tình trạng dễ bị tổn thương và rủi ro thiên tai trong xã hội, tránh hay hạn chế (giảm **thiên tai** nhẹ và phòng ngừa) các tác động bất lợi trong bối cảnh phát triển bền vững.

Giảm nhẹ: Giảm nhẹ đề cập đến các biện pháp công trình và phi công trình được tiến hành để giảm thiểu tác động bất lợi của hiểm họa tự nhiên, suy thoái môi trường và hiểm họa công nghệ. Về mặt biến đổi khí hậu “giảm nhẹ” có ý nghĩa riêng biệt: có liên quan đến các nỗ lực của con người trong việc làm giảm nguồn phát thải khí nhà kính.

17. Lồng ghép giảm nhẹ thiên tai: Bất cứ động thái nào, của bất cứ ngành nào đều đưa vấn đề giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào. Các dự án, chương trình đều phải có thẩm định rủi ro

thiên tai, kể cả về phương diện kinh tế lẫn xã hội. (Trần Đình Dũng, chi cục trưởng chi cục thủy lợi Hà Tĩnh)

18. Các nhóm biện pháp giảm nhẹ rủi ro . Các biện pháp GNRR được phân loại như sau:

Các biện pháp quy hoạch công trình

Những nơi tập trung các yếu tố chịu rủi ro cao, nếu xảy ra thảm họa thì thiệt hại rất lớn (*mật độ dân cư cao, các công trình xây dựng tập trung ở những nơi không an toàn..*), Nhóm biện pháp này chỉ ra việc lựa chọn vị trí an toàn và bảo dưỡng cho các công trình xây dựng: cầu, đường, trường, trạm, khu dân cư..

Các biện pháp kinh tế

Nền kinh tế địa phương có thể dễ bị thảm họa tác động nhiều hơn là hệ thống cơ sở vật chất, việc đa dạng hóa nền kinh tế là một cách làm quan trọng để giảm nhẹ rủi ro, kinh tế đa dạng là cách phòng ngừa thảm họa (*có thể thông qua các chương trình phát triển cộng đồng nhằm hỗ trợ về tài chính (cấp không hoặc cho vay, làm phương tiện sản xuất).*

Các biện pháp kỹ thuật

Bao gồm các công tác kỹ thuật quy mô lớn (*xây dựng nhà ở vững chắc hơn*) cho đến các dự án quy mô nhỏ dựa vào cộng đồng.

Xây dựng năng lực: Các nỗ lực nhằm phát triển các kỹ năng của con người, cơ sở hạ tầng xã hội trong cộng đồng/tổ chức mà cần giảm nhẹ mức độ rủi ro.

PHỤ LỤC

Tham khảo thích ứng với biến đổi khí hậu được lồng ghép vào một số ngành
(Trích từ Chương trình Mục tiêu quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu do Bộ Tài Nguyên Môi trường soạn thảo triển khai thực hiện Nghị quyết số 60/2007 ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính Phủ. Trang 37-38)

Đối với Tài nguyên nước

Chính sách chủ yếu để thích ứng với BĐKH là sử dụng nguồn nước khoa học, tiết kiệm và hợp lý, có hiệu quả, đảm bảo an toàn cung cấp đủ nước cho mọi nhu cầu. Các hoạt động chính bao gồm:

- Xây dựng và hoàn thiện khung các văn bản pháp luật đồng bộ với các luật và các văn bản dưới luật, sửa đổi và hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan;
- Các bộ, ngành liên quan củng cố bộ máy quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước ở các cấp trong điều kiện BĐKH;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch thích ứng với BĐKH trong lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại các ngành, các cấp;
- Xác định các giải pháp KHCN phù hợp như: quy hoạch tổng thể lưu vực sông, thay đổi các tiêu chuẩn kỹ thuật các công trình khai thác và sử dụng nước, các biện pháp tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn nước, duy trì bảo vệ nguồn nước, kiểm soát ô nhiễm nước, thoát lũ, tiêu úng, chống xâm nhập mặn và giữ ngọt;

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng bền vững tài nguyên nước thích ứng với BĐKH.

Nông nghiệp

Hoạt động thích ứng với BĐKH trong nông nghiệp chủ yếu là đảm bảo xây dựng nền nông nghiệp sạch, hàng hóa, đa dạng, bền vững, tiếp cận nhanh và áp dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ mới, công nghệ cao, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế; xây dựng nông thôn mới có hạ tầng kỹ thuật phát triển, theo hướng hiện đại, có cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ hợp lý; đảm bảo đủ việc làm, xóa đói giảm nghèo, xã hội nông thôn văn minh, dân chủ và công bằng, mọi người sống sung túc; đảm bảo an ninh lương thực và phát triển nền nông nghiệp sinh thái.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các bộ, ngành có liên quan cần xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH, trong đó chú ý những nội dung sau:

- Xây dựng và hoàn thiện khung các văn bản pháp luật đồng bộ với các luật và các văn bản dưới luật để bảo vệ nền nông nghiệp hàng hóa, sạch, đa dạng, phát triển bền vững;
- Sửa đổi và hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ áp dụng các công nghệ mới, các giải pháp khoa học kỹ thuật hiện đại chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và biện pháp kỹ thuật canh tác mới phù hợp với BĐKH;
- Xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động KHCN thích ứng với BĐKH của ngành nông nghiệp;
- Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, mặt nước thủy sản hiệu quả với sự xem xét đến tác động trước mắt và tác động tiềm tàng của BĐKH đảm bảo nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa ổn định và bền vững;
- Quy hoạch khai thác sử dụng hiệu quả nguồn nước trên các hệ thống thủy lợi có xét đến tác động của BĐKH.

Y tế và sức khỏe

Thích ứng với BĐKH trong ngành Y tế là chiến lược giám sát và kiểm soát về y tế các vùng và địa phương để đảm bảo an toàn sức khỏe cho nhân dân trong các điều kiện BĐKH và thiên tai.

Bộ Y tế và các bộ, ngành, địa phương cần xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và liên quan tới y tế và sức khỏe cộng đồng, trong đó những nội dung cần được chú ý bao gồm:

- Thiết lập tiêu chuẩn y tế về vệ sinh môi trường cho các khu vực đông dân, xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn y tế và bảo vệ sức khỏe cho mọi hoạt động dân sinh kinh tế có tính đến BĐKH;
- Kiểm dịch chặt chẽ tại biên giới, cửa khẩu nhằm ngăn chặn sự lây nhiễm;
- Tăng cường áp dụng các giải pháp về công nghệ, trang thiết bị, hệ thống kiểm soát bệnh tật phát sinh, phát triển, lây lan trong điều kiện BĐKH, nhất là sau thiên tai;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cộng đồng nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức về sức khỏe môi trường do tác động của BĐKH.

Các lĩnh vực khác

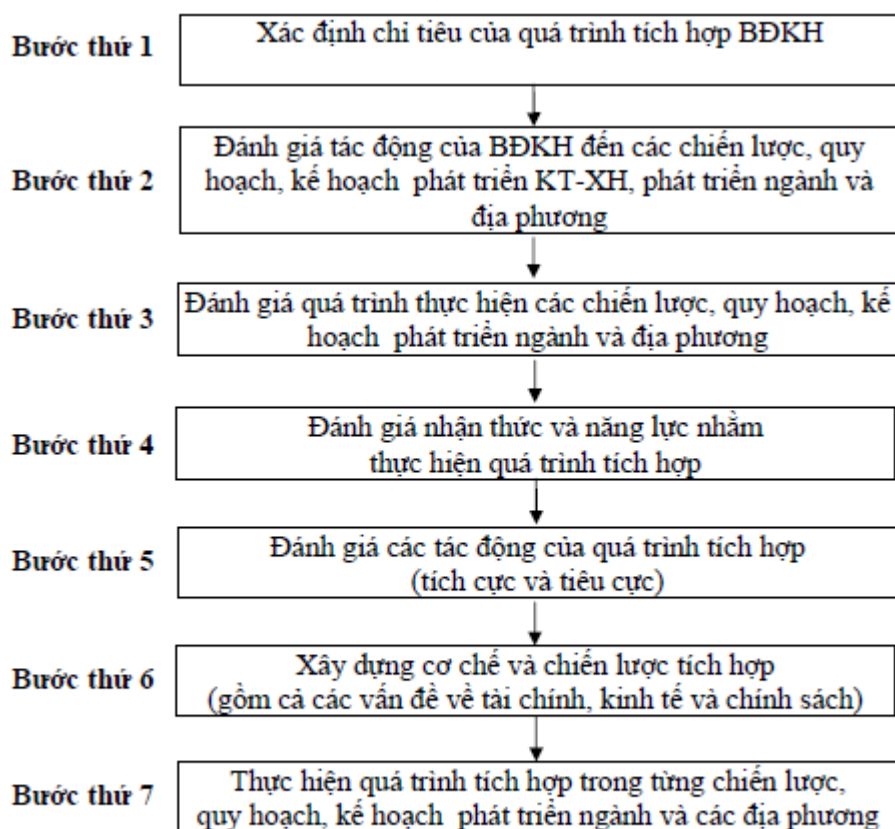
Các bộ, ngành cần xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của ngành, trong đó các nội dung quan trọng cần được chú ý bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó trên cơ sở rà soát lại các hoạt động của ngành và điều chỉnh các luật, quy phạm, quy chế, quy tắc điều chỉnh hoạt động của ngành phù hợp với điều kiện có BĐKH;
- Xây dựng kế hoạch áp dụng các công nghệ tiên tiến có khả năng thích ứng cao với BĐKH nhằm bảo vệ sự phát triển an toàn và bền vững của các ngành kinh tế;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cao nhận thức cho cộng đồng về BĐKH thuộc lĩnh vực quản lý.

PHỤ LỤC I: KHUNG KẾ HOẠCH TÍCH HỢP BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀO CÁC CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Quá trình tích hợp BĐKH nhằm nâng cao nhận thức về BĐKH, khả năng ứng phó với tác động của BĐKH, duy trì sự ổn định và tính hiệu quả của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và các địa phương hiện đang được thực hiện; góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước.

Quá trình tích hợp BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT -XH, phát triển ngành và các địa phương có thể được thực hiện theo quy trình như sau:



Hình 1: Quy trình tích hợp biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và địa phương

Bước thứ 1: Xác định chỉ tiêu của quá trình tích hợp yếu tố BDKH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và các địa phương

Bước thứ 2: Đánh giá tác động của BDKH đến các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và các địa phương.

Quá trình tích hợp cần đưa ra được các minh chứng về tác động của BDKH tới các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển ngành và các địa phương

Bước thứ 3: Đánh giá quá trình thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và địa phương. Để tích hợp yếu tố BDKH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cần đánh giá việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được xác định. Các đánh giá này nhằm mục đích chỉ ra các phạm vi và nội dung mà Chương trình cần ưu tiên thực hiện quá trình tích hợp và đảm bảo tính hiệu quả của cơ chế chính sách và chiến lược tích hợp nói chung. Quá trình đánh giá này sẽ chú trọng tới các nội dung đã và đang được thực hiện của từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Một số các vùng và ngành có tính nhạy cảm và dễ bị tổn thương cao đối với các tác động do BDKH sẽ được quan tâm đặc biệt.

Quá trình đánh giá này cần được thực hiện với sự hợp tác của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, khu vực và vùng đã và đang thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và địa phương.

Bước thứ 4: Đánh giá nhận thức và năng lực về BDKH của đội ngũ cán bộ của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nhằm thực hiện quá trình tích hợp.

Quá trình tích hợp sẽ được thực hiện theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo quốc gia và Ban Chủ nhiệm Chương trình với sự hợp tác của bộ máy điều hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Tuy nhiên, các công việc cụ thể của quá trình tích hợp sẽ được thực hiện phần lớn bởi các cán bộ của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Do đó, đánh giá nhận thức về BDKH và đội ngũ cán bộ đã và đang thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển là rất cần thiết. Quá trình đánh giá này cũng sẽ hỗ trợ cho việc xây dựng cơ chế chính sách và chiến lược của quá trình tích hợp nhằm đảm bảo tính hiệu quả của quá trình tích hợp nói riêng và của toàn bộ Chương trình nói chung. Quá trình đánh giá này cũng sẽ xác định được các khu vực và lĩnh vực cần được quan tâm, chú trọng đặc biệt trong quá trình ứng phó với BDKH.

Bước thứ 5: Đánh giá các tác động của quá trình tích hợp (tích cực và tiêu cực).

Nội dung đánh giá bao gồm: quá trình thực hiện, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển; các tác động tích cực hoặc tiêu cực của quá trình tích hợp này đối với các khu vực và lĩnh vực ưu tiên, với quá trình thực hiện trong tương lai của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và đóng góp của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển này cho sự phát triển KT-XH của đất nước trong bối cảnh tác động của BDKH ngày càng gia tăng.

Quá trình đánh giá tác động này cung cấp các thông tin ban đầu cho việc xây dựng các cơ chế chính sách, chiến lược và các hành động cụ thể của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trong quá trình tích hợp.

Bước thứ 6: Xây dựng cơ chế chính sách và chiến lược tích hợp (bao gồm cả các vấn đề về tài chính, kinh tế và chính sách).

Quá trình xây dựng cơ chế chính sách và chiến lược tích hợp sẽ được thực hiện theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo quốc gia và Ban Chủ nhiệm Chương trình với sự hỗ trợ kỹ thuật của đại diện của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển.

Cơ chế chính sách và chiến lược tích hợp cần dựa trên kết quả đánh giá quá trình thực hiện, năng lực và nhận thức về BĐKH của đội ngũ cán bộ của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quá trình đánh giá tác động ban đầu của quá trình tích hợp.

Quá trình xây dựng cơ chế chính sách và chiến lược này cần nêu bật các khu vực và lĩnh vực ưu tiên; đưa ra các bước hành động cụ thể và có hướng dẫn đánh giá, giám sát thường xuyên dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo quốc gia và Ban Chủ nhiệm Chương trình, và được sự hỗ trợ của Ban Chỉ đạo chương trình hành động ở cấp bộ/ngành, địa phương và Ban Điều hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và các địa phương.

Bước thứ 7: Thực hiện quá trình tích hợp trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển.

Quá trình tích hợp được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo quốc gia và Ban Chủ nhiệm Chương trình, và được sự hỗ trợ của Ban Chỉ đạo chương trình hành động ở cấp bộ/ngành, địa phương và Ban Điều hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành và các địa phương.

(trích từ Chương trình Mục tiêu quốc gia thích ứng với Biến đổi khí hậu – trang 60-61)

Danh sách những người được tham vấn tại tỉnh Đồng Tháp

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị
1	Nguyễn Đình Phiến	Trưởng phòng KH	Sở Nông Nghiệp & PTNT
2	Nguyễn Phước Tuyên	Phó giám đốc TTKN/KN/KL	
3	Nguyễn Thế Hanh	Chi cục phó Chi cục Lâm nghiệp	
4	Lê Thị Thùy Trang	Chi Cục Phó Chi Cục Thủy Sản	
5	Hùynh Thị Nghĩa	Chuyên viên Phòng KHTC	
6	Bùi Đình Tứ	Trưởng Phòng PCLB	Chi Cục Thủy Lợi
7	Huỳnh Minh Đường	Phó phòng PCLB	
8	Lê Đức Nghị	Chuyên viên	
9	Ứng Hồng Thu	Trưởng phòng KH	Sở Kế Hoạch & Đầu Tư
10	Hà Thị Thanh Diệu	Chuyên viên Phòng KH	
11	Võ Khắc Linh	Phó trưởng Phòng QHCSHT	
12	Võ Văn Thanh	Chuyên viên Phòng QHCSHT	
13	Nguyễn Lệ Thủy	Phó Giám đốc TT Y Tế dự phòng	Sở Y Tế
14	Phạm Quang Thuấn	Trưởng phòng nghiệp vụ Y Dược	
15	Trần Văn Hai	Phó phòng KHTC	
16	Trần Thanh Liêm	Phó Giám đốc	Sở Giáo dục & Đào tạo
17	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Phó trưởng phòng KHTC	
18	Trần Mạnh Hòa	Trưởng phòng GD Trung học phổ thông	
19	Lê Văn Thung	Phó chánh văn phòng	
20	Tạ Đăng Văn	Phó phòng tiểu học	
21	Huỳnh Kim Vui	Phó phòng GD mầm non	

PHỤ LỤC:**BẢNG ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG ĐỂ BỊ TÔN THƯƠNG VÀ LẬP KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG GIẢM NHẸ THIÊN TAI**

VẤN ĐỀ (1)	Địa điểm xảy ra (2)	Nguyên nhân (3)	Giải pháp (4)	Quy mô Dự thảo thiết kế (5)	Đơn vị thực hiện (6)	Đơn vị phối hợp (7)	Dự trù kinh phí (8)				Thời gian thực hiện (9)	Ghi chú (10)
							TU	Tỉnh	Khác	Đóng góp của CĐ		
Sạt lở bờ sông		- Lũ - Khai thác cát trái phép - Xây dựng nhà trái phép										
Sạt lở đường giao thông												
Sạt lở bờ bao												
Trẻ em chết đuối, thương tích trong lũ												
Nhà dân bị sập trong mùa lũ												
Trường học bị sập trong mùa lũ												
Công trình												

thủy lợi bị hỏng trong mùa lũ												
Thiếu nước sạch trong mùa lũ												
Ô nhiễm môi trường trong mùa lũ												

Chú ý: Cột (2) Nguyên nhân: tùy vào từng địa phương để đưa ra các nguyên nhân đúng với thực tế ở địa phương mình, bởi xác định đúng nguyên nhân mới có thể đưa ra các giải pháp chính xác, ví dụ nếu nguyên nhân là do lũ lụt thì giải pháp là xây kè chống sạt lở. Còn nếu nguyên nhân là do khai thác cát trái phép thì giải pháp (i) Xây kè phòng chống sạt lở và (ii) Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên, có chế tài xử phạt...; Còn nếu nguyên nhân là (a)Lũ và (b)xây nhà trái phép trên bờ sông thì giải pháp là (i) Xây kè phòng chống sạt lở (ii) có biện pháp cưỡng chế các hộ xâm chiếm hành lang an toàn dòng sông(iii) Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng và lồng ghép đưa vấn đề không xâm chiếm hành lang an toàn sông vào quy ước, hương ước làng/xã và lồng ghép vào tiêu chí xây dựng nông thôn mới (Nông thôn mới phải không có hộ nào xâm chiếm trái phép hành lang an toàn dòng sông...

Các vấn đề tiếp theo cũng phân tích tương tự như vậy

CÁC PHỤ LỤC ⁴²

Phụ lục 1: Danh mục các hoạt động và phân công nhiệm vụ

TT	Hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Giải pháp phi công trình			
1	Rà soát, bổ sung, xây dựng mới các văn bản qui phạm pháp luật và các chính sách về công tác PNGNTT	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Các ban ngành, đoàn thể tỉnh và Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN huyện thị xã, thành phố	Hàng năm
2	Xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng công trình trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai	Sở Xây dựng	Các ban ngành có liên quan	Hàng năm
3	Xây dựng, sửa đổi bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN các cấp	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Các ban ngành, đoàn thể	2010, 2015, 2020
4	Kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	UBND các cấp	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Hàng năm
5	Kế hoạch ấp, xã an toàn hơn	Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN cấp xã	Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN huyện thị xã, thành phố	Hàng năm
6	Xây dựng Kế hoạch phòng chống lụt bão và GNTT hàng năm cấp huyện/tỉnh	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN cấp huyện/tỉnh	Các ban ngành, đoàn thể	Hàng năm
7	Xây dựng Kế hoạch phòng chống lụt bão và GNTT 5 năm và xây dựng Kế hoạch QLRRTT tổng hợp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN cấp huyện/tỉnh	Các ban ngành, đoàn thể	2010, 2015, 2020

⁴² Toàn bộ các thông tin trong bảng biểu trên đây và dưới đây được trích dẫn từ Kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 theo QĐ số 39/KH_UBND.HC tháng 5 2010

8	Xây dựng phương ứng phó với lũ lớn và bão hàng năm	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Các ban ngành, đoàn thể các cấp	Hàng năm
9	Lập Qui hoạch sử dụng đất đến năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các ban ngành, địa phương	Hàng năm
10	Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ và phương thức canh tác thích ứng với BĐKH	Ngành nông nghiệp & PTNT	Các ban ngành, địa phương	Hàng năm
12	Điều tra khảo sát, thu thập các tài liệu về thiên tai, đánh giá hậu quả các công trình phục vụ phòng chống và GNTT	Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN Tỉnh	Các ban ngành, đoàn thể tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN cấp huyện	Hàng năm
12	Biên soạn các tài liệu tập huấn, truyền thông phù hợp với từng cấp. Hàng năm phát hành 2000 bộ tài liệu truyền thông về PNGNTT.	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN Tỉnh	Ban Chỉ đạo PCLB Trung ương, NGO, Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Hàng năm
13	Đào tạo tập huấn viên về QLRRTT dựa vào cộng đồng cấp tỉnh, huyện và tuyên truyền viên cấp xã (1 nữ và 1 nam)	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN Tỉnh	Ban Chỉ đạo PCLBTW, NGO, Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Hàng năm
14	Tổ chức tập huấn, hội thảo, học tập kinh nghiệm về quản lý rủi ro thiên tai	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN Tỉnh	Ban Chỉ đạo PCLB Trung ương, NGO, Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Hàng năm
15	Tổ chức diễn tập nâng cao năng lực cho lực lượng cứu hộ cứu nạn chuyên nghiệp	Bộ Chỉ huy quan sự Tỉnh	Các ban ngành, đoàn thể, địa phương có liên quan	Hàng năm
16	Tổ chức diễn tập cấp xã, huyện về ứng phó với lũ, bão khẩn cấp cho lực lượng tại chỗ	Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn/huyện	Các ban ngành, đoàn thể Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN cấp huyện	Hàng năm
17	Mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo tập huấn, thu thập số liệu, tổng hợp, lưu trữ, thông tin liên lạc, cứu hộ cứu nạn, dạy bơi	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN Tỉnh	Các sở ngành tỉnh, NGO, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Hàng năm
18	Bố trí 12.675 hộ dân vùng ngập lũ và vùng sạt lở vào cụm tuyến dân cư	UBND các cấp	Các ngành, đoàn thể có liên quan	2010-2011

19	Vận động và hỗ trợ 3.600 hộ dân vùng sạt lở đến nơi an toàn	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các cấp	2012-2020
20	Tổ chức các đội cứu hộ cứu nạn trực ở nơi xung yếu	Hội chữ Thập đỏ các cấp	Các ban ngành, đoàn thể có liên quan	Hàng năm
21	Tổ chức dạy bơi cho trẻ em từ 7 đến 15 tuổi	Ngành Văn hóa-Thể thao và Du lịch	Các ban ngành, đoàn thể có liên quan	Hàng năm
22	Phát hiện và dập tắt kịp thời các dịch bệnh, cấp phát cơ sở thuốc phòng chống lụt bão và tổ chức khám chữa bệnh cho nhân dân	Ngành Y tế	Các ban ngành, đoàn thể có liên quan	Hàng năm
23	Bảo đảm tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chuẩn bị sẵn sàng các loại phương tiện, lực lượng hỗ trợ nhân dân di dời	Công an Đồng Tháp	Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Đội Biên phòng, các ngành đoàn thể có liên quan	Hàng năm
24	Tổ chức thăm hỏi, cứu trợ, huy động lực lượng tại chỗ giúp dân khắc phục hậu quả thiên tai	UBND các cấp	Cấp ủy, đoàn thể các cấp	Hàng năm
25	Vận động các đơn vị, cá nhân trong tỉnh và ngoài tỉnh giúp đỡ đồng bào và các địa phương bị thiệt hại	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	UBND, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội, NGO,	Khi thiên tai nghiêm trọng xảy ra
26	Xây dựng bản đồ hiểm họa, mức báo động nước lũ tại các khu vực tỉnh. Tính tần suất mưa, mực nước kiệt, mực nước lũ.	Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão & TKCN Tỉnh	Các sở ngành tỉnh, Trung tâm KTTV Đồng Tháp, Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	2011
27	Phát hành các bản dự báo về tình hình khí tượng thủy văn 10 ngày, tháng, mùa và thông tin kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng	Trung tâm KTTV Đồng Tháp	Thường trực Ban Chỉ huy PCLB & TKCN các cấp, các phương tiện thông tin đại chúng	Hàng năm
28	Báo cáo tình hình thiên tai và kết quả công tác ứng phó về UBND và Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN	Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Các ngành, đoàn thể địa phương	Hàng năm
29	Xây dựng trang Web site về PNGNTT và BDKH. Xây dựng các biển báo, pa-nô, áp phích tại các khu	Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão &	Các ngành, đoàn thể địa phương	Hàng năm

	vực thường xảy ra thiên tai	TKCN các cấp		
30	Thông tin về tình hình thiên tai, BĐKH trên đài truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức các cuộc tọa đàm trực tiếp trên Đài Truyền hình Đồng Tháp giữa các nhà chuyên môn, nhà quản lý và cộng đồng về công tác quản lý rủi ro thiên tai, BĐKH.	Đài phát thanh - Truyền hình Đồng Tháp	Các ngành, đoàn thể và địa phương	Hàng năm
31	Ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý thiên tai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các ngành tỉnh và địa phương	Hàng năm
32	Tăng cường hợp tác với tỉnh PlayVeng-Vương quốc Campuchia trong công tác cảnh báo, dự báo, chia sẻ thông tin, cứu hộ cứu nạn, qui hoạch và quản lý khai thác bảo vệ tài nguyên nước	UBND tỉnh	Ban Chỉ đạo PCLB TW, các ngành, đoàn thể tỉnh và địa phương	Hàng năm
33	Thực hiện các dự án về PNGNTT trên địa bàn tỉnh	Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Ban Chỉ đạo PCLB TW, các ngành, NGO, đoàn thể tỉnh và địa phương	Hàng năm
34	Xây dựng quỹ tự lực tài chính giảm nhẹ hậu quả thiên tai	Sở Tài chính	Các ngành, đoàn thể tỉnh và địa phương	2015 - 2020
35	Giám sát đánh giá thực hiện Kế hoạch QLRRTT tổng hợp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020	Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN các cấp	Ban Chỉ đạo PCLB TW, các ngành, đoàn thể tỉnh và địa phương	Hàng năm
II	Giải pháp công trình			
1	Xây dựng 43 cụm tuyến dân cư giai đoạn II	Sở Xây dựng	Các ngành liên quan, UBND huyện, TX, TP	2010-2011
2	Xây dựng các cụm tuyến dân cư phục vụ tái định cư các hộ dân vùng sạt lở	Sở Xây dựng	Các ngành liên quan, UBND huyện, TX, TP	2012-2020
3	Gia cố đê bao bảo vệ sản xuất và dân cư	Ủy ban nhân huyện, thị xã và thành phố	Các ngành liên quan	Hàng năm
4	Trồng cây phòng hộ lũ lụt	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các địa phương liên quan	Hàng năm
5	Nâng cấp các trạm Khí tượng thủy văn	Trung tâm KTTV Đồng Tháp	Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão & TKCN tỉnh	Hàng năm
6	Gia cố mái lộ giao thông	Sở Giao thông Vận tải	Các địa phương liên quan	Hàng năm

7	Kiểm tra sửa chữa, gia cố nhà ở, các công trình kết cấu hạ tầng	Đơn vị cá nhân quản lý	Các ngành có liên quan	Hàng năm
8	Xây dựng kè phòng chống sạt lở bờ sông tại thị xã Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, thị xã Sa Đéc	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	Các Bộ ngành Trung ương và các ngành tỉnh, địa phương có liên quan	2012-2020
9	Đầu tư nâng cấp các công trình kênh rạch thoát lũ chính và nạo vét các kênh rạch tạo nguồn	Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	Các ngành tỉnh, địa phương có liên quan	Hàng năm
10	Gia cố các công trình thủy lợi bảo vệ sản xuất và dân cư	Ủy ban nhân dân các cấp	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và các ngành có liên quan	Hàng năm
11	Đầu tư xây dựng đê bao chống lũ các thị trấn, thị tứ	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	Các Bộ ngành Trung ương và các ngành tỉnh, địa phương có liên quan	Hàng năm

Phụ lục 2: Các chương trình, đề án, dự án thực hiện từ năm 2010-2020

TT	Dự án/hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược các hoạt động chính	Chi phí dự kiến (tr.đ)	Thời gian thực hiện	Cơ quan thực hiện		Đầu ra	Ưu tiên
						Chủ trì	Phối hợp		
I	Các dự án phi công trình								
1	Đề án Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020	-Nâng cao năng lực và trình độ về QLTTCD -Nâng cao năng lực và trình độ về QLRRTT cho cán bộ các cấp. -Tăng cường năng lực cho cộng đồng về phòng ngừa và ứng phó với thiên tai	- Biên soạn, phổ biến tài liệu đào tạo, truyền thông. -Đào tạo, tập huấn, hội thảo, học tập kinh nghiệm. -Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác, phòng chống lụt bão & GNTT và hỗ trợ giảng dạy về QLTTCD. -Thiết lập bản đồ thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương, nguồn lực ở từng cộng đồng (do cộng đồng tự xây dựng). -Xây dựng kế hoạch hàng năm về phòng, chống & GNTT do cộng đồng xây dựng. - Tổ chức diễn tập về phòng, ứng phó với các tình huống khẩn cấp tại cộng đồng	24.000	2010-2020	Sở nông nghiệp & PTNT	Ban Chỉ đạo PCLB TW, các tổ chức quốc tế, các sở ban ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan, UBND cấp huyện/xã	-Đảm bảo 100% cán bộ chính quyền các cấp trực tiếp làm công tác QLRRTT được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về QLTTCD -Trên 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức PNGNTT	1
2	Đề án nâng cao nhận thức, truyền thông và giáo dục	-Nâng cao nhận thức cộng đồng về QLRRTT -Khắc phục tính chủ quan của cộng đồng	- Biên soạn, phổ biến tài liệu truyền thông. Tập huấn, họp tham vấn, học tập kinh nghiệm. - Thiết lập hệ thống cảnh báo, tuyên tin sớm thiên tai	20.000	2010 -2015	Sở Nông nghiệp & PTNT	Ban Chỉ đạo PCLB TW, các tổ chức quốc tế, các sở ban ngành,	-Đào tạo 400 cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý thiên tai các cấp. -Nâng cấp hệ	2

		<p>trong công tác chuẩn bị đối phó với thiên tai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục cho người dân nói chung về hàng loạt những hành động cần thiết có thể thực hiện được tại địa phương; - Cải thiện khả năng của thông tin đại chúng địa phương, đưa tin về thiên tai 	<p>trong cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền bá các hoạt động về QLRRTT dựa vào cộng đồng trên các trang web, tivi, đài, báo, pan nô, áp phích, tờ rơi. - Tổ chức các buổi biểu diễn, kịch về phòng, ngừa và GNTT tại cộng đồng nhân các ngày lễ của cộng đồng. - Đưa kiến thức liên quan đến thiên tai đưa vào hoạt động ngoại khóa trong trường học - Hàng năm tổ chức các lớp đào tạo cho cộng đồng về từng hoạt động riêng biệt trong công tác QLRRTT tại cộng đồng. 				<p>đoàn thể tỉnh có liên quan, UBND cấp huyện/xã</p>	<p>thông tin đại chúng tại 117 xã</p> <ul style="list-style-type: none"> -70% người dân được tiếp cận với các thông tin về dự báo, cảnh báo thiên tai trên địa bàn và biện pháp ứng phó -100% các trường phổ thông được trang bị kiến thức về QLRRTT -Hàng năm có 15.000 trẻ em từ 7-15 tuổi được học bơi 	
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

3	Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020	-Đánh giá được mức độ tác động của BĐKH đối với các lĩnh vực, ngành và địa phương trong từng giai đoạn -Xây dựng và thực hiện các đề án, dự án khả thi để ứng phó hiệu quả với BĐKH cho từng giai đoạn ngắn hạn và dài hạn, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giảm thiểu thiệt hại do BĐKH gây ra.	- Đánh giá được mức độ tác động BĐKH đối với các lĩnh vực, ngành và địa phương. - Xác định được các giải pháp ứng phó với BĐKH. -Tăng cường các hoạt động khoa học công nghệ nhằm xác lập cơ sở khoa học cho các giải pháp ứng phó với BĐKH. -Tăng cường năng lực tổ chức, thể chế, chính sách về ứng phó với BĐKH. -Nâng cao nhận thức, trách nhiệm tham gia của cộng đồng và phát triển nguồn nhân lực. -Triển khai thực hiện các dự án, trước tiên là các dự án thí điểm.	48.000	2010-2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Các sở ban ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 được ban hành và triển khai thực hiện 15 dự án thí điểm.	3
4	Tổ chức đội cứu hộ cứu nạn tại chỗ	-Nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.Tổ chức cứu hộ cứu nạn kịp thời	-Phát hành các tài liệu truyền thông.Mua sắm trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn. Tổ chức trực tại nơi xung yếu.Tập huấn cho lực lượng cứu hộ cứu nạn tại chỗ	8.800	2010-2020	Hội chữ Thập đỏ	UBND và đàn thể địa phương	- Hàng năm duy trì 250 đội cứu hộ cứu nạn trực tại những nơi xung yếu, với 2.500 thành viên	4
5	Di dời dân vùng ngập sâu	Hỗ trợ các hộ nghèo vùng ngập sâu, vùng	-Bình xét và phê duyệt danh sách hỗ trợ hộ nghèo di dời: tổ chức thực hiện	77.000	2010-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ủy ban nhân dân các địa	Hỗ trợ 6.600 hộ nghèo vùng sâu vùng xa di dời	5

		sạt lở di dời đến nơi an toàn ổn định cuộc sống	công khai, minh bạch theo trình tự từ ấp, xã - Cấp vốn theo qui định - UBND xã kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ các hộ dân di dời				phương	đến nơi an toàn	
6	Chương trình phổ cập bơi cho trẻ em	- Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc bảo vệ trẻ em - Để trẻ em có thể tự bảo vệ mình	-Đào tạo mạng lưới huấn luyện viên, tuyên truyền. Tổ chức hội thảo, hội thi, học tập kinh nghiệm. - Mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy bơi -Tổ chức các dạy bơi cho trẻ em từ 7 - 15 tuổi	18.150	2010-2020	Sở Văn hóa - Thể thao và du lịch	Đoàn Thanh niên, Hội chữ Thập đỏ, UBND các huyện, thị xã, thành phố	- Mỗi năm dạy bơi cho 15000 trẻ em được dạy bơi	6
7	Nuôi giữ trẻ bán trú tập trung ở nông thôn	- Tạo điều kiện cho gia đình làm ăn sinh sống -Hạn chế trẻ em chết đuối	- Đào tạo kỹ năng cho cô nuôi giữ trẻ. - Tổ chức hội thảo, hội thi, học tập kinh nghiệm.	44.000	2010-2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở ngành, đoàn thể và địa phương.	Mỗi năm tổ chức 100 điểm giữ trẻ, nuôi giữ 2000 cháu	7
8	Hỗ trợ gia đình bị thiệt hại do thiên tai gây ra hàng năm	-Tạo điều kiện cho gia đình bị rủi ro nhanh chóng khắc phục hậu quả	-Cử lực lượng tại chỗ giúp các hộ gia đình khắc phục hậu quả - Hỗ trợ lương thực, thực phẩm, vật tư, giống, kinh phí	6.600	2010-2020	Ngành Lao động -Thương binh và Xã hội	Các ngành, đoàn thể	Mỗi năm hỗ trợ 600 hộ gia đình bị rủi ro thiên tai	9
9	Dự án xây dựng bản đồ hiểm họa, xác định cấp báo động và tần suất mưa, mực	Làm cơ sở việc lập qui hoạch, thiết kế công trình, chỉ đạo sản xuất, phòng chống thiên tai.	- Thu thập các tài liệu về khí tượng thủy văn. - Xây dựng mức báo động về mực nước lũ, kiệt cho từng khu vực trong tỉnh. - Tính toán tần suất về mưa tháng, năm.	300	2010	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các ngành và địa phương có liên quan	- Ban hành mức báo động cấp I, II, III về mực nước kiệt và lũ cho các khu vực trong tỉnh. -Mô hình tính	8

	nước kiệt, mực nước lũ		- Tính toán tần suất mực nước lũ, kiệt từng khu vực.					toán tần suất mưa, lũ, kiệt tại các khu vực	
10	Đề án Quỹ tự lực tài chính (TLTC) giảm nhẹ hậu quả thiên tai	Giúp người dân vùng thường xuyên bị thiên tai có một khả năng tài chính tự chủ để nhanh chóng ổn định cuộc sống và sản xuất một cách bền vững - Tăng khả năng phòng ngừa, giảm tính dễ bị tổn thương, nhất là đối với hộ nghèo	-Xây dựng các chế, chính sách, tổ chức bộ máy, mô hình hình hoạt động Quỹ TLTC giảm nhẹ hậu quả thiên tai. -Xác định đối tượng, phạm vi hoạt động Quỹ TLTC giảm nhẹ hậu quả thiên tai -Xây dựng danh mục thiệt hại được bù đắp bởi Quỹ TLTC -Huy động nguồn lực đầu vào. Quản lý, khai thác, phân bổ và sử dụng quỹ.	350.000	2015-2020	Sở Tài chính	Các sở ngành, đoàn thể, doanh nghiệp, UBND địa phương	-Các cơ chế chính sách được ban hành -Bù đắp 50-75% mức độ thiệt hại cho, đơn vị và hộ dân bị rủi ro thiên tai	15
II Giải pháp công trình									
11	Dự án Qui hoạch phòng chống sạt lở bờ sông tỉnh Đồng Tháp năm 2020	-Chủ động trong công tác ứng phó với sạt lở bờ sông, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản -Nâng cao nhận thức của người dân -Bảo vệ an toàn khu vực trọng điểm về kinh tế - xã hội và kết hợp chỉnh trang	-Lập Qui hoạch phòng chống sạt lở bờ sông tỉnh Đồng Tháp năm 2020 -Thông tin tuyên truyền về phòng tránh sạt lở. - Xây dựng 8 cụm tuyến dân cư phục vụ tái định cư các hộ dân vùng sạt lở. Vận động và hỗ trợ các hộ dân di dời đến nơi an toàn - Xây dựng 4 công trình kè chống sạt lở tại thị xã Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, thị xã Sa Đéc (GD 3) và huyện Châu Thành	1.000.300	2010 -2020	Sở Nông nghiệp & PTNT	Bộ Nông nghiệp & PTNT, các Sở ngành, địa phương có liên quan	-Ban hành qui hoạch phòng chống sạt lở bờ sông tỉnh Đồng Tháp năm 2020 -Xây dựng 8 cụm tuyến dân cư, tái bố trí 3.600 hộ vùng sạt lở. -Hoàn thành các công trình kè tại: Sa Đéc (giai đoạn III), Tx. Hồng Ngự,	10

		đô thị	- Xử lý tạm thời các điểm sạt lở trong tỉnh					huyện Hồng Ngự, n Châu Thành	
12	Chương trình cụm tuyến dân cư giai đoạn 2	Bố trí chỗ ở ổn định cho các hộ dân vùng ngập lũ và vùng bị sạt lở. Tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế và tiếp cận tốt các dịch vụ xã hội	-San lấp nền và xây dựng các công trình thiết yếu về điện sinh hoạt, nước sinh hoạt, giao thông, thoát nước -Cho vay vốn làm nhà và hỗ trợ những hộ khó khăn di dời	830.000	2010-2012	Sở Xây dựng	Các Sở ngành, địa phương có liên quan	Bố trí chỗ ở ổn định cho 12.675 hộ dân vùng ngập lũ và vùng bị sạt lở.	11
13	Chương trình kiểm soát lũ	-Chủ động trong việc tiêu thoát lũ, kết hợp bố trí lại dân cư, nâng cấp giao thông, đê bao bảo vệ an toàn cho các khu dân cư, cơ sở hạ tầng, bảo vệ sản xuất	- Nạo vét các tuyến kênh rạch trực chính, kết hợp xây dựng các cụm tuyến dân cư, giao thông. - Nạo vét các tuyến kênh rạch tạo nguồn kết hợp nâng cấp giao thông, đê bao bảo vệ dân cư và sản xuất	2.970.000	2010-2020	- Bộ nông nghiệp & PTNT -Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở ngành, địa phương có liên quan	-Hoàn thành nạo vét 16 tuyến kênh rạch trực chính và 30 tuyến kênh rạch tạo nguồn -Bảo vệ an toàn cho 128.000 ha SXNN.	12
14	Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới đê bao bảo vệ thành phố và thị trấn	-Bảo vệ an toàn cho dân và bố trí hộ dân di dời trong những năm lũ lớn - Đảm bảo các hoạt động kinh tế - xã hội diễn ra bình thường trong mùa lũ. - Chính trang đô	- Nâng cấp đê bao bảo vệ TT. Sa Rài -Xây dựng mới các đê bao chống lũ bảo vệ Tx. Hồng Ngự, TT. Mỹ An, TT. Tràm Chim	241.000	2010-2020	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở ban ngành, UBND địa phương	-Hoàn thành nâng cấp và xây dựng mới 3 đê bao bảo vệ 12.000 hộ dân sống trong đô thị	13

		thị theo hướng văn minh hiện đại							
15	Dự án trồng rừng phòng hộ lũ lụt và rừng phân tán	- Cải thiện môi trường sinh thái - Bảo vệ mái bờ bao, lộ giao thông - Tăng thu nhập cho người dân	-Tập huấn, thông tin truyền thông. -Trồng, chăm sóc , bảo vệ rừng	54.800	2010-2020	Sở Nông nghiệp & PTNT	UBND các địa phương	-Trồng mới 5.500 ha rừng phòng hộ, 3.900 ha rừng sản xuất và 4.400 ha rừng phân tán. -Khai thác 4.300 ha rừng sản xuất	¹⁴

Phụ lục 3: Dự kiến kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án từ năm 2010-2020

TT	Chương trình, đề án, dự án	Kinh phí thực hiện hàng năm											Tổng
		2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
I	Giải pháp phi công trình												546850
1	Đề án Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020	4.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	24.000
2	Đề án nâng cao nhận thức, truyền thông và giáo dục	0	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	20.000
3	Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020	3.000	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	48.000
4	Cứu hộ cứu nạn chổ	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	800	8.800
5	Di dời dân vùng ngập sâu	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400							77.000
6	Chương trình phổ cập bơi cho trẻ em từ 7 đến 15 tuổi	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650	1.650	18.150
7	Nuôi giữ trẻ bán trú ở nông thôn	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	44.000
8	Hỗ trợ các gia đình bị thiệt hại do thiên tai gây ra hàng năm	600	600	600	600	600	600	600	600	600	600	600	6.600
9	Xây dựng bản đồ hiểm họa, mức báo động nước lũ tại các khu vực tỉnh.		300										300
10	Đề án Quỹ tự lực tài chính (TLTC) giảm nhẹ hậu quả thiên tai							50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	300.000
II	Giải pháp công trình												5.198.800

11	Dự án phòng chống sạt lở bờ sông tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020	7.000	186.000	180.000	190.000	130.000	130.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	1.003.000
12	Chương trình cụm tuyến dân cư giai đoạn 2	320.000	320.000	190.000									830.000
13	Chương trình kiểm soát lũ: nâng cấp 16 tuyến kênh trục chính và nạo vét 30 tuyến kênh rạch tạo nguồn	270.000	270.000	300.000	300.000	270.000	270.000	270.000	270.000	250.000	250.000	250.000	2.970.000
14	Dự án trồng rừng phòng hộ lũ lụt và rừng phân tán	6.700	6.700	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	54.800
15	Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới đê bao bảo vệ các thị trấn: Sa Rài, Tràm Chim, Mỹ An, TP. Cao Lãnh			41.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000				341.000
	Tổng cộng	633.150	813.950	746.550	585.550	495.550	530.150	436.150	436.150	356.150	356.150	356.150	5.745.650

Phụ lục 4: Các chương trình, dự án, đề án trọng điểm cần lồng ghép vào Kế hoạch QLRRTT tổng hợp đến năm 2020

TT	Dự án/hoạt động	Mục tiêu	Tóm tắt sơ lược các hoạt động chính	Chi phí dự kiến (tr.đ)	Thời gian thực hiện	Cơ quan thực hiện		Các nội dung cần lồng ghép
						Chủ trì	Phối hợp	
1	Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020	- Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 9/12/2008 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 - Đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân	- Đường huyện: Đầu tư xây dựng mới các tuyến đường theo đúng kỹ thuật (tối thiểu cấp 5 đồng bằng). Riêng các tuyến hiện có sẽ nâng cấp, nâng cao chất lượng mặt đường bằng bê tông hoặc láng nhựa, đạt tiêu chuẩn cấp 4 trở lên, thay thế cầu tạm, cầu yếu bằng bê tông cốt thép - Đường xã: Đầu tư xây dựng mới các tuyến đường theo đúng kỹ thuật (tối thiểu cấp 6 đồng bằng). Riêng các tuyến hiện có sẽ nâng cấp đảm bảo nề rộng 5 m trở lên. - Xóa bỏ cầu gỗ tạm, cầu khỉ bằng cầu sắt hoặc cầu bê tông cốt thép	4.471.000	2010-2020	Sở Giao thông Vận tải	Các sở ngành, địa phương có liên quan	-Xây dựng kết hợp đề bao bảo vệ sản xuất và khu dân cư - Cao trình mặt lộ đảm bảo chống lũ theo qui hoạch kiểm soát đối với từng vùng. -Đảm bảo đủ số lượng cống tưới tiêu, thoát lũ
2	Chương trình kiên cố hóa kênh mương	Nâng cấp các công trình thủy lợi nội đồng phục vụ tưới tiêu, bảo vệ xuất	-Nạo vét kênh rạch bị cạn kiệt, gia cố bờ bao bảo vệ sản xuất -Xây dựng các công để chủ động trong tưới tiêu	234.229	2010-2020	Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp & PTNT và các sở ngành liên quan	Kết hợp tiêu thoát lũ, bảo vệ sản xuất và dân cư sống trong đề bao

3	Đề án trạm bơm điện tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020	Đề chủ động tưới tiêu phục vụ sản xuất, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng hiện đại hóa, chủ động phòng chống thiên tai, dịch bệnh, kết hợp điện sinh hoạt cho nhân dân vùng sâu vùng xa	<ul style="list-style-type: none"> -Xây dựng hệ thống đường dây, trạm biến áp -Xây dựng, nâng cấp tu sửa đê bao, công điều tiết, kênh rạch đầu mối - Đầu tư máy bơm sau hạ thế -Xây dựng 481 trạm bơm. 	236.167	2010-2015	Sở Nông nghiệp và PTNT	Điện lực Đồng Tháp, các sở ngành tỉnh liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chủ động bơm tiêu úng trong mùa lũ
4	Qui hoạch cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> -Tăng cường sức khỏe khỏe, nâng cao mức sống ở các vùng nông thôn, thông qua việc cấp nước sạch và giải quyết các vấn đề về vệ sinh môi trường nông thôn - Đến năm 2020 có 95% dân số nông sử dụng nước sạch và 96,6% số hộ dân nông thôn có nhà vệ sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo cán bộ chuyên môn, quản lý vận hành các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. - Biên soạn, phổ biến các tài liệu truyền thông giáo dục, tập huấn, học tập kinh nghiệm về vệ sinh môi trường nông thôn. - Đầu tư xây dựng mới, nâng 152 trạm cấp nước sạch. -Đầu tư xây dựng 207.313 công trình vệ sinh - Đầu tư xây dựng 8.039 hầm Bioga 	890.969	2010-2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở ngành, đoàn thể tỉnh liên quan và các địa phương	<ul style="list-style-type: none"> -Tạo điều kiện cho người dân có nước sạch sử dụng khi thảm họa nghiêm trọng xảy ra -Xây dựng nhà vệ sinh và hầm Bioga sẽ hạn ô nhiễm môi trường -Xây dựng nhà vệ sinh kết hợp làm nơi trú tránh bão an toàn.

5	Chương trình kiên cố hóa trường lớp	-Đảm bảo việc dạy học bình thường trong mùa lũ -Nâng cao chất lượng giáo dục -Giảm thiệt hại do thiên tai gây ra	-Đầu tư nâng cấp trường lớp bị ngập nền trong mùa lũ, các phòng học tre lá -Xây dựng nhà công vụ cho giáo viên.	335.731	2010-2011	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố	Kết hợp xây dựng nền nhà xây dựng vượt lũ 2000, mái chống đông lốc, sét và nơi trú tránh bão an toàn
6	Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên bàn tỉnh Đồng Tháp	Hỗ trợ cho mỗi hộ nghèo có nhà ở ổn định, an toàn; đảm bảo đến năm 2012 cơ bản giải quyết xong chính sách nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Toàn tỉnh có 11.118 hộ nghèo được hỗ trợ	- Bình xét và phê duyệt danh sách hộ trợ nhà ở : tổ chức thực hiện công khai, minh bạch theo trình tự từ ấp, xã - UBND Tỉnh sẽ phân bổ cho cấp huyện, đồng thời gửi danh sách vay vốn cho Ngân hàng Chính sách Xã hội để thực hiện cho vay. - Ban Giảm nghèo của xã hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ dân xây dựng nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích và chất lượng nhà ở theo quy định của của Đề án này. - Đối với hộ dân có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...) không thể tự xây dựng nhà ở thì Ban Giảm nghèo cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng này	188.797	2010-2012	Sở Xây dựng	Các Sở ngành, đoàn thể tỉnh liên quan, UBND cấp huyện, xã	-Nền nhà xây dựng vượt lũ 2000. -Mái chống bão cấp 10. -Kết hợp xây dựng nơi trú tránh bão an toàn
Tổng cộng				6.356.893				

